

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH**

---

**NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH**

**CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỈNH  
KHÁNH HÒA**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển**

**Mã số: 60.31.05**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
GS.TS. HOÀNG THỊ CHỈNH**

**TP. HỒ CHÍ MINH – Năm 2007**

# MỤC LỤC

	Trang
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt	
<b>Mở đầu</b>	1
0.1 Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu	1
0.2 Phạm vi nghiên cứu	2
0.3 Kết cấu đề tài nghiên cứu	2
0.4 Phương pháp nghiên cứu	2
0.5 Mục đích nghiên cứu	3
<b>Chương 1 Cơ sở lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp</b>	4
<b>1.1 Cơ cấu kinh tế nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp</b>	4
1.1.1 Khái niệm cơ cấu kinh tế và cơ cấu kinh tế nông nghiệp	4
1.1.2 Chuyển dịch cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp	7
<b>1.2 Các mô hình lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế</b>	8
1.2.1 Mô hình Rostow	8
1.2.2 Mô hình hai khu vực của Arthus Lewis	9
1.2.3 Mô hình hai khu vực của Harry T. Oshima	10
<b>1.3 Yêu cầu khách quan phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp</b>	10
1.3.1 Quan điểm về chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp	10
1.3.2 Xu hướng chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp	12
<b>1.4 Những nhân tố tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp</b>	16
1.4.1 Vốn	16
1.4.2 Tiến bộ khoa học - kỹ thuật - công nghệ	17
1.4.3 Thị trường và trình độ phát triển của kinh tế thị trường	18
1.4.4 Lợi thế so sánh về vị trí địa lý, tài nguyên khí hậu	19
1.4.5 Yếu tố kinh tế - xã hội	19
1.4.6 Cách tiếp cận hàm sản xuất trong phân tích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp	20
<b>1.5 Kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của một số nước và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam</b>	21
1.5.1 Kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của một số nước	22
1.5.1.1 Kinh nghiệm của Nhật Bản	22

1.5.1.2	Kinh nghiệm của Trung quốc	23
1.5.1.3	Kinh nghiệm của Thái lan	26
1.5.1.4	Kinh nghiệm của vùng mía đường Lam Sơn (Thanh Hóa)	27
1.5.2	Bài học kinh nghiệm	29
1.5.2.1	Bài học về xác lập chế độ sở hữu và quản lý	29
1.5.2.2	Về xây dựng các chính sách khuyến khích sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp	29
1.5.2.3	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp	30
<b>Chương 2</b>	<b>Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Tỉnh Khánh Hòa</b>	<b>33</b>
<b>2.1</b>	<b>Những tiềm năng chủ yếu ảnh hưởng đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa</b>	<b>33</b>
2.1.1	Các tiềm năng về tự nhiên	33
2.1.2	Nguồn lực kinh tế – xã hội	37
2.1.3	Những thuận lợi và khó khăn	41
<b>2.2</b>	<b>Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 1986-2005</b>	<b>42</b>
2.2.1	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Khánh Hòa 1986–2005	43
2.2.2	Thực trạng về cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa giai đoạn 1986-2005	44
2.2.2.1	Hiện trạng sử dụng đất đai	44
2.2.2.2	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa giai đoạn 1986 – 2005	45
2.2.2.3	Chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp	54
2.2.2.4	Chuyển dịch cơ cấu đầu tư trong khu vực nông nghiệp giai đoạn 1986-2005	55
<b>2.3</b>	<b>Đánh giá tác động của các nhân tố đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh</b>	<b>55</b>
2.3.1	Phương pháp nghiên cứu	55
2.3.2	Kết quả phân tích hồi qui	56
2.3.3	Một số phát hiện chính từ kết quả nghiên cứu	57
<b>2.4</b>	<b>Đánh giá chung</b>	<b>58</b>
2.4.1	Những kết quả của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trong thời gian qua của Khánh Hòa	58
2.4.2	Hạn chế và những vấn đề đặt ra cần giải quyết	59
<b>Chương 3</b>	<b>Những giải pháp chủ yếu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa</b>	<b>62</b>
<b>3.1</b>	<b>Quan điểm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa thời gian tới</b>	<b>62</b>

<b>3.2</b>	<b>Phương hướng chủ yếu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa</b>	66
3.2.1	Tiếp tục phát triển mạnh nông nghiệp trên cơ sở khai thác lợi thế	67
3.2.2	Xây dựng, phát triển, nâng cấp hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn	67
<b>3.3</b>	<b>Những giải pháp chủ yếu thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa thời gian tới</b>	68
3.3.1	Cần rà soát quy hoạch tổng thể điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch sử dụng đất	68
3.3.2	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật - công nghệ vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp	70
3.3.3	Giải pháp về thị trường	71
3.3.4	Giải pháp về vốn	73
3.3.5	Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn	74
3.3.6	Đổi mới hoàn thiện các chính sách công cụ kinh tế nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp	75
3.3.7	Đẩy mạnh giáo dục và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là điều kiện quan trọng phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp	77
	<b>Kết luận và Kiến nghị</b>	79
	<b>Tài liệu tham khảo</b>	81
	<b>Phần phụ lục</b>	

## **BẢNG DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

CCKT	: Cơ cấu kinh tế
CNH – HĐH	: Công nghiệp hóa - hiện đại hóa
CNXH	: Chủ nghĩa xã hội
NXB	: Nhà xuất bản
PTNT	: Phát triển nông thôn
Tp. HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
XDCB	: Xây dựng cơ bản
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

# PHẦN MỞ ĐẦU

## 0.1 Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu

Nông nghiệp bao gồm trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản là một trong những ngành sản xuất vật chất quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội đối với tất cả các quốc gia trên thế giới. Nó càng quan trọng hơn đối với các quốc gia đang phát triển trong xu thế hội nhập hiện nay. Vì thế, nhiều tổ chức quốc tế, nhiều nhà kinh tế học vẫn tiếp tục quan tâm nghiên cứu về vai trò của nông nghiệp và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp như thế nào để cơ cấu kinh tế của mỗi quốc gia vận động hợp lý và theo cơ chế thị trường.

Kể từ năm 1986 nền kinh tế Việt Nam đã bắt đầu có sự đổi mới, Chính phủ Việt Nam từng bước cải cách các chính sách một cách toàn diện, xây dựng một nền kinh tế độc lập - tự chủ, thích ứng với hội nhập kinh tế thế giới, với một cơ cấu kinh tế hiện đại hợp lý. Hòa nhập với xu thế đổi mới, nông nghiệp nước ta đã có những chuyển biến mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực, từng bước thích ứng với cơ chế thị trường, bước đầu gặt hái được nhiều kết quả tốt đẹp. Tuy nhiên, nông nghiệp Việt Nam vẫn còn đứng trước những thử thách lớn trong tiến trình chuyển đổi và hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Thứ nhất, cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch chậm, không cân đối, quy mô sản xuất vừa nhỏ bé vừa chưa theo sát yêu cầu thị trường. Thứ hai, cơ sở vật chất, kỹ thuật của nông nghiệp (đường giao thông, thủy lợi tưới tiêu, điện...) còn thấp kém đã làm hạn chế việc tiếp cận thị trường. Thứ ba, lao động thủ công còn phổ biến, máy móc cơ giới nông nghiệp còn lạc hậu dẫn đến năng suất lao động nông nghiệp còn thấp. Thứ tư, hội nhập kinh tế thế giới đòi hỏi ngành nông nghiệp phải cạnh tranh với các nước trong khu vực có trình độ phát triển cao hơn, có lợi thế so sánh về các mặt hàng nông sản tương tự như Việt Nam.

Tỉnh Khánh Hòa với trên 60% dân cư sống ở nông thôn và hầu hết hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, tuy đời sống bà con đã phần nào được cải thiện, song vẫn còn nhiều vấn đề phải giải quyết. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp bước đầu chuyển đổi theo hướng thị trường, song vẫn chưa đáp ứng các mục tiêu: khai thác có hiệu quả tiềm năng, áp dụng tiến bộ kỹ thuật – công nghệ vào sản xuất, giải phóng sức lao động nông nghiệp, nâng cao năng suất lao động, nâng cao sản lượng hàng hóa

quy mô lớn. Xuất phát từ yêu cầu trên, đề tài: “*Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Khánh Hòa*” được lựa chọn nghiên cứu nhằm tìm ra những giải pháp thích hợp để giải quyết những vấn đề tồn tại, tận dụng thế mạnh, tiềm năng Khánh Hòa để khai thác hợp lý các nguồn lực có hiệu quả.

## **0.2 Phạm vi nghiên cứu**

- Về không gian: luận văn nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp trên địa bàn các huyện thuộc tỉnh Khánh Hòa (không tính huyện đảo Trường Sa).

- Về thời gian, luận văn nghiên cứu từ năm 1986 đến nay, chủ yếu tập trung phân tích giai đoạn từ năm 2000 đến nay.

## **0.3 Mục đích nghiên cứu**

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở một số nước và nước ta. Từ đó rút ra những vấn đề có tính phương pháp luận cho việc nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Khánh Hòa.

- Phân tích, đánh giá thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Khánh Hòa giai đoạn 1986-2005, rút ra những ưu điểm và chỉ ra những tồn tại trong cơ cấu kinh tế, nguyên nhân dẫn đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa diễn ra chậm và trì trệ.

- Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa theo đúng mục tiêu xác định.

## **0.4 Phương pháp nghiên cứu**

Luận văn của chúng tôi được thực hiện bằng cách tiếp cận các khung lý thuyết và mô hình về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; phân tích thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Khánh Hòa, trong đó tập trung nghiên cứu mô hình sản xuất Cobb-Douglas để lượng hóa các nhân tố tác động đến quá trình chuyển dịch này trong giai đoạn 1986-2005.

Bên cạnh vận dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong nghiên cứu, luận văn cũng kết hợp sử dụng các phương pháp điều tra khảo sát thực tế, lấy ý kiến chuyên gia để chứng minh; phương pháp thống kê, so sánh và phân tích, ứng dụng kinh tế lượng với phần mềm Eview và Excel để xử lý.

Nguồn dữ liệu chủ yếu thu thập bao gồm các tư liệu thống kê, điều tra kinh tế - xã hội của Cục thống kê tỉnh Khánh Hòa; Niên giám thống kê tỉnh Khánh Hòa (1989-1992-1994-1996-1998-2002-2004-2005); Tư liệu của các ngành, các cấp trong tỉnh, kết hợp số liệu khảo sát thực tế để chứng minh. Luận văn kế thừa và phát triển kết quả của các công trình nghiên cứu trước đây.

### **0.5 Kết cấu đề tài nghiên cứu**

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn này gồm ba chương chính: thứ nhất, cơ sở lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; thứ hai, thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 1986-2005; và thứ ba, những giải pháp chủ yếu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Khánh Hòa.



## **Chương I**

### **CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP**

#### **1.1 Cơ cấu kinh tế nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp**

##### 1.1.1 Khái niệm cơ cấu kinh tế và cơ cấu kinh tế nông nghiệp

###### - Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế được hiểu theo nhiều cách tiếp cận khác nhau và đã có nhiều công trình liên quan đến hướng đề tài dưới nhiều góc độ, phạm vi và mức độ khác nhau.

Ở nước ta, vấn đề xây dựng cơ cấu hợp lý đã được Đại hội VI, VII và gần đây đại hội IX của Đảng đã nêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế là một trong những mục tiêu quan trọng trong việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội.

- Trước thời kỳ đổi mới đã có một số tác phẩm về cơ cấu kinh tế:

+ Về cơ cấu kinh tế công nông nghiệp của Viện CNXH khoa học (tháng 04/1986)

+ Cơ cấu công nông nghiệp hợp lý của Viện CNXH khoa học.

+ Xây dựng cơ cấu hợp lý trong thời kỳ quá độ ở nước ta - Ủy ban khoa học xã hội.

Những tác phẩm trên đã đi vào phân tích hệ thống lý luận và thực tiễn của cơ cấu kinh tế tập trung, quan liêu bao cấp nên chỉ đề cập đến hai ngành sản xuất vật chất công nghiệp và nông nghiệp.

- Đến thời kỳ đổi mới đã xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu khoa học của nhiều cấp độ khác nhau về cơ cấu kinh tế:

+ Chuyển dịch CCKT theo hướng CNH – HĐH nền kinh tế quốc dân 2 tập của Ngô Đình Giao. Tác phẩm đã phân tích các căn cứ lý luận và thực tiễn trong quá trình chuyển dịch CCKT và phân tích các quan điểm, phương hướng xây dựng cơ cấu kinh tế có hiệu quả ở Việt Nam. Tác giả đã kế thừa một số quan điểm và phương hướng chung của chuyển dịch CCKT theo hướng CNH – HĐH.

+ Tác động của Nhà nước nhằm chuyển dịch CCKT theo hướng CNH – HĐH ở nước ta hiện nay, chủ biên PGS. TS Nguyễn Sinh Cúc, NXB Chính trị quốc gia (1986). Tác giả kế thừa những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tác động kinh tế của Nhà nước nhằm chuyển dịch CCKT theo hướng CNH – HĐH.

+ Sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa ở Đông Á và Việt Nam của Bùi Tất Thắng – NXB Khoa học xã hội (1994) và (2006). Tác giả kế thừa kinh nghiệm chuyển dịch CCKT ngành trong quá trình CNH của các nền kinh tế mới.

+ Các nhân tố ảnh hưởng đến sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong thời kỳ CNH ở Việt Nam. Chủ biên Bùi Tất Thắng (1997). Tác giả kế thừa một số vấn đề cơ bản về nhân tố ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu ngành trong quá trình CNH-HĐH.

+ Chuyển dịch CCKT nông thôn - những vấn đề lý luận và thực tiễn của PGS.PTS Lê Đình Thắng, NXB nông nghiệp (1998). Tác giả kế thừa một số vấn đề về sự cần thiết chuyển dịch CCKT nông thôn và một số giải pháp thuộc vĩ mô nhằm thúc đẩy chuyển dịch CCKT nông thôn.

+ Chuyển dịch CCKT nông nghiệp vùng nông thôn ngoại thành Tp.HCM của Trung tâm kinh tế học và phát triển, do TS. Trương Thị Minh Sâm chủ biên. Tác giả kế thừa một phần mối quan hệ giữa CCKT với CNH – HĐH và những nhân tố tác động đến CCKT.

+ Chuyển dịch CCKT Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI, do TS. Nguyễn Đình Quế chủ biên, Viện Khoa học xã hội (2004). Tác giả kế thừa một phần định hướng chung về chuyển dịch cơ cấu ngành và cơ cấu vùng kinh tế.

+ Những biện pháp kinh tế, tổ chức và quản lý để phát triển nông nghiệp hàng hóa và chuyển đổi CCKT nông thôn Nam bộ. Đề tài nghiên cứu khoa học, mã số KX 03.21.C. Chủ biên PSG. Đào Công Tiến (1996).

+ Chuyển dịch cơ cấu và xu hướng phát triển của kinh tế nông nghiệp Việt Nam theo hướng CNH – HĐH từ thế kỷ XX đến thế kỷ XXI trong thời đại kinh tế tri thức của tác giả Lê Quốc Sử - NXB Thống kê (2001).

Các cách tiếp cận đã phản ánh được các vấn đề chủ yếu của cơ cấu kinh tế:

- Tổng thể các nhóm ngành, các yếu tố cấu thành hệ thống kinh tế một quốc gia.

- Số lượng và tỷ trọng của các nhóm ngành và của các yếu tố cấu thành hệ thống kinh tế trong tổng thể nền kinh tế đất nước.

- Các mối quan hệ tương tác lẫn nhau giữa các nhóm ngành, các yếu tố hướng vào các mục tiêu đã xác định. Cơ cấu kinh tế còn là một phạm trù trừu tượng, muốn nắm vững bản chất của cơ cấu kinh tế và thực thi các giải pháp nhằm cố định cơ cấu kinh tế có hiệu quả cần xem xét từng loại cơ cấu cụ thể của nền kinh tế quốc dân. Với khái niệm phổ biến, cơ cấu kinh tế không chỉ quy định về số lượng và tỷ lệ giữa các yếu tố cấu thành, biểu hiện về lượng sự tăng trưởng của hệ thống, mà còn nghiên cứu những mối quan hệ cơ cấu giữa các yếu tố, biểu hiện về chất - sự phát triển của hệ thống. Nền kinh tế chỉ có thể ổn định và tăng trưởng bền vững khi có cơ cấu cân đối, hợp lý. Từ đó, cơ cấu kinh tế được khái niệm: cơ cấu kinh tế là tổng thể các mối quan hệ chủ yếu cả về chất và lượng giữa các bộ phận hợp thành (cả kinh tế - kỹ thuật và kinh tế - xã hội), những bộ phận đó nhất thiết phải gắn bó hữu cơ với nhau, tác động phụ thuộc lẫn nhau, làm điều kiện cho nhau trực tiếp trong lĩnh vực sản xuất hay gián tiếp trong khâu kinh tế. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã chỉ rõ: “Nền kinh tế quốc dân có một cơ cấu hợp lý là nền kinh tế trong đó các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất có quy mô và trình độ kinh tế khác nhau phải được bố trí cân đối, liên kết với nhau phù hợp với điều kiện kinh tế, đảm bảo cho nền kinh tế phát triển ổn định”.

Nhìn chung, có thể khái quát cơ cấu kinh tế là tổng thể các mối quan hệ chủ yếu về số lượng và về chất lượng, tương đối ổn định của các yếu tố kinh tế hoặc các bộ phận của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất (quan hệ giữa chúng với nhau và với toàn bộ hệ thống trong một hệ thống tái sản xuất xã hội với những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định vào những khoảng thời gian nhất định).

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Nông - lâm - ngư nghiệp là hệ thống nhỏ trong hệ thống lớn của cơ cấu kinh tế. Cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp cũng là một cấu trúc gắn bó hữu cơ nhiều nhân tố tác động qua lại lẫn nhau cùng tồn tại và phát triển trong những thời gian và không gian nhất định. Do đó, cơ cấu nông nghiệp bao gồm các ngành sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng, nuôi trồng đánh bắt thủy sản. Bản thân nhiều ngành trong nông nghiệp lại là những hệ thống nhỏ mà trong nhiều hệ thống nhỏ đó lại có những yếu tố, những thuộc tính giống nhau tạo thành hệ thống nhỏ hơn. Sản xuất nông

ngành phát triển không ngừng, cơ cấu các ngành trong nông nghiệp cũng vận động, biến đổi không ngừng mở rộng. Nhờ tác động công nghiệp, trong cơ cấu ngành nông nghiệp còn có thêm các ngành như: ngành chế biến lương thực, thực phẩm, dịch vụ nông nghiệp... mang tính chuyên môn hóa rõ rệt. Và khi bước sang xã hội hậu công nghiệp, không thể không phát sinh thêm những ngành mới nữa (công nghệ sinh học, tin học nông nghiệp). Thiếu những ngành này không thể có ngành nông nghiệp hoàn chỉnh được.

Do vậy, cơ cấu nông nghiệp trước hết là một bộ phận của cơ cấu kinh tế là một ngành lớn một tổng thể hữu cơ của nhiều ngành nhỏ, với nhiều cấp hệ khác nhau, không ngừng hoàn thiện và phát triển trong sự ổn định tương đối, trong các mối quan hệ khấn khít, tác động và tùy thuộc lẫn nhau giữa các yếu tố, được xác định bằng các quan hệ tỷ lệ về số lượng và chất lượng. Cơ cấu nông nghiệp chịu sự tác động mạnh mẽ của các điều kiện tự nhiên: đất đai, khí hậu, thời tiết, nguồn nước và các điều kiện kinh tế - xã hội.

### 1.1.2 Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là sự vận động của các yếu tố cấu thành của kinh tế nông nghiệp theo các quy luật khách quan dưới sự tác động của con người vào các nhân tố ảnh hưởng đến chúng theo những mục tiêu xác định.

Chuyển dịch cơ cấu ngành trong nông nghiệp là sự thay đổi tương quan tỷ lệ của mỗi ngành chuyên môn hóa trong tổng thể các ngành trong nông nghiệp. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo vùng nông nghiệp là sự chuyển dịch của các ngành nông nghiệp xét theo từng vùng trong nông nghiệp. Về thực chất, đó cũng là sự chuyển dịch của ngành nhưng được xem xét ở phạm vi hẹp hơn theo từng vùng lãnh thổ. Xuất phát từ đặc điểm tự nhiên nước ta, việc kết hợp sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp trên toàn vùng lãnh thổ cũng như trong từng vùng là yêu cầu tất yếu khách quan. Thực chất đó là quan điểm sinh thái của sự kết hợp. Vì việc kết hợp giữa nông, lâm, ngư nghiệp cho phép tạo ra cân bằng sinh thái hợp lý đảm bảo những điều kiện cần thiết cho sản xuất (đất đai, khí hậu, nước, độ ẩm, ...) kinh doanh lâu dài với hiệu quả cao. Đó còn là yêu cầu tất yếu của việc sử dụng tài nguyên, tổ chức sản xuất hợp lý theo lãnh thổ.

Ở nước ta hiện nay, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế có những đặc điểm chủ yếu là nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế, tỷ trọng công

nghiệp có tăng song chưa đạt mức mong muốn. Trong nội bộ ba nhóm ngành lớn, cơ cấu ngành đã có những thay đổi theo hướng tích cực, có tác dụng bước đầu đối với sự phát triển chung của nền kinh tế quốc dân, song chưa vững chắc, chưa đáp ứng yêu cầu thị trường. Trong nội bộ các ngành, đặc biệt là ngành nông – lâm – ngư nghiệp, trình độ trang bị kỹ thuật còn thấp, năng suất cây trồng vật nuôi chưa cao, chất lượng hàng hóa (kể cả hàng hóa đã qua chế biến) còn thấp đã hạn chế khả năng xuất khẩu ra thị trường thế giới. Lao động thủ công và bán cơ giới còn khá phổ biến nên năng suất lao động thấp, giá thành sản phẩm cao, chất lượng sản phẩm chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Trong công nghiệp máy móc thiết bị đã ít về chủng loại lại lạc hậu về công nghiệp, phần lớn thuộc về thế hệ cũ trang bị chắp vá, nhất là công nghiệp nhẹ, công nghiệp nông thôn còn nhỏ bé, chưa phát triển tương xứng với tiềm năng, nên chưa có sức thu hút lao động dư thừa trong nông nghiệp.

Nước ta bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trùng với thời điểm thế giới đang diễn ra những thay đổi lớn về chính trị, kinh tế. Xu hướng hòa bình và hợp tác để phát triển, toàn cầu hóa và khu vực hóa đời sống kinh tế. Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ đã và đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyên môn hóa và hợp tác hóa giữa các quốc gia làm cho lực lượng sản xuất phát triển nhanh chóng. Trong điều kiện đó, chúng ta muốn nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành mới tích cực nhưng gặp khó khăn là vốn, trình độ công nghệ thấp kém, lao động trình độ thấp... Bởi vậy các khó khăn bất cập xảy ra thường xuyên trong tiến trình chuyển dịch cơ cấu là điều kiện tất yếu và chúng đòi hỏi phải có các giải pháp và điều chỉnh hợp lý.

## **1.2 Các mô hình lý thuyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Theo cách hiểu chuyển dịch cơ cấu kinh tế như trên, chúng ta có thể nghiên cứu một số mô hình lý thuyết về sự chuyển dịch cơ cấu dưới đây.

### **1.2.1 Mô hình Rostow**

Đại diện cho lý thuyết này là Walter Rostow. Theo mô hình Rostow, quá trình phát triển kinh tế của mỗi quốc gia được chia theo 5 giai đoạn và ứng với mỗi giai đoạn là một dạng cơ cấu ngành kinh tế đặc trưng thể hiện bản chất phát triển của giai đoạn ấy. Cụ thể từng giai đoạn được phân tích như sau:

Giai đoạn 1: Xã hội truyền thống, đặc trưng là sản xuất nông nghiệp chiếm vị trí thống trị, năng suất lao động thấp do sản xuất chủ yếu bằng thủ công, sản xuất nông

nghiệp mang tính tự cung, tự cấp. Cơ cấu kinh tế trong thời kỳ này là cơ cấu nông nghiệp thuần túy.

Giai đoạn 2: Chuẩn bị cất cánh, những hiểu biết về khoa học – kỹ thuật đã bắt đầu được áp dụng vào sản xuất; giáo dục được mở rộng; nhu cầu đầu tư tăng lên đã thúc đẩy sự hoạt động của các ngân hàng và sự ra đời của các tổ chức huy động vốn; giao lưu hàng hóa trong và ngoài nước cũng đã thúc đẩy sự hoạt động trong ngành giao thông vận tải, thông tin liên lạc. Tuy vậy, cơ cấu kinh tế trong giai đoạn này vẫn là cơ cấu nông - công nghiệp, năng suất thấp.

Giai đoạn 3: Cất cánh, những yếu tố đảm bảo sự cất cánh là huy động vốn đầu tư cần thiết; khoa học kỹ thuật mới được áp dụng vào sản xuất, thương mại hóa tạo ra sự thay đổi trong nhận thức và lối sống của người nông dân. Cơ cấu kinh tế trong giai đoạn này là công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ.

Giai đoạn 4: Trưởng thành, đặc trưng cơ bản là tỷ lệ đầu tư cho sản xuất lên tới từ 10% đến 20% thu nhập quốc dân; Khoa học - kỹ thuật mới được ứng dụng trên toàn bộ các mặt hoạt động kinh tế; Nhiều ngành công nghiệp mới, hiện đại phát triển; Nông nghiệp được cơ giới hóa, đạt được năng suất lao động cao; Nhu cầu xuất nhập khẩu tăng mạnh, sự phát triển trong nước hòa đồng vào thị trường quốc tế. Cơ cấu kinh tế trong giai đoạn này là công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp.

Giai đoạn 5: Tiêu dùng cao, thu nhập, đời sống của đại bộ phận dân cư tăng cao. Cơ cấu lao động thay đổi theo hướng tăng tỷ lệ lao động có tay nghề, có trình độ chuyên môn cao.

Tuy không đề cập tới quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong từng ngành cụ thể, nhưng đứng trên góc độ mối quan hệ giữa sự chuyển dịch cơ cấu với quá trình phát triển thì mô hình này đã chỉ ra một sự chọn lựa hợp lý về dạng cơ cấu ngành tương ứng với mỗi giai đoạn phát triển nhất định của mỗi quốc gia.

### 1.2.2 Mô hình hai khu vực của Arthur Lewis

Đại diện cho trường phái này là nhà kinh tế học Arthur Lewis (1954). Theo mô hình này, có sự dịch chuyển lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và nhu cầu thu hút lao động của khu vực công nghiệp theo khả năng tích lũy vốn, giải quyết được tình trạng dư thừa nguồn lao động trong nông nghiệp. Để bổ sung cho những hạn chế của mô hình này, thì các nhà kinh tế thuộc trường phái tân cổ điển đã

đặt khoa học công nghệ là yếu tố trực tiếp và mang tính quyết định đến năng suất, sản lượng nông nghiệp, và vai trò của ngoại thương, vay mượn và viện trợ nước ngoài trong quá trình tăng trưởng kinh tế.

### 1.2.3 Mô hình Harry T. Oshima

Với những đặc điểm cơ bản của sản xuất nông nghiệp và hoạt động kinh tế Châu Á, trong tác phẩm “Tăng trưởng kinh tế ở các nước Châu Á gió mùa”, Oshima đề xuất phát triển công nghiệp ngay trên địa bàn nông thôn, vẫn giữ lao động trong nông nghiệp, nhưng cần tạo thêm nhiều việc làm trong thời kỳ nhàn rỗi. Khi thị trường lao động trở nên khắt khe hơn thì tiền công lao động tăng nhanh, các nông trại, xí nghiệp phải chuyển sang cơ khí hóa. Việc sử dụng máy móc cơ khí sẽ làm tăng năng suất lao động và tăng tổng thu nhập trong nước. Với quan điểm đó, một cơ cấu kinh tế hợp lý sẽ được hình thành.

## 1.3 Yêu cầu khách quan phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

### 1.3.1 Quan điểm về chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung và cơ cấu sản xuất nông nghiệp nói riêng là một quá trình lâu dài, đồng thời cũng hết sức khó khăn phức tạp. Quá trình đó đòi hỏi giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề quan trọng, nhưng trước hết, muốn chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp thành công, đúng hướng đòi hỏi phải nắm được những quan điểm sau:

✓ *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phải đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường*

Là quan điểm chi phối toàn bộ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường là mục tiêu cụ thể trong chiến lược phát triển kinh tế – xã hội cũng như mục tiêu cụ thể của quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.

Quan điểm nâng cao hiệu quả kinh tế trong quá trình chuyển dịch cơ cấu Nhà nước định hướng cho nông dân cần biết lựa chọn sản phẩm (sản xuất cái gì, lựa chọn các yếu tố đầu vào và thị trường tiêu thụ) sao cho có lợi nhất. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển dịch cơ cấu không chỉ xem xét hiệu quả kinh tế một cách đơn thuần mà còn xem xét hiệu quả xã hội. Nâng cao hiệu quả xã hội trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp thể hiện việc lựa chọn ngành nghề có khả năng thu hút

lao động, khuyến khích làm giàu, nhưng phải gắn với chương trình xóa đói giảm nghèo, phòng chống tệ nạn xã hội và giữ gìn bản sắc dân tộc.

Chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp luôn luôn gắn với khai thác và sử dụng các nguồn lực tài nguyên thiên nhiên, nên đòi hỏi phải quan tâm đến bảo vệ và cải thiện môi trường. Vấn đề bảo vệ môi trường trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế đòi hỏi phải xem xét một cách toàn diện từ qui hoạch khai thác tài nguyên để phát triển các ngành cũng như hàng loạt các vấn đề khác liên quan đến môi trường.

✓ *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp phải gắn với khai thác triệt để các lợi thế so sánh của đất, nước cũng như của từng vùng, từng địa phương*

Nước ta có nhiều lợi thế trong kinh tế, như lợi thế về tự nhiên, lao động, lợi thế về các nghề truyền thống... Một số địa phương lại có những lợi thế riêng, để vận dụng quan điểm này vào quá trình chuyển dịch cơ cấu, đòi hỏi phải đánh giá khách quan, có cơ sở khoa học những lợi thế so sánh của đất nước cũng như từng vùng địa phương trong quá trình phát triển các ngành.

Khai thác lợi thế so sánh trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế tất yếu sẽ dẫn đến sự hình thành các sản phẩm, các ngành mũi nhọn mà đất nước có khả năng, từ đó hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, đi vào chuyên môn hóa. Tuy nhiên, nhiều lợi thế so sánh của đất nước cũng như từng vùng địa phương đa dạng ở tiềm năng. Khai thác có hiệu quả các lợi thế đó hay không còn phụ thuộc chiến lược phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội. Mặt khác, cần nhận thức rằng khai thác lợi thế so sánh trong chuyển dịch cơ cấu không có nghĩa là tập trung sản xuất sản phẩm ta có, mà phải luôn hướng theo nhu cầu thị trường, phải nhạy bén trước nhu cầu thị trường.

Vậy vận dụng quan điểm này vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế đòi hỏi phải có sự phối hợp đồng bộ từ Nhà nước trung ương đến các ngành, địa phương.

✓ *Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp phải phù hợp khả năng của nền kinh tế và quan hệ quốc tế hiện nay.*

Đòi hỏi phải đánh giá khách quan đúng khả năng nền kinh tế (tài nguyên, vốn, lao động, khoa học...). Trên cơ sở đánh giá đúng khả năng nền kinh tế, lựa chọn một cơ cấu thích hợp, xác định quy mô phát triển đúng từng ngành, từng sản phẩm. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế có tác động lớn đến sự phát triển nông nghiệp Việt



Nam. Từ khi Việt Nam đổi mới các chính sách kinh tế (1986), sản lượng nông nghiệp đã tăng nhanh, với động lực chính là việc tự do hóa nhanh chóng nền kinh tế quốc dân và thừa nhận vai trò của người nông dân như là một tác nhân kinh tế tự chủ. Sự tăng trưởng này đã giúp giảm nghèo một cách rõ rệt ở nông thôn và Việt Nam đã chuyển mình từ một nước phải nhập khẩu lương thực thành một nước xuất khẩu lớn thứ hai trên thế giới. Đồng thời từ một nước xuất khẩu cà phê nhỏ Việt Nam cũng đã trở thành nước xuất khẩu nhiều nhất cà phê Vối (Robusta). Gần đây hơn đã có thêm một lượng nhỏ thay thế nhập khẩu trong những mặt hàng như đường. Các thị trường trong nước về cà phê, hạt điều và hồ tiêu đều nhỏ. Vì vậy, những thị trường này không thể tạo kênh đầu ra cho những gia tăng mạnh về sản lượng mà Việt Nam đã đạt được. Trong trường hợp lúa gạo, sự gia tăng sản lượng nếu không có xuất khẩu chắc chắn sẽ chậm hơn nhiều, bởi vì lượng gạo dư thừa sẽ làm giảm giá gạo trong nước xuống mức thấp hơn so với giá đạt được nhờ xuất khẩu. Do đó, rõ ràng là sự tồn tại của thị trường thế giới và sự hội nhập của Việt Nam vào những thị trường này là điều kiện tiên quyết cho sự tăng trưởng nhanh chóng của ngành nông nghiệp.

Nền nông nghiệp Việt Nam đã chứng tỏ khả năng cạnh tranh quốc tế bằng cách tăng thị phần một loạt các hàng hóa nông nghiệp quan trọng của mình trong thương mại toàn cầu. Nhưng bên cạnh những mặt tích cực đó, khu vực nông thôn tăng trưởng chậm hơn so với toàn bộ nền kinh tế nói chung và vẫn là một khu vực có vấn đề với tỷ lệ nghèo phổ biến với nhiều hình thức. Tốc độ về tăng trưởng chủ yếu là nhờ người nông dân đã phản ứng một cách tự phát trước các động cơ thị trường, họ đã chuyển sang canh tác những cây trồng mà họ ít có hoặc không hề có kinh nghiệm gì, mà Chính Phủ cũng không có khả năng cung cấp hỗ trợ cần thiết về khuyến nông. Về mặt chế biến và tiếp thị, mặc dù năng lực vật chất nói chung là đáp ứng được với tốc độ phát triển nhanh chóng về sản lượng nông nghiệp, nhưng năng lực này chủ yếu đạt được chỉ bằng cách nhân thêm các nhà xưởng và hệ thống có sẵn từ khi sản lượng chỉ bằng một phần nhỏ sản lượng hiện nay.

Trên đây là những quan điểm cơ bản trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Các quan điểm đó cần được vận dụng một cách đồng bộ vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

### 1.3.2 Xu hướng chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là xu hướng vận động có tính khách quan, dưới tác động của nhiều nhân tố ảnh hưởng của nhiều nhân tố khách quan và chủ quan; trong nước và nước ngoài. Trên thực tế, cùng với quá trình hình thành và phát triển phong phú, đa dạng của các ngành kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, thì cơ cấu giữa các ngành cũng ngày càng phức tạp và luôn biến đổi theo nhu cầu xã hội, theo đà phát triển của thị trường và theo khả năng của sản xuất để khai thác các nguồn lực vừa để đáp ứng nhu cầu thị trường, vừa nâng cao hiệu quả của sản xuất. Quá trình đó thể hiện sự tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, là bước chuyển từ chỗ khai thác sử dụng các tài nguyên và nguồn lực thực dụng vì mục đích trước mắt, mục đích có tính nội bộ (người sản xuất, trong từng vùng riêng biệt, tiêu dùng nội bộ) sang sử dụng hợp lý, khoa học hơn, gắn lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài, gắn lợi ích kinh tế với các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái. Quá trình đó được khái quát bởi các xu hướng sau:

✓ *Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa*

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, trước hết là quá trình chuyển từ nền nông nghiệp độc canh, mang tính tự cấp, tự túc sang nền nông nghiệp sinh thái đa dạng và bền vững, theo hướng sản xuất hàng hóa.

Trong nền nông nghiệp độc canh, sản xuất trồng trọt chiếm tỷ trọng lớn. Sự mất cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi bắt nguồn từ tính chất sản xuất và khả năng giải quyết các nhu cầu về lương thực trong điều kiện công nghệ và năng suất lao động thấp. Từ đó, mọi yếu tố về nguồn lực tự nhiên và lao động đều phải tập trung cho sản xuất trồng trọt. Sự tiến bộ của khoa học và công nghệ đã tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động và năng suất đất đai. Vì vậy, đã cho phép chuyển bớt các yếu tố nguồn lực cho sự phát triển của các ngành khác.

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa có nghĩa là sản xuất sản phẩm để bán chứ không phải để tiêu dùng cho bản thân và gia đình họ. Vì vậy, sản xuất ra loại hàng hóa gì? Sản lượng bao nhiêu? Cơ cấu chủng loại thế nào? Điều đó không phụ thuộc người sản xuất mà chủ yếu phụ thuộc vào mức độ và khả năng tiêu thụ của thị trường, do sự chi phối của thị trường, đó là mối quan hệ: Thị trường – Sản xuất hàng hóa – Thị trường. Thị trường quyết định hai vấn đề quan trọng:

(i) Sản xuất kinh doanh cái gì? Cho ai? Và sản xuất như thế nào?

(ii) Cung cấp các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh như lao động, tiền vốn, vật tư, thị trường đầu ra, đến lượt mình nó lại quyết định cho hiệu quả của quá trình sản xuất: sản phẩm sản xuất kinh doanh phải được tiêu thụ và phải có lãi.

Như vậy, thị trường đầu ra và đầu vào có quan hệ chặt chẽ với cơ cấu kinh tế trong một hệ thống, mối quan hệ này càng hoàn hảo bao nhiêu thì cơ cấu kinh tế càng hợp lý bấy nhiêu. Một cơ cấu kinh tế dù được xây dựng hoàn hảo đến mấy cũng sẽ không có hiệu quả hoặc hiệu quả thấp nếu không có thị trường hoặc không đáp ứng nhu cầu thị trường. Vì vậy, xác lập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa trước hết phải từ thị trường và vì thị trường, lấy thị trường làm căn cứ và xuất phát điểm. Xem đây là giải pháp hàng đầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Quan hệ hàng hóa – tiền tệ tạo nên sự năng động trong sản xuất, kinh doanh, đặt ra yêu cầu cải tiến nhanh về kỹ thuật, công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng, cải tiến qui cách, mẫu mã và tổ chức tiêu thụ sản phẩm để dẫn tới tăng hiệu quả sản xuất, nâng cao năng suất lao động xã hội, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển. Chính sản xuất hàng hóa là hình thức thực hiện cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Nó buộc người sản xuất một mặt phải đáp ứng nhu cầu thị trường, mặt khác phải lựa chọn cây gì, con gì có hiệu quả nhất.

Phát triển sản xuất hàng hóa giúp phá bỏ cơ cấu kinh tế cũ, lạc hậu, xác lập cơ cấu kinh tế mới tiên tiến phù hợp. Một khi cơ cấu kinh tế nông nghiệp được xác lập hợp quy luật, sẽ mở đường cho phát triển sản xuất hàng hóa. Cho nên có thể nói, không thể đẩy mạnh sản xuất hàng hóa mà không biến đổi cơ cấu sản xuất và ngược lại, nếu không biến đổi cơ cấu sản xuất thì cũng không có hoặc có rất ít hàng hóa để cung ứng ra thị trường. Vì vậy, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa phải được xem là vấn đề cốt lõi.

Xu hướng có tính tất yếu mà nhiều nước phát triển trên thế giới đã trải qua trong chuyển dịch cơ cấu nông thôn trước hết là chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp: chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng sản phẩm chăn nuôi, thủy sản, rau quả, giảm tỷ trọng lương thực.

✓ *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp từ thuần nông sang phát triển nông nghiệp tổng hợp*

Một xu hướng song hành cùng quá trình chuyển từ nền nông nghiệp tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hóa là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp thuần túy sang kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp và ngư nghiệp. Sự kết hợp giữa các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp vừa xuất phát từ yêu cầu nội tại của từng ngành, từng mối quan hệ giữa các ngành và yêu cầu của việc khai thác sử dụng các tiềm năng để phát triển kinh tế, vừa giải quyết vấn đề việc làm, tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, đồng thời khôi phục, bảo vệ và tạo lập môi trường sinh thái bền vững.

Sự chuyển dịch của cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo các xu hướng vận động trên là kết quả tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp bao gồm các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp thủy sản và dịch vụ nông nghiệp. Sự phát triển của nông nghiệp tổng hợp và dịch vụ nông nghiệp được phát triển và phát triển với tốc độ nhanh làm cho cơ cấu kinh tế có sự thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng sản xuất nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng ngành lâm ngư nghiệp và dịch vụ nông nghiệp. Sự phát triển của các ngành được thực hiện trong mối quan hệ gắn bó hữu cơ với nhau, trong đó gắn bó giữa nông nghiệp với các ngành dịch vụ, kể cả dịch vụ du lịch.

Trên cơ sở đó, lao động sẽ chuyển dịch từ trồng trọt sang chăn nuôi, từ sản xuất nông nghiệp sang làm dịch vụ, lao động cơ khí trên đồng ruộng, trong chuồng trại và trong các xí nghiệp chế biến nông sản. Chuyển dịch cơ cấu làm thay đổi thu nhập của các hộ nông dân, trang trại gia đình từ nông nghiệp sang chuyên nghề: nông công nghiệp dịch vụ, tăng thu nhập nông dân bằng nhiều nguồn. Đó chính là quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp.

Như vậy cơ cấu nông nghiệp trước hết là một bộ phận của cơ cấu kinh tế, là một ngành lớn một tổng thể hữu cơ của nhiều ngành nhỏ, với nhiều cấp hệ khác nhau, không ngừng hoàn thiện và phát triển trong sự ổn định tương đối, trong các mối quan hệ chằng chịt, tác động và tùy thuộc lẫn nhau giữa các yếu tố, được xác định bằng các quan hệ tỷ lệ về số lượng và chất lượng. Cơ cấu nông nghiệp chịu sự tác động mạnh mẽ của các điều kiện tự nhiên: đất đai, khí hậu, thời tiết, nguồn nước và các điều kiện kinh tế xã hội.

Đất đai là tư liệu sản xuất không thể thiếu đối với sản xuất nông nghiệp. Thực tế chứng minh rằng, tổng quỹ đất tự nhiên và quỹ đất nông nghiệp nguồn gốc hình

thành các loại đất; độ phì nhiêu, diện tích đất bình quân đầu người là những yếu tố quyết định cơ cấu nông nghiệp.

Các điều kiện địa hình, thổ nhưỡng, thủy văn cũng chi phối mạnh mẽ cơ cấu nông nghiệp. Ở những vùng đồng bằng châu thổ nhiệt đới, mưa nhiều, lúa nước chiếm ưu thế, ở vùng ven biển thích hợp việc nuôi trồng sinh thái mặn. Sản xuất nông nghiệp tạo ra các sản phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu của con người, do đó cơ cấu nông nghiệp chịu sự tác động mạnh mẽ của nhu cầu thị trường thị hiếu, sức mua dân cư, chẳng những chịu sự tác động trực tiếp của thị trường trong nước mà còn chịu ảnh hưởng cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp. Cùng với tốc độ tăng trưởng nền kinh tế, thu nhập và sức mua của dân cư cũng tăng lên, mức sống được cải thiện, hệ quả là đã tác động kích thích các ngành sản xuất tư liệu tiêu dùng, trong đó nông nghiệp phải tăng trưởng nhanh. Chính những đòi hỏi mới về tốc độ và chất lượng tăng trưởng trong nông nghiệp mà yêu cầu phải có những cơ cấu mới phù hợp, điều này có ý nghĩa to lớn và là yêu cầu bức xúc phải điều chỉnh chuyển dịch cơ cấu các ngành sản xuất nông nghiệp.

#### **1.4 Những nhân tố tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp**

##### **1.4.1 Vốn**

Hiện nay, do thu nhập của người dân ngày càng tăng, sản phẩm tiêu dùng của họ cũng đòi hỏi khắt khe hơn về chất lượng. Việc đầu tư cho nông nghiệp sẽ làm tăng năng suất lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nhu cầu vốn sẽ rất lớn. Cơ sở hạ tầng như giao thông, thông tin liên lạc phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm, phát sinh nhu cầu mới từ khu vực lân cận nhằm phát huy các tiềm năng tự nhiên, khai thác các lợi thế mới của vùng, tạo điều kiện phát triển các ngành nghề kinh doanh mới. Đồng thời, đầu tư vốn giúp cho người nông dân tiếp cận công nghệ hiện đại như công nghệ sinh học, các giống cây trồng vật nuôi cho năng suất cao, vượt khỏi khả năng tích lũy của họ.

Do đó, cần có một giải pháp về vốn phù hợp sẽ thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu diễn ra nhanh hơn, hiệu quả hơn.

#### 1.4.2 Tiến bộ khoa học - kỹ thuật - công nghệ

Trong thời đại ngày nay, khoa học kỹ thuật phát triển nhanh như vũ bão. Tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ diễn ra trên thế giới và trong nước có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự biến đổi cơ cấu kinh tế. Trước hết nó làm thay đổi vị trí của các ngành kinh tế quốc dân. Sự phát triển của khoa học – công nghệ không những làm thay đổi các công cụ sản xuất, tạo điều kiện nâng cao năng suất lao động, hiệu quả sản xuất, mà nó còn làm thay đổi cả phương thức lao động, tạo khả năng đổi mới khoa học - công nghệ trong các ngành kinh tế. Từ đó làm cho năng suất lao động ngày càng tăng cao, tạo ra khả năng mở rộng sản xuất của các ngành truyền thống; đồng thời hình thành nên các ngành sản xuất kinh doanh mới. Sự thay đổi về tốc độ phát triển của các ngành cũng như hệ thống các ngành mới chính là sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng dưới tác động của khoa học và công nghệ.

Trong kinh tế nông nghiệp, khoa học - kỹ thuật có những tác động với cơ giới hóa, thủy lợi hóa, cách mạng về sinh học. Do đó trong nông nghiệp hàng loạt giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao và hiệu quả kinh tế lớn từng bước được đưa vào sản xuất. Nhu cầu của xã hội về nông sản, trước hết là lương thực đã được đáp ứng. Ở nước ta hiện nay, vai trò của nhân tố khoa học với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phụ thuộc vào 2 nhân tố:

- + Chính sách khoa học – công nghệ của Đảng và Nhà nước.
- + Sự lạc hậu của công cụ lao động, trình độ tay nghề của người lao động và khả năng hạn hẹp về vốn đầu tư cho đổi mới khoa học – công nghệ.

Trong nền kinh tế nước ta hiện nay đặc biệt các vùng kinh tế nông nghiệp, vấn đề quan trọng phải nhanh chóng và không ngừng thay đổi kỹ thuật và công nghệ lạc hậu; phá thế độc canh cây lúa, một số vùng đưa công nghệ sinh học để nâng cao năng suất lao động. Mặc dù mức độ và khả năng khác nhau, nhưng bất cứ quy mô nào cũng đều có nhu cầu về khoa học - kỹ thuật – công nghệ. Sở dĩ như vậy vì nền kinh tế nước ta đòi hỏi phải có những loại hàng hóa nông thủy sản có chất lượng cao, đa dạng phong phú. Nhu cầu đó không chỉ đáp ứng yêu cầu trong nước mà còn xuất khẩu ra nước ngoài. Khi đưa những tiến bộ kỹ thuật vào sử dụng thì cần phải phân tích và lựa chọn những loại kỹ thuật có trình độ phù hợp với nhu cầu và khả năng của từng vùng. Tránh tình trạng đưa những công nghệ được coi là mới của ta

nhưng quá lạc hậu đối với các nước khác, hoặc là hiện đại đến mức chúng ta sử dụng không hiệu quả. Thực tiễn cho chúng ta thấy phải kết hợp ứng dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật - công nghệ hiện đại với khai thác triệt để kinh nghiệm truyền thống công cụ cải tiến trong nông nghiệp.

#### 1.4.3 Thị trường và trình độ phát triển của kinh tế thị trường

Trong nền kinh tế hàng hóa, thị trường là khâu trung gian giữa sản xuất và tiêu dùng, do đó luôn là yếu tố quyết định sự phát triển kinh tế và đặc biệt nó làm ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự hình thành và biến đổi giữa các ngành kinh tế, nói đến thị trường là nói đến nhu cầu của con người cần được thỏa mãn thông qua thị trường. Hơn nữa ở nước ta lượng dân cư tương đối lớn tập trung ở vùng nông thôn nên nó đã tạo ra một thị trường sôi động với các hàng hóa nông sản có giá trị kinh tế cao, rất gần gũi và quen thuộc đối với đời sống hàng ngày của con người, nếu mức thu nhập của nhân dân cao tạo sức mua lớn thị trường nông thôn; đồng thời cũng phụ thuộc vào việc nền kinh tế xây dựng cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế như thế nào? Và điều hết sức quan trọng là phải giải quyết được vấn đề cơ bản của thị trường: sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và sản xuất cho ai?

Sản xuất cái gì? Vấn đề cơ bản kinh tế nhất phải lựa chọn là sản xuất những loại hàng hóa và dịch vụ, số lượng bao nhiêu, chất lượng ra sao để có thể thỏa mãn tối đa nhu cầu thị trường. Muốn vậy, phải nắm bắt được nhu cầu trong nước và ngoài nước, nhu cầu về chủng loại, về số lượng, chất lượng, về thời gian cung ứng, xác định nhu cầu thị trường không thể tìm ngay trong quan hệ cung cầu hàng hóa, mà phải thông qua giá cả thị trường.

Thực tiễn phát triển kinh tế nước ta trong những năm gần đây cho thấy rằng ngành sản xuất nào, địa phương nào, biết lựa chọn hàng hóa nào thị trường cần thì họ sẽ tồn tại và phát triển trong cạnh tranh và ngược lại.

Sản xuất như thế nào? Sau khi đã lựa chọn được sản xuất cái gì là tối ưu thì công việc tiếp theo là tổ chức công việc đó như thế nào để sản xuất nhanh nhất, nhiều nhất với chất lượng tốt nhất và rẻ nhất. Để làm được điều đó trước hết phải lựa chọn được các yếu tố đầu vào một cách thích hợp cả về chủng loại, số lượng, chất lượng và thời gian. Vấn đề quan trọng tiếp theo phải giải quyết là tổ chức kết hợp chặt chẽ giữa các yếu tố đầu vào để sản xuất ra hàng hóa và dịch vụ với chi phí thấp.

Sản xuất cho ai? Những hàng hóa sản xuất ra được tiêu thụ theo giá cả thị trường và quan hệ cung cầu trên thị trường. Như vậy thị trường đầu ra và đầu vào có mối quan hệ chặt chẽ với cơ cấu kinh tế trong một hệ thống, mối quan hệ này càng hoàn hảo bao nhiêu thì cơ cấu kinh tế càng hợp lý bấy nhiêu.

Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng là tăng tỷ trọng chăn nuôi; thủy sản, rau quả, dịch vụ và giảm tỷ trọng lương thực.

#### 1.4.4 Lợi thế so sánh về vị trí địa lý, tài nguyên khí hậu

Việt Nam nằm trong khu vực Đông Nam Á, thuộc khu vực đang phát triển năng động nhất thế giới, lại nằm trên tuyến giao thông quan trọng, có nhiều cửa ngõ thông ra biển thuận tiện cho ra vào các nước trong khu vực. Do đó, nước ta có lợi thế mở rộng kinh tế đối ngoại, thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển thương mại hàng không, hàng hải và dịch vụ. Tuy vậy, việc khai thác các yếu tố này phục vụ phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Thông thường ở mỗi giai đoạn phát triển, người ta tập trung khai thác các tài nguyên có lợi thế, trữ lượng lớn, giá trị kinh tế cao, nhu cầu thị trường lớn và ổn định, như vậy sự đa dạng và phong phú tài nguyên thiên nhiên và các điều kiện có ảnh hưởng đến quá trình hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, là nhân tố phải tính đến trong quá trình hoạch định cơ cấu.

#### 1.4.5 Yếu tố kinh tế - xã hội

Cơ cấu kinh tế mang tính khách quan nhưng sự hình thành và chuyển đổi nhanh hay chậm, hợp lý hay không hợp lý lại do sự tác động chủ quan của con người. Hay nói cách khác nhân tố con người có ý nghĩa quyết định đến sự hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Dân số, lao động được xem là nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế, sự tác động này lên quá trình hình thành và chuyển dịch cơ cấu kinh tế được xem xét trên các mặt chủ yếu sau:

+ Kết cấu dân cư và trình độ dân trí, khả năng tiếp thu khoa học – công nghệ mới là cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu quả sản xuất, là nhân tố thúc đẩy tiên bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất của các ngành kinh tế nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng.



+ Quy mô dân số, kết cấu dân cư và thu nhập của họ có ảnh hưởng lớn đến quy mô và cơ cấu của nhu cầu thị trường.

Vì vậy, việc nâng cao trình độ dân trí, đào tạo nguồn nhân lực là yêu cầu cấp bách bởi lẽ nếu không có đội ngũ các nhà khoa học có trình độ cao làm đầu tàu trong nghiên cứu, ứng dụng, triển khai công nghệ hiện đại phục vụ sản xuất nông nghiệp hoặc lực lượng lao động trong nông nghiệp không được đào tạo, chuyên giao công nghệ thì không thể nói đến tăng trưởng kinh tế cao và bền vững.

1.4.6 Cách tiếp cận hàm sản xuất trong phân tích sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Hàm sản xuất Cobb-Douglas

Cách tiếp cận hàm sản xuất Cobb – Douglas đối với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế có nguồn gốc từ việc sử dụng khái niệm hàm sản xuất. Đối với một quốc gia hay một công ty, sản lượng là một hàm phụ thuộc vào các yếu tố sản xuất: đất, lao động, vốn, trình độ công nghệ...

Dạng tổng quát hàm sản xuất Cobb - Douglas như sau:

$$Y = F(R, K, L, T)$$

Trong đó :

Y : Biến phụ thuộc, là giá trị sản lượng

K : Vốn (lượng tư bản)

L : lao động

R : diện tích đất

T : công nghệ

Hàm sản xuất này mang tên hai vị giáo sư người Mỹ Charles Cobb là nhà toán học và Paul Douglas là nhà kinh tế học, giáo sư kinh tế học ở đại học Chicago (sau đó là nghị sĩ Mỹ) và được trình bày trong cuốn sách do P. Douglas viết, The theory of wages (New York : Macmillan 1934)

Trong phạm vi nghiên cứu của luận văn, chúng tôi sử dụng cụ thể hàm Cobb – Douglas như sau :

$$Y_t = K_t^a L_t^b D_t^c \quad (1)$$

Trong đó:

$Y_t$  là giá trị sản xuất (giá cố định) ở thời điểm  $t$ ;

$K_t$  là vốn đầu tư thời điểm  $t$ ;

$L_t$  là lao động thời điểm  $t$  ;

$D_t$  là diện tích đất nông nghiệp.

$a$  là hệ số co giãn từng phần của giá trị sản xuất nông nghiệp theo vốn (giả định lao động và diện tích đất không đổi)

$b$  là hệ số co giãn từng phần của giá trị sản xuất theo lao động (giả định vốn và diện tích đất không đổi)

$c$  là hệ số co giãn từng phần của giá trị sản xuất theo diện tích (giả định vốn và lao động không đổi)

Giả định  $a$ ,  $b$  và  $c$  trong phương trình (1) sẽ là hằng số được ước lượng.

Sử dụng phương pháp bình phương bé nhất (Ordinary least square, OLS) trong kinh tế lượng để ước lượng  $a$ ,  $b$  và  $c$ . Chúng tôi đã sử dụng phần mềm EVIEW để xác định.

Mô hình giá trị sản xuất nông nghiệp được khái quát như sau:

$$Y_t = a_0 + a_1 K_t + a_2 L_t + a_3 D \quad (2)$$

Trong đó:

$Y_t$  là giá trị sản xuất nông nghiệp;

$K$  là nguồn vốn đầu tư XDDB;

$L$  là lao động nông nghiệp ;

$D$  là diện tích đất nông nghiệp

Việc nghiên cứu nhằm tìm ra yếu tố ảnh hưởng đến giá trị sản xuất để từ đó đưa ra một số giải pháp tác động đến giá trị sản xuất nông nghiệp, tức là gián tiếp tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng, cơ cấu kinh tế nói chung của tỉnh Khánh Hòa.

**1. 5 Kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của một số nước và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam**

## 1. 5.1 Kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của một số nước

### 1. 5.1.1 Kinh nghiệm của Nhật Bản

Ngay từ những năm 50, trong chính sách khôi phục kinh tế, chính phủ Nhật Bản đã coi trọng sản xuất nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng, sớm tìm được hướng đi và bước đi thích hợp cho nền kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng, nhất là chính sách chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp. Đến nay, Nhật Bản đã có một nền nông nghiệp đa dạng, hiện đại, có một cơ cấu hợp lý, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau:

- Nhật Bản đã tiến hành cải cách ruộng đất, tự do hóa nông thôn, xem trọng hình thức nông trại gia đình, phát triển kinh tế trang trại gia đình gắn liền hợp tác xã, xây dựng các xí nghiệp công nghiệp dịch vụ nông nghiệp nông thôn và đưa công nghiệp về tận nông trại, đảm bảo mục tiêu “an toàn lương thực”, đồng thời phát triển nông nghiệp toàn diện, mở rộng sản xuất các cây trồng khác và phát triển chăn nuôi thông qua phát triển các vùng nông nghiệp đặc thù. Để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, Nhật bản áp dụng chính sách an toàn lương thực thông qua việc cải tạo đất đai, định cư cho nông dân, thiết lập chế độ sở hữu nhỏ, xóa bỏ quyền chiếm dụng ruộng đất bất hợp pháp tạo điều kiện thuận lợi để nông dân yên tâm sản xuất. Chính sách và các luật lệ về nông nghiệp đều lấy trang trại làm đối tượng, đều tạo điều kiện thuận lợi cho các trang trại tiến hành tập trung hóa và hiệp tác hóa sản xuất với quy mô và hình thức thích hợp.

- Chiến lược sản xuất sản phẩm nông nghiệp và sự tăng cường quản lý vĩ mô bằng các chính sách nông nghiệp của chính phủ Nhật Bản. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản bước vào giai đoạn khôi phục và phát triển nông nghiệp, mục tiêu được quan tâm hàng đầu là an toàn lương thực trên cơ sở phát triển chăn nuôi và các loại cây trồng khác. Nhờ có chính sách khuyến nông phù hợp nên sau mười năm, sản lượng nông nghiệp đạt được mức cao nhất của những năm trước chiến tranh. Chiến lược nông nghiệp chuyển sang sản xuất những loại đặc sản nông nghiệp có giá trị thương phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ ngày càng tăng. Từ sau năm 1975 khi nông nghiệp phát triển có phần không tương xứng với nhu cầu xã hội, Nhật Bản thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp toàn diện trên cơ sở bảo đảm an toàn lương thực, thực hiện trợ giá nông sản, hoàn thiện cơ cấu nông nghiệp, đẩy mạnh

xây dựng các công trình phúc lợi ở nông thôn. Kết quả đến thập kỷ 80, đã đảm bảo nhu cầu tiêu dùng lương thực và thực phẩm.

- Hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, Nhật bản coi nó là yếu tố quyết định trong việc đi sâu vào chuyên môn hóa và mở rộng qui mô kinh doanh, hình thành các trang trại trồng trọt, chăn nuôi. Hiện đại hóa nông nghiệp được thực hiện thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa nông dân và Nhà nước phù hợp với từng loại đất, cây trồng, quy mô trang trại và truyền thống thâm canh của Nhật Bản. Đặc biệt hệ thống thủy lợi đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh kết hợp với cải tạo đồng ruộng, đảm bảo diện tích đất được tưới. Nhật Bản chủ yếu là sử dụng hệ thống máy móc nhỏ thích hợp với nông trại và các thửa ruộng đồng lúa quy mô nhỏ. Về công nghệ sinh học, Nhà nước rất quan tâm cho việc lai tạo giống mới, cây trồng và vật nuôi, các công nghệ “GEN” chăn nuôi được hiện đại hóa, sử dụng công nghệ tổng hợp.

#### 1.5.1.2 Kinh nghiệm của Trung quốc

Nằm trong khu vực và liền kề với biên giới nước ta nên Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng về tự nhiên - kinh tế - xã hội như nước ta, nhưng họ đã lựa chọn được bước đi và giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp phù hợp và đã thu được kết quả vượt bậc.

Khi mới giành được độc lập, Trung Quốc cũng là một nước có xuất phát điểm thấp, từ một nền nông nghiệp lạc hậu, dân số đông nhất thế giới, diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người thấp hơn Việt Nam. Công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc khá giống Việt Nam với ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, ít quan tâm đến nông nghiệp. Vì vậy suốt những năm 60, 70 đời sống nhân dân sa sút nghiêm trọng, tình hình chính trị xã hội bất ổn định, nạn đói xảy ra nhiều nơi. Đến năm 1978, lương thực bình quân của nông dân giảm 59%, bông vải sợi giảm 5,7%, cá ăn giảm 15%, còn thịt được coi là hàng xa xỉ không mấy ai dám ăn. Cuối những năm 1978, Đảng cộng sản Trung Quốc bước đầu thực hiện thành công về hoạch định chính sách và chiến lược phát triển kinh tế nông nghiệp bằng nghị quyết hội nghị trung ương III khóa XI tháng 12/1978. Một trong những quyết sách đó là khoán hộ trong sản xuất nông nghiệp.

- Khoán hộ là một cơ chế tổ chức, quản lý sản xuất nông nghiệp kiểu mới nhằm giải phóng các yếu tố sản xuất, khuyến khích lợi ích vật chất của nông dân,

đổi mới hoạt động kinh doanh của các công xã nhân dân và xí nghiệp quốc doanh nông nghiệp ở nông thôn.

Chủ trương khoán hộ đã được nông dân thực hiện ở quy mô làng xã, đến năm 1978 được mở rộng quy mô tỉnh là Tứ Xuyên và An Huy. Trước thực tế đó, Đảng cộng sản Trung Quốc đã có nhiều chủ trương phát triển nông nghiệp theo hướng khoán hộ như nghị quyết hội nghị Trung ương III, IV và văn kiện số 75 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI. Đến tháng 9/1982 trong Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII của Đảng cộng sản Trung Quốc mới công nhận cơ chế khoán hộ trong nông nghiệp. Theo đó các văn bản pháp quy của Nhà nước hướng dẫn thực hiện chủ trương khoán hộ mới được ban hành và từng bước hoàn thiện từ năm 1983 đến nay. Hộ nông dân được coi là đơn vị kinh tế tự chủ và đi vào sản xuất hàng hóa mang tính chuyên sâu với quy mô ngày càng lớn. Đến năm 1985, Trung Quốc đã có 25 triệu hộ chuyên, chiếm 14% gia đình nông thôn Trung Quốc nhưng đã sản xuất ra 50% tổng sản phẩm nông sản hàng hóa.

Khoán hộ đã tạo động lực cho sự phát triển nông nghiệp nông thôn Trung Quốc bằng việc khai thác tiềm năng lao động, đất đai, tiền vốn và khoa học công nghệ mới ở cả trong nước và quốc tế.

**Hộp 1:** Có thể thấy tốc độ tăng đầu tư vào nông nghiệp Trung Quốc qua các số liệu sau 10 năm cải cách: lượng phân hóa học năm 1979 là 8,9 kg/ha thì đến năm 1988 là 223 kg/ha; máy kéo dùng trong nông nghiệp năm 1978 là 56.000 máy lớn và 1,3 triệu máy nhỏ thì đến năm 1994 đã tăng lên 790.000 máy kéo lớn, 8,18 máy kéo nhỏ, 9,903 triệu máy bơm, 24,455 triệu máy cấy, 587.160 máy gặt lúa, 69.430 máy gặt đập liên hợp... trong đó sở hữu của hộ nông dân chiếm trên 70%. Bên cạnh cơ giới hóa nông nghiệp, Trung Quốc còn đặc biệt lưu ý đến công nghệ sinh học để lai tạo các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt. Cùng với các chính sách và biện pháp quản lý của Nhà nước, khoán hộ đã góp phần làm tăng giá trị sản phẩm ngành trồng trọt năm 1991 lên hơn 4,6% so với năm 1978, nghề rừng tăng 9,0%; nghề cá tăng 10,9% và các nghề khác tăng gần 14%. Bởi vậy doanh số thu mua nông sản thực phẩm tăng thêm 3 lần, giá trị nông sản xuất khẩu tăng 1.5 lần.

Cơ chế khoán hộ đã góp phần đưa nền nông nghiệp Trung Quốc thoát khỏi trì trệ, sa sút kéo dài hơn 30 năm kể từ khi giành được độc lập, đã hoàn sinh cho cuộc sống của nông dân và góp phần tích lũy phát triển nông nghiệp nông thôn cả nước và là cơ sở kinh tế – xã hội để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa.

- Xây dựng mô hình “Xí nghiệp Hương Trắn”, cùng với việc triển khai chính sách khoán hộ trong nông nghiệp, Đảng cộng sản Trung Quốc còn đề ra chủ trương ứng dụng mô hình “xí nghiệp Hương Trắn” trên tất cả các hương xã và thị trấn. Hương trấn được coi là quốc sách để xây dựng cơ cấu kinh tế Trung Quốc trong thời kỳ cải cách nền kinh tế bởi nó vừa là động lực, vừa là mục tiêu thúc đẩy quá trình phân công lại lao động ở nông thôn theo quan điểm “ly nông bất ly hương”.

Theo phương châm “coi xí nghiệp cốt cán ở thôn xã làm chỗ dựa, lấy xí nghiệp liên hộ cá thể làm trọng điểm”, nên cuối những năm 80 các xí nghiệp cá thể phát triển nhanh chóng. Năm 1984 cả nước có 4,2 triệu xí nghiệp hộ và liên hộ. Đến năm 1993 cả nước đã có 21 triệu xí nghiệp hoạt động thu hút 105 triệu lao động nông thôn và mang lại kết quả rất khả quan:

+ Giá trị sản lượng công nghiệp do xí nghiệp Hương Trắn làm ra bằng 1/3 giá trị công nghiệp cả nước.

+ Thành công trong xây dựng và phát triển Hương Trắn đã góp phần làm thay đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và cải thiện đời sống nhân dân rõ rệt.

Bảng 1.1 Cơ cấu giá trị sản phẩm xã hội nông thôn Trung Quốc

Năm	Nông Lâm Ngư nghiệp	Các xí nghiệp Hương Trắn
1978	81,8	18,2
1980	68,86	31,14
1985	57,09	42,91
1986	53,12	46,88
1987	49,57	50,43
1988	46,79	53,21
1989	45,13	54,87
1990	46,1	53,9
1991	42,92	57,08

### 1.5.1.3 Kinh nghiệm của Thái lan

Thái Lan là một quốc gia nằm trong khu vực với nước ta, có diện tích canh tác 19,16 triệu ha, gấp 2,68 lần nước ta. Trong khi dân số chỉ có 58.416.000 người nên bình quân diện tích đất canh tác gấp 4 lần nước ta ( $3.756\text{m}^2/\text{người}$ ) thuộc diện cao nhất các nước trong khu vực. Hiện nay, Thái Lan đã trở thành một nước phát triển trong khu vực có thu nhập bình quân 3.150USD/người/năm, mặc dù hơn 30 năm trước Thái Lan cũng chỉ là một nước nông nghiệp lạc hậu yếu kém.

Thời kỳ đầu bước vào phát triển kinh tế, Thái Lan đã lựa chọn mô hình công nghiệp hóa đô thị và tập trung xây dựng một số ngành công nghiệp trọng yếu như động lực, hóa dầu, sản xuất tư liệu sản xuất.v.v... bằng nguồn vốn và công nghệ nước ngoài. Hướng đi này đã vấp phải nhiều trở lực, trong đó lớn nhất là nội lực của nền kinh tế không thể tiêu hóa được chính sách tập trung phát triển công nghiệp nặng trong khi nông nghiệp què quặt, phân tán kém phát triển. Kết quả là nền kinh tế không những không phát triển mà còn xuống cấp triền miên. Theo thống kê Thái Lan 1970, nông dân ở 12.562 xã thuộc 38/73 tỉnh xếp vào loại nghèo cần phải quan tâm đặc biệt. Để giải quyết tình trạng nghèo khó của nông dân, Chính phủ Thái Lan đã chấp nhận những biện pháp đặc biệt để giải quyết tình hình tụt hậu của nông nghiệp trong kế hoạch 5 năm lần thứ tư (1977 – 1981). Đồng thời Chính phủ còn khuyến khích chiến lược phát triển cả công nghiệp nông thôn để thực hiện chủ trương đa dạng hóa nền kinh tế hướng vào sản xuất sản phẩm cho xuất khẩu. Do thay đổi chính sách phát triển kinh tế nên các tiềm năng trong nông nghiệp bắt đầu phát huy tác dụng và đạt được kết quả đáng kể sau một thời gian. Vào những năm 80, Thái Lan đã là một nước xuất khẩu gạo, sản, cao su thuộc hàng đầu thế giới và thứ 3 về xuất khẩu đường. Cơ cấu kinh tế đã chuyển biến rõ rệt là GDP ngành nông nghiệp từ 28,9% giảm xuống còn 14,7%, trong khi ngành công nghiệp chế biến đã tăng từ 14% lên 25,6%, thể hiện rõ ý đồ tập trung phát triển đa dạng hóa sản phẩm nông - lâm - ngư nghiệp cho xuất khẩu của Chính phủ. Trên thực tế, các vùng chuyên canh lớn hình thành, các khu công nghiệp chế biến có trang thiết bị hiện đại của Nhật, Mỹ được xây dựng để thu hút chế biến nông sản. Như vậy vừa khuyến khích nông dân, vừa chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, lại vừa tạo ra sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh, hấp dẫn khách hàng. Nông sản hàng hóa xuất khẩu của Thái Lan rất được thị trường thế giới ưa chuộng. Trong đó đáng chú ý nhất là mặt hàng

rau quả. Năm 1993, kim ngạch xuất khẩu rau quả gần bằng gạo. Việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp Thái Lan thời gian qua đều hướng vào xuất khẩu.

Có được thành công trong lĩnh vực xuất khẩu hàng nông sản phải kể đến sự đóng góp vô cùng to lớn của công nghệ chế biến, bảo quản sản phẩm mà Thái Lan đã đầu tư ứng dụng trước một bước so với các nước trong khu vực. Vì thế các sản phẩm của họ có sức cạnh tranh cao lại khá ổn định như chất lượng gạo xuất khẩu năm 1990 tốt hơn năm 1986, làm cho giá tiêu thụ tăng từ 220 USD/tấn lên 300 USD/tấn nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả xuất khẩu. Thái Lan không chỉ đầu tư công nghệ chế biến mà còn quan tâm đến phát triển đồng bộ các ngành công nghiệp cơ khí, điện, giao thông, công nghệ sinh học và thị trường phục vụ phát triển nông nghiệp. Bằng các chính sách khuyến khích hợp lý nên tốc độ cơ giới hóa nông nghiệp Thái Lan phát triển khá nhanh. Năm 1976, diện tích làm đất bằng máy chỉ có 37,7% nhưng đến năm 1993 đã tăng lên 90% với đất lúa, 95% với đất ngô, 100% với đất mía. Như vậy có thể nói trình độ cơ giới hóa nông nghiệp của Thái Lan là cao nhất trong Đông Nam Á. Ưu tiên chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp Thái Lan trong những năm qua đều hướng vào xuất khẩu, vì thế các vùng trọng điểm nông nghiệp đã tạo ra một khối lượng nông sản xuất khẩu khá lớn. Tỷ trọng hàng hóa nông sản xuất khẩu của các trang trại này là lúa gạo sản xuất ra 50 triệu tấn/năm, trong đó xuất khẩu 7 triệu tấn/năm; ngô sản xuất ra 7 triệu tấn/năm, trong đó xuất khẩu 5 triệu tấn/năm, mía đường sản xuất ra 25 triệu tấn/năm, trong đó xuất khẩu 4 triệu tấn/năm

Ngoài ra, Nhà nước còn sử dụng những biện pháp quản lý vĩ mô thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Mặc dù Chính phủ đã có chủ trương thực hiện cơ chế thị trường với mọi sản phẩm hàng hóa nhưng vẫn quan tâm đến sự ổn định giá vật tư nông nghiệp và lương thực, thể hiện là việc thành lập Ủy ban nhà nước về giá gạo và được vay vốn ưu đãi để mua lúa gạo giá cao hơn thị trường để dự trữ hoặc nông dân được vay vốn đầu tư sản xuất với lãi suất thấp khi giá thóc rẻ, cho đến khi giá thóc đắt họ sẽ bán thóc để hoàn vốn vay.

#### 1.5.1.4 Kinh nghiệm của vùng mía đường Lam Sơn (Thanh Hóa)

Tiêu biểu của vùng mía đường Lam Sơn là mô hình liên kết công nông, liên kết kinh tế Nhà nước với hộ nông dân. Những năm đầu thành lập, nhà máy luôn



thiếu nguyên vật liệu, mặc dù có đến 21.000 ha đất có khả năng trồng được mía nhưng người dân ít thiết tha với nghề trồng mía vì giá thấp, tiêu thụ bấp bênh, hàng năm có khoảng 40% - 50% hộ đói. Vấn đề đặt ra cho nhà máy là giải quyết vấn đề nguyên liệu mía, tạo động lực kích thích hộ dân trong vùng mở rộng vùng nguyên liệu mía.

Thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế tháng 3 – 1995, hiệp hội mía đường Lam Sơn được thành lập nhằm giải quyết các vấn đề: hỗ trợ, thúc đẩy, nâng cao hiệu quả của các thành viên bao gồm người trồng mía, người chế biến, người cung cấp vốn, người tiêu thụ sản phẩm; cùng nhau tìm biện pháp đề phòng và hạn chế rủi ro do thiên tai, bất lực của thị trường. Do xác định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ và lợi ích kinh tế của các thành viên nên hiệp hội đã có được sự gắn kết chặt chẽ giữa nông dân và nhà máy. Công ty đã đầu tư 50 tỷ đồng cho vay và hỗ trợ nông dân, xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư một trạm máy kéo giúp nông dân khai hoang trồng mía, một trung tâm nghiên cứu và nhân giống mía chất lượng tốt cung cấp cho nông dân, một xí nghiệp phân bón, 6 trạm chuyên giao kỹ thuật ở các khu vực để huấn luyện kỹ thuật trồng mía cho nông dân, đầu tư đưa 40 kỹ sư xuống tận địa bàn để chuyển giao kỹ thuật cho nông dân.

Mô hình mía đường Lam Sơn ra đời đã gắn kết sản xuất nông nghiệp với chế biến công nghiệp, làm bật lên những tiềm năng về đất đai, lao động và kinh nghiệm sản xuất mía trong dân, ổn định nguyên liệu cho nhà máy. Sau 10 năm thực hiện quá trình đổi mới, hiệp hội mía đường Lam Sơn đã thu được những thành công ban đầu như diện tích, năng suất, sản lượng mía qua các năm đều tăng. Vụ mía năm 1994 – 1995, diện tích đạt 3750 ha với sản lượng 194.000 tấn; vụ mía 1996 – 1997, vùng nguyên liệu mía tăng 7.500 ha sản lượng đạt 450.000 tấn mía cây. Vùng nguyên liệu mía được mở rộng từ 35 xã của 4 huyện, 3 nông trường lên 54 xã thuộc 5 huyện, 4 nông trường, biến hàng ngàn hecta đất trống, đồi núi trọc thành các đồng mía. Thu nhập của công nhân viên công ty năm 1994 tăng gấp 4 lần năm 1991, năm 1996 bằng 1.5 lần so với năm 1994, đời sống của người nông dân được cải thiện rõ nét.

Mô hình hiệp hội mía đường Lam Sơn là điểm sáng cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam với nét nổi bật là sự tác động tích cực và có hiệu quả của sự phối hợp giữa sản xuất sản phẩm, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Đồng thời mô hình còn tạo ra sự liên kết phụ thuộc lẫn nhau giữa công nghiệp chế biến với nông nghiệp và dịch vụ xuất khẩu ngay trên địa bàn nông thôn.

### 1.5.2 Bài học kinh nghiệm

#### 1.5.2.1 Bài học về xác lập chế độ sở hữu và quản lý:

+ Về chế độ sở hữu: phải đổi mới thực sự chế độ sở hữu trong sản xuất nông nghiệp, nhất là sở hữu về đất đai và chính sách đối với các thành phần kinh tế tham gia vào sản xuất nông nghiệp. Đây là cơ sở quan trọng để phát huy các tiềm năng để phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng khai thác lợi thế so sánh để sản xuất hàng hóa.

- Sở hữu đất đai: tuy mỗi nước có một hình thức khác nhau để xác lập quyền sử dụng ruộng đất cho nông dân, Trung Quốc sử dụng hình thức khoán hộ, Nhật Bản thực hiện cải cách ruộng đất nhưng tất cả các nước đều giao quyền sử dụng ruộng đất cho hộ gia đình quản lý, tự điều hành.

- Hình thức sản xuất: các nước đều lập các hình thức tổ chức sản xuất đa dạng trong nông nghiệp (hộ, trang trại, hợp tác xã, công ty tư nhân, công ty liên doanh, liên kết...) nhưng tập trung phát triển các hình thức phù hợp với đặc điểm sản xuất của từng ngành, lĩnh vực trong nông thôn, trong đó hộ nông dân là hình thức cơ bản \_ nền tảng trong sản xuất nông nghiệp \_ các hộ nông dân toàn quyền định đoạt mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

+ Quản lý: để tạo được mức độ phát triển nhanh và ổn định trong tất cả các nước Nhà nước đều có sự quản lý, điều tiết vĩ mô chặt chẽ; tuy nhiên không can thiệp sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế mà chỉ hoạch định chính sách, chủ trương định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế giúp đỡ về khoa học - kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực, tìm kiếm thị trường, gọi vốn đầu tư.

#### 1.5.2.2 Về xây dựng các chính sách khuyến khích sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Khuyến khích sản xuất nông nghiệp là chủ trương mà tất cả các nước đều áp dụng bằng các chính sách cụ thể:

+ Các nước đều ưu tiên vốn đầu tư phục vụ nông nghiệp. Ưu tiên vốn đầu tư xây dựng các công trình công cộng dịch vụ sản xuất. Tập trung vốn phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

+ Ưu tiên vốn để đào tạo cán bộ quản lý và kỹ thuật cho nông nghiệp và thực hiện chính sách thương mại quốc tế có lợi cho phát triển nông nghiệp trong nước. Có kế hoạch và kinh phí để giáo dục và bồi dưỡng cho nông dân.

+ Đối với các nông sản xuất khẩu; Nhà nước phải có chính sách trợ giá xuất khẩu hoặc giảm thuế đối với mặt hàng xuất khẩu để chiếm lĩnh thị trường là hướng đi nhiều nước áp dụng có hiệu quả.

1.5.2.3 Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

+ Tất cả các nước đều coi việc đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật - công nghệ mới vào nông nghiệp là biện pháp có tính quyết định trong quá trình phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

+ Trong quá trình đưa tiến bộ khoa học – công nghệ mới vào sản xuất các nước đều chú trọng:

- Nhà nước trực tiếp đầu tư vốn và nắm vai trò chủ đạo trong hoạt động nghiên cứu và triển khai khoa học - kỹ thuật - công nghệ phục vụ nông nghiệp, gắn nông nghiệp với công nghiệp và dịch vụ.

- Tăng cường dịch vụ khuyến nông, xây dựng hệ thống dịch vụ, xã hội hóa công tác khuyến nông, dịch vụ đầu ra, đầu vào cho nông nghiệp, cho các hộ trang trại. Ưu tiên đưa các giống mới chất lượng và năng suất cao, phù hợp với nhu cầu thị trường vào sản xuất.

Đặc biệt kinh nghiệm các nước trong quá trình chuyển dịch cơ cấu luôn coi công nghiệp hóa nông nghiệp trong công nghiệp hóa đất nước. Mỗi nước và lãnh thổ đều có đặc trưng riêng, tạo được việc làm tại chỗ cho dân cư nông thôn, làm cho họ “ly nông mà không ly hương”. Những kinh nghiệm đáng lưu ý như: Nhật Bản đưa tiến bộ kỹ thuật và thiết bị hiện đại phù hợp đặc thù phần lớn là quy mô nhỏ. Trung Quốc với mô hình xí nghiệp Hương Trán và khu nông nghiệp công nghệ cao. Mặc dù hiện nay mô hình này đã nảy sinh những khó khăn mới như là hàng hóa chất lượng thấp, kém sức cạnh tranh nên chủ yếu tiêu thụ nội địa. Tuy nhiên mô

hình này vẫn có nhiều tác động tích cực trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nhanh chóng làm đổi mới bộ mặt nông thôn. Đặc biệt bài học về “ phát triển công nghiệp chế biến” của Thái Lan rất có giá trị cho quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Do đó đối với Việt Nam nói chung và Khánh Hòa nói riêng, khi vận dụng những kinh nghiệm trên cần đặc biệt chú ý những ngành sản phẩm nông nghiệp có lợi thế so sánh để tạo nên bước đột phá, thúc đẩy cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch nhanh.

### Kết luận chương 1

Nền kinh tế Thế giới đang có những chuyển biến mạnh mẽ dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa. Tất cả các quốc gia, dù có nền kinh tế phát triển hay đang phát triển vận hành theo cơ chế thị trường đều phải có quá trình điều chỉnh để phù hợp với qui luật phát triển. Kinh tế Việt Nam đã và đang có quá trình chuyển đổi tích cực để có thể tận dụng được những lợi thế và hạn chế những nguy cơ mà quá trình toàn cầu hóa đem lại. Trong quá trình chuyển đổi để hòa nhập chúng ta đã đạt được những thành tựu lớn. Tuy nhiên, cũng còn nhiều vấn đề cần phải xem xét, tháo gỡ, đặc biệt là trong sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Từ việc nghiên cứu các vấn đề lý luận, các mô hình lý thuyết về chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp và kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước trong khu vực, có thể thấy rằng:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là tất yếu khách quan, là quá trình vận động và phát triển của kinh tế nông nghiệp theo những xu hướng mang tính quy luật chung và phụ thuộc vào các điều kiện cụ thể của từng nước, từng vùng theo những giai đoạn cụ thể nhất định.

- Để có được cơ cấu kinh tế nông nghiệp phù hợp cần đặt sự chuyển dịch cơ cấu trong mối quan hệ của nó với cơ cấu kinh tế chung của cả nước, có sự định hướng đúng về sự phát triển của từng ngành. Phải hiểu rõ các điều kiện phát triển cụ thể, các nhân tố tác động đến từng ngành, mối quan hệ hữu cơ giữa các ngành trong nông nghiệp.

- Cần xác định sự phát triển của từng ngành trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế so sánh để kết hợp chuyên môn hóa với phát triển tổng hợp trong kinh tế nông nghiệp.

- Phải có hệ thống các giải pháp phù hợp để phát triển kinh tế và chuyển dịch theo các định hướng đã xác định, trong đó chú trọng tới việc giải quyết các vấn đề về sở hữu; xác lập các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp; xây dựng các chính sách theo hướng khuyến khích sản xuất nông nghiệp, tăng cường đầu tư, đẩy mạnh chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất.

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP TỈNH KHÁNH HÒA

#### 2.1 Những tiềm năng chủ yếu ảnh hưởng đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa

##### 2.1.1 Các tiềm năng về tự nhiên

- Vị trí địa lý: Khánh Hòa là tỉnh nằm ở vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ của Việt Nam gồm thành phố Nha Trang, thị xã Cam Ranh, các huyện: Vạn Ninh, Ninh Hòa, Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Diên Khánh và huyện đảo Trường Sa, có diện tích tự nhiên 519.748 km<sup>2</sup>, với dân số 1.125.977 người (tính đến ngày 31/12/2005). Phía Bắc giáp Phú Yên, phía Tây giáp tỉnh Đắk Lắk và Lâm Đồng, phía Nam giáp tỉnh Ninh Thuận, phía Đông giáp biển Đông, Khánh Hòa có các tuyến giao thông quan trọng chạy qua như Quốc lộ 1A và đường sắt Thống Nhất nối liền các tỉnh phía Bắc với các tỉnh phía Nam của cả nước, có Quốc lộ 26 nối tỉnh với tỉnh Đắk Lắk và các tỉnh Tây Nguyên. Các cảng, sân bay Nha Trang, Cam Ranh nối liền Khánh Hòa với các tỉnh trong nước và quốc tế. Phần lãnh hải có hệ thống 150 hòn đảo và huyện đảo Trường Sa chiếm giữ vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế và an ninh quốc phòng. Nằm ở giữa Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng (cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 430 km và Thành phố Đà Nẵng 550 km) và hai tam giác kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh – Biên Hòa – Vũng Tàu và Quảng Nam – Đà Nẵng – Liên Chiểu – Dung Quất – Quảng Ngãi là vùng được Nhà nước tập trung phát triển kinh tế giai đoạn 2000 – 2010. Các yếu tố này là lợi thế trong giao lưu kinh tế, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, song nó cũng là một thách thức lớn đối với Khánh Hòa trong cạnh tranh thu hút vốn đầu tư nước ngoài, thu hút chất xám và chiếm lĩnh thị trường trong vùng.

##### - Điều kiện tự nhiên

+ Về khí hậu, trên nền chung của cả nước là tính chất nhiệt đới gió mùa. Khí hậu của Khánh Hòa còn mang sắc thái của khí hậu Á xích đạo. Cụ thể là bức xạ lớn hơn các nơi khác, biên độ dao động của nhiệt độ thấp, tổng nhiệt lượng trong năm lớn. Lượng mưa hàng năm nhìn chung không cao, lượng mưa trung bình hàng năm

chỉ khoảng 1.570 mm. Khánh Hòa cũng là tỉnh hàng năm thường xuyên bị bão, lũ lụt đã gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp.

+ Nhiệt độ, nằm sâu trong khu vực nội chí tuyến Bắc bán cầu, Khánh Hòa có chế độ nhiệt cao với tổng nhiệt độ năm khoảng 9.600 – 9.700 °C và ít biến động nên rất thuận lợi cho việc gieo trồng nhiều vụ sản xuất trong năm. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 26 – 27 °C, đạt dưới 24 °C ở vùng núi và trên 28 °C ở vùng đồng bằng ven biển. Khánh Hòa là tỉnh có khí hậu nắng nhiều, tổng số giờ nắng 2.400 – 2500 giờ/năm, rất thuận lợi cho quá trình tăng trưởng phát triển của cây trồng, cho nghề cá, nghề chế biến thủy sản và có thể khai thác năng lượng mặt trời để phục vụ cho sinh hoạt.

+ Mưa, lượng mưa năm trung bình khoảng 1.570 mm, biến đổi từ 1.200 mm ở vùng đồng bằng ven biển và lên 2.200 mm ở vùng núi cao. Nơi có lượng mưa thấp nhất là Hòn Khói, Cam Ranh (dưới 1.200 mm) và nơi cao nhất là dãy núi đèo Cả (trên 1.400 mm). Lượng mưa phân bố không đều theo các tháng trong năm, tập trung tới 75% vào 4 tháng mùa mưa và chỉ còn 25% vào 8 tháng mùa khô cạn. Mưa lớn ở Khánh Hòa có thể đạt cường độ 400 – 500 mm/ngày và tổng lượng mưa có thể đạt 700 mm/trận. Mưa lớn thường xảy ra lũ đặc biệt là 2 tháng 10 và 11. Mưa lớn gây ra lũ có sức phá hoại cao, mưa lớn có kèm theo giông và sấm sét lớn gây nên những tác hại nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống.

Bình quân mỗi năm Khánh Hòa có khoảng 0,6 cơn bão với tốc độ gió từ cấp 10 trở xuống, đôi khi mạnh đến cấp 11, 12 có khả năng phá hoại cao. Bão và áp thấp nhiệt đới thường kèm theo mưa lớn là nguyên nhân của những trận lũ lớn gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất.

Với khí hậu nêu trên, Khánh Hòa luôn chú ý tới việc bố trí cây trồng vật nuôi và thời vụ phải phù hợp với từng điều kiện sinh thái cụ thể để tránh thiên tai nhất là bão, lũ, lụt, úng, khô hạn, khai thác được những thuận lợi của chế độ khí hậu.

- Tài nguyên đất đai: với diện tích tự nhiên 519.748 km<sup>2</sup>, diện tích đất nông nghiệp là 294.440 ha (chiếm 56,6% diện tích tự nhiên), đất trồng cây hàng năm là 69.932 ha (chiếm 13,4%) trong đó đất trồng lúa là 34.772 ha. Đất trồng cây lâu năm 38.503 ha, chiếm 13,1% diện tích đất nông nghiệp.

Đất chưa sử dụng còn 130.638 ha chiếm 25% đất tự nhiên, trong đó đất bằng chưa sử dụng 6.535 ha, đất đồi núi khoảng 118.040 ha. Đất Khánh Hòa gồm các nhóm chính sau:

+ Đất phù sa với diện tích 30.446 ha, chiếm 5,9% diện tích tự nhiên phân bố tập trung ở vùng đồng bằng ven biển. Đất loại này giàu dinh dưỡng, hiện nay hầu hết được sử dụng trồng lúa và trồng hoa màu, và còn có khả năng thâm canh để nâng cao năng suất.

+ Nhóm đất xám với diện tích 24.317 ha chiếm 4,7% diện tích đất tự nhiên. Trước đây đất tương đối tốt, nhưng do khai thác bừa bãi, bố trí cây trồng không hợp lý nên đất bị xói mòn mạnh, khai hóa bạc màu. Muốn trồng màu và cây công nghiệp phải đầu tư cải tạo với mức độ lớn.

+ Đất cát và đất phèn mặn với diện tích 23.032 ha chiếm 4,4% diện tích tự nhiên, phân bố dọc theo ven biển. Đất có độ phì kém, nghèo mùn, phù hợp với trồng cây ăn quả, rừng chắn sóng, chắn gió ven biển và phát triển du lịch.

+ Đất đỏ vàng và các loại đất khác có diện tích 441.950 ha chiếm 85% diện tích tự nhiên. Đất này chủ yếu sản xuất lâm nghiệp. Vùng tiếp giáp giữa đồng bằng và núi cao, đất có độ dốc nhỏ, tầng dày khá hơn, ít đá nhỏ, đang sử dụng trồng màu và cây công nghiệp.

Nhìn chung đất Khánh Hòa có độ phì thấp. Đất cấu tạo tại chỗ do được hình thành trên đất mẹ nghèo chất dinh dưỡng, lại có địa hình dốc, khí hậu chia làm 2 mùa rõ rệt nên dễ bị rửa trôi, thoái hóa. Đối với đất thủy hình thành từ đất phù sa của hệ thống sông trong vùng, do đồng bằng hẹp, dốc nên quá trình hình thành không hoàn hảo, các cấp hạt mang nhiều dinh dưỡng đều bị cuốn trôi ra biển. Đất vùng đồng bằng phần lớn hạt thô, nghèo độ phì. Bình quân diện tích nông nghiệp theo đầu người khoảng vài trăm m<sup>2</sup>. Đất chưa sử dụng còn lớn, trước hết là đất bằng và mặt nước ven biển. Đất trống đồi núi trọc còn nhiều cần được trồng rừng và sử dụng cho lâm nghiệp. Đây là những tiềm năng cần được khai thác trong tương lai.

- Tài nguyên rừng, Khánh Hòa cũng là một trong những vùng có thế mạnh về rừng. Đó là việc khai thác và chế biến sản phẩm từ gỗ, kết hợp kinh doanh với một số đặc sản như tre, nứa, cây lá lؤلؤل và rừng phòng hộ. Theo thống kê rừng năm 2003 diện tích có rừng của Khánh Hòa là 184.813 ha, trong đó rừng tự nhiên là



163.941 ha, rừng trồng là 20.872 ha. Rừng sản xuất chiếm 41%, rừng phòng hộ chiếm 56%, rừng đặc dụng chiếm 3% diện tích đất lâm nghiệp.

- Về nguồn nước

+ Trước hết là nguồn nước mặt, mạng lưới sông ngòi tương đối dày, mật độ lưới sông trung bình khoảng 0,6 – 1 km/km<sup>2</sup>. Sông phổ biến là sông ngắn và dốc, có khả năng tập trung nước nhanh, bắt nguồn và chảy trong nội tỉnh. Mật độ sông suối khá dày, song phân bố không đều, ở hai vùng cực Bắc và Nam của tỉnh ít sông ngòi nên khan hiếm nước mặt. Khánh Hòa có 2 con sông lớn là sông Cái Nha Trang và sông Cái Ninh Hòa. Đây là 2 con sông lớn có tiềm năng về thủy lợi và thủy điện.

Lượng dòng chảy mùa mưa chiếm khoảng 70% trong 3 – 4 tháng, mùa khô chiếm khoảng 30%. Lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất thường vào tháng 4, 7, 8. Do vậy thời gian này hầu hết sông suối nhỏ không có nước, mực nước các dòng sông chính xuống thấp tạo ra môi trường khô hạn kéo dài không đủ nước để sản xuất, một số vùng thiếu nước sinh hoạt. Ngược lại, mùa mưa lũ là thời kỳ ít nắng, nhiệt độ thấp, nhiều mây, mưa lớn, khá ẩm ướt, gió mạnh, độ ẩm mặt đệm các lưu vực lớn, mực nước ngầm dâng cao, mực nước và dòng chảy trên các triền sông lớn. Lũ lụt là hiện tượng thủy văn đặc biệt nguy hiểm thường xuất hiện vào mùa mưa, đặc biệt vào tháng 11. Mưa lũ thường làm ngập các cánh đồng, làng xóm, phá hoại các công trình. Ở vùng núi thường có lũ quét, với mực nước cao, tốc độ dòng chảy lớn, gây nguy hiểm đến sinh mạng và tài sản nhân dân.

+ Nước ngầm, nguồn nước ngầm Khánh Hòa không lớn, có thể khai thác phục vụ sinh hoạt và cung cấp cho một số cơ sở công nghiệp nhỏ. Nước ngầm ở Khánh Hòa phân bố không đều, chất lượng nước ngầm tương đối kém, là vấn đề đáng quan tâm đối với người sử dụng. Vùng ven biển phần lớn bị nhiễm phèn, mặn, trong nội địa một số địa phương như Ninh Hòa, Vạn Ninh nước bị nhiễm flour và nhiễm bần do các hoạt động sản xuất và sinh hoạt gây nên.

+ Tài nguyên biển, đến năm 2005, Khánh Hòa có tổng trữ lượng các loại hải sản khoảng 15.000 tấn, trong đó chủ yếu là cá nòi (70%), ngư trường khai thác đa phần tập trung ở phía Nam của tỉnh, hàng năm tỉnh khai thác khoảng 60 – 70 nghìn tấn. Bên cạnh đó, trên các đảo gần bờ Khánh Hòa còn là nơi cư ngụ của các loài chim yến, hàng năm khai thác khoảng 2000 đến 2500 kg yến sào. Đây là đặc sản quý dùng trong xuất khẩu và chế biến nước giải khát, y dược, có giá trị kinh tế cao.

Đọc bờ biển Khánh Hòa còn có những bãi tắm đẹp, nổi tiếng, có khả năng thu hút khách du lịch trong và ngoài nước với số lượng lớn. Đây là điều kiện rất thuận lợi để phát triển ngành du lịch Khánh Hòa.

+ Tài nguyên khoáng sản, ở đây các loại khoáng sản chủ yếu là đá Granite, thạch anh, đất sét chịu nhiệt độ cao, than bùn và các sa khoáng. Đặc biệt Khánh Hòa còn có cát thủy tinh Cam Ranh với trữ lượng lớn, chất lượng tốt và có ý nghĩa kinh tế, cát ở đây được sử dụng để sản xuất và tinh luyện các loại thủy tinh quang học và pha lê cao cấp. Ngoài ra dọc ven biển còn có Titan với trữ lượng khá lớn có giá trị công nghiệp.

### 2.1.2 Nguồn lực kinh tế – xã hội

- Dân số và lao động, theo niên giám thống kê năm 2005, dân số Khánh Hòa là 1.125.977 người, trong đó, dân số nông thôn là 683.639 người, chiếm 60,72% dân số toàn tỉnh. Mật độ dân số trung bình 217 người/km<sup>2</sup>, cao nhất là Thành phố Nha Trang (1.427 người/km<sup>2</sup>) và thấp nhất là huyện miền núi Khánh Vĩnh 26 người/km<sup>2</sup>.

Khánh Hòa là tỉnh có nhiều dân tộc, trong đó dân tộc kinh chiếm 95,5% dân số và tập trung ở các vùng đồng bằng, ven biển, khu vực thị trấn, thành phố, đồng bào kinh sinh sống chủ yếu là nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, buôn bán và ở đồng bằng, những vùng đất tương đối màu mỡ, có khả năng tiếp thu nhanh và áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất. Đồng bào dân tộc ít người phân bố chủ yếu ở các vùng núi cao, thường là những vùng tài nguyên cạn kiệt, thiên tai thường xảy ra, giao thông khó khăn, còn du canh du cư, cơ sở hạ tầng thấp kém bao gồm các cộng đồng dân tộc như: Raglei, Hoa, Gie triêng, Cơ Ho, Edê sống chủ yếu ở hai huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh của tỉnh. Kinh tế chủ yếu của họ là tự cung tự cấp, mức sống thấp.

Lao động, theo niên giám thống kê năm 2005, dân số trong độ tuổi lao động là 837.766 người, chiếm 74% dân số toàn tỉnh, trong đó số người có khả năng lao động 743.993 người, chiếm 60,1%. Trong khu vực nông thôn người dân sống chủ yếu bằng nghề nông. Đời sống của nhân dân ở khu vực nông thôn còn nhiều khó khăn, một mặt do ảnh hưởng của thiên tai như hạn hán, lũ lụt thường xuyên xảy ra, mặt khác, do trình độ người dân thấp, thiếu vốn, thiếu thông tin, thiếu kinh nghiệm

sản xuất. Nhìn chung, phần lớn số hộ ở nông thôn chủ yếu sản xuất nông nghiệp, và nuôi trồng thủy sản trong khi tiềm năng về lâm nghiệp rất lớn.

Qua số liệu trên cho thấy nguồn nhân lực trên địa bàn có thể đáp ứng được với điều kiện chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế.

- Cơ sở hạ tầng và trình độ phát triển

+ Về giao thông: Khánh Hòa có vị trí địa lý rất thuận lợi với đủ các loại hình: đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không. Ngoài tuyến đường sắt Bắc Nam, trong vùng còn có sân bay Cam Ranh là sân bay lớn nhất trước đây thuộc Bộ quốc phòng quản lý, bắt đầu năm 2002 khai thác và tương lai trở thành một trong những sân bay quốc tế của Việt Nam, cảng Nha Trang, cảng Cam Ranh là cảng thiên nhiên đẹp và nổi tiếng thế giới, là một trong những cảng có tầm quan trọng về chiến lược và quốc phòng của cả nước. Không những thế, vịnh Vân Phong hiện nay là trạm trung chuyển dầu quốc tế, tương lai Vân Phong là một trong những cảng biển phát triển vì nó có nhiều lợi thế dài và sâu nằm sâu bên trong đất liền.

Hệ thống giao thông có tác động ảnh hưởng lớn đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh nhất là khu vực nông nghiệp nông thôn. Thực hiện chương trình giao thông nông thôn của tỉnh, nhà nước và nhân dân cùng làm, phong trào xây dựng giao thông nông thôn – nông nghiệp đã và đang hình thành và phát triển nhanh chóng. Cho đến nay, toàn tỉnh có 133 xã, thị trấn có đường nhựa, bê tông với chiều dài 1.400 km, song chưa đáp ứng được yêu cầu hiện đại hóa nông nghiệp – nông thôn. Do chất lượng đường chưa tốt, nhỏ hẹp, thiếu các công trình trên đường (cầu cống, hệ thống thoát nước ...) đã gây không ít khó khăn trong việc vận chuyển hàng hóa, vật tư, giao lưu giữa các vùng với bên ngoài vùng. Đặc biệt về mùa mưa, bùn lầy đọng nước, mùa khô gây ô nhiễm, ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

+ Về giao thông: sản xuất ngày càng phát triển, dân số tăng nhanh... đã làm môi trường ngày càng xấu đi. Môi trường nước bị ô nhiễm, có nơi rất nặng (bị nhiễm bần, nhiễm mặn, nhiễm flour...). Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường ngày càng được quan tâm hơn. Tuy nhiên việc cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vẫn còn hạn chế do các hồ chứa, trạm bơm sử dụng nguồn nước sông là chính nên không có khả năng điều tiết, chủ động nguồn nước, việc ngăn lũ và ngập úng vẫn còn là vấn đề bất cập.

+ Về điện, hệ thống mạng lưới điện và trạm biến áp các cấp khá đồng bộ, chất lượng tốt, đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất và sinh hoạt hiện tại. Đến năm 2005 mạng lưới điện đã phủ cho toàn bộ các xã, phường, huyện. Các vùng nông thôn của các huyện hầu như đã phủ điện lưới. Điện là động lực rất lớn thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, góp phần thực hiện nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng và toàn bộ cơ cấu kinh tế của tỉnh.

+ Về thủy lợi, nhìn chung các công trình thủy lợi của tỉnh đã tưới chủ động được khoảng 70% diện tích gieo trồng, trong đó chủ yếu là lúa. Tuy nhiên, hệ thống thủy lợi của tỉnh vẫn còn một số tồn tại. Hầu hết các công trình vừa và nhỏ, xây dựng ở những vùng nguồn sinh thủy hạn chế, thường không đủ lượng nước theo thiết kế. Các công trình đã qua thời gian sử dụng từ 15 đến 20 năm, do thiếu vốn đầu tư, sửa chữa nên một số công trình xuống cấp, vì vậy tình trạng hạn hán do không đủ nước tưới trong mùa khô vẫn xảy ra. Các công trình thủy lợi chủ yếu tập trung giải quyết nước tưới cho vùng đất cao, vùng đất đồi và ven biển chủ yếu dựa vào nước trời. Qua điều tra khảo sát cho thấy, nguồn nước chủ yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp là nguồn nước tự chảy (*xem phụ lục 3*). Hệ thống kênh mương tiêu úng, thoát lũ còn hạn chế. Bên cạnh đó, Khánh Hòa còn chịu ảnh hưởng của thiên tai, xâm nhập mặn, do đó hàng năm tỉnh có nhiều biện pháp phòng chống lũ lụt, ngăn mặn đã phân nào hạn chế được tác hại của thiên tai; song do đặc điểm về địa hình, điều kiện tự nhiên và phân bố dân cư không đều hiện nay, nên việc bảo vệ an toàn cho sản xuất cũng như đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

+ Về thị trường: kết quả chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào thị trường tiêu thụ và giá cả các loại nông sản phẩm.

*Đối với thị trường đầu vào:* vật tư phân bón, thuốc trừ sâu được cung ứng khá phong phú trên thị trường. Tuy nhiên, mạng lưới cung ứng vật tư, kỹ thuật còn nhiều khâu trung gian đôi khi dẫn đến tình trạng giá cả không phù hợp, không ổn định, không đáp ứng kịp thời cho sản xuất và gây tác hại lớn khi vật tư kém chất lượng. Máy móc thiết bị cho nông nghiệp trên thị trường phong phú song giá cả không phù hợp với thu nhập của người nông dân nên sức mua vẫn còn hạn chế. Qua điều tra khảo sát cho thấy, những hộ có năng lực tài chính thì lượng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón càng tăng. Hầu hết bà con nông dân cho rằng giá thuốc trừ sâu, phân bón quá cao.

*Đối với thị trường đầu ra:* thị trường tiêu thụ sản phẩm vẫn là mối lo lắng nhất của người nông dân (*xem phụ lục 3*), hầu hết các sản phẩm nông nghiệp giá cả bấp bênh, không ổn định, ít khi có lợi cho người sản xuất, các sản phẩm chăn nuôi gia súc, gia cầm thị trường tiêu thụ còn hẹp, nguyên nhân là sản phẩm làm ra cho năng suất và chất lượng chưa đạt yêu cầu, giá thành sản xuất cao nên tính cạnh tranh kém; sự điều tiết giữa sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến chưa hợp lý, sản xuất vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ dẫn đến chất lượng không đồng đều, khối lượng không đáp ứng đủ nhu cầu xuất khẩu; tổ chức tiêu thụ chưa tốt. Sản phẩm nông nghiệp của bà con chủ yếu bán cho các thương lái. Chính quyền địa phương chưa có chính sách tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Những hạn chế trên nếu được khắc phục thì thị trường sản phẩm chắc chắn sẽ có cơ hội phát triển tốt hơn.

+ Khoa học kỹ thuật và công nghệ, trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội của Khánh Hòa có sự đóng góp quan trọng của khoa học – công nghệ. Hoạt động này đã có sự gắn kết nhất định với sản xuất của các ngành, góp phần nâng cao trình độ công nghệ, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của Khánh Hòa nói chung, nông nghiệp nói riêng. Trên địa bàn tỉnh có các đơn vị làm công tác quản lý, nghiên cứu ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ mới vào sản xuất là Chi cục bảo vệ thực vật, Chi cục thú y, công ty tư vấn thiết kế xây dựng thủy lợi, Xí nghiệp Điều tra thiết kế và Quy hoạch rừng, Trung tâm Khuyến nông – Khuyến lâm và Viện Thiết kế nông nghiệp Miền Trung cùng các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh đã thực hiện nhiều đề tài và ứng dụng có kết quả vào thực tế, đặc biệt trong công tác cải tạo giống cây và giống con. Hoạt động khuyến nông đã góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất, tăng năng suất cây trồng vật nuôi. Nhiều mô hình sản xuất đã và đang được nghiên cứu và ứng dụng theo hướng thích hợp, cải thiện môi trường để phát triển bền vững. Tuy nhiên, số lượng cán bộ KHKT nông nghiệp phục vụ trực tiếp ở cơ sở chưa đủ và chưa đồng bộ. Đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ sinh học vừa thiếu vừa yếu so với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp.

+ Dịch vụ tín dụng và thương mại, nhìn chung, dịch vụ tín dụng trên địa bàn chưa đáp ứng nhu cầu sản xuất, quy mô nhỏ, chưa tạo được thị trường vốn, thị trường tiền tệ thông qua biện pháp huy động vốn và cho vay vốn tại chỗ. Lãi suất huy động vốn và cho vay vốn chưa phù hợp với các đối tượng sản xuất. Đối tượng vay vốn còn hạn chế, thủ tục rườm rà.

Với những điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội như vậy, kinh tế Khánh Hòa đã đạt được một số thành tựu đáng kể. Kinh tế Khánh Hòa trong thời gian qua liên tục tăng trưởng với nhịp độ cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng ngành dịch vụ, du lịch và công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2000 – 2005 là 10,5%, cao hơn mức tăng trưởng trung bình của cả nước (8%). Thu nhập bình quân theo đầu người đạt 730 USD/người/năm, cao hơn mức bình quân cả nước 12,7%, giá trị xuất nhập khẩu chiếm khoảng 70% GDP, huy động đầu tư đạt mức gần 30% GDP. Nền kinh tế Khánh Hòa được coi là tương đối mở.

Khánh Hòa có vị trí địa lý thuận lợi, gần khu kinh tế trọng điểm phía Nam, nên khả năng thu hút đầu tư cũng dễ dàng. Cơ sở hạ tầng khá phát triển, có nhiều vùng có điều kiện và khả năng hình thành và phát triển các vùng kinh tế như Cam Ranh, vùng vịnh Vân Phong và thành phố Nha Trang. Khí hậu thời tiết của Khánh Hòa thuận lợi cho du lịch và dịch vụ, trời nắng nhiều hơn và quang mây, khí hậu khá ôn hòa và ít bão. Tuy nhiên Khánh Hòa lại có lượng mưa thấp, lại khá tập trung nên hàng năm thường có lũ lụt gây ảnh hưởng khá nghiêm trọng đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Tài nguyên đất khá phong phú nhưng ít phù sa, do đó đất nông nghiệp hạn chế, chủ yếu là đất xám, gò đồi và đất đỏ vàng trên núi. Với nét đặc trưng như vậy, nông nghiệp Khánh Hòa chỉ thích hợp với trồng cây lâu năm, cây ăn quả hoặc sản xuất lâm nghiệp. Thế mạnh của Khánh Hòa là dịch vụ du lịch, công nghiệp và xây dựng nên nông – lâm – ngư nghiệp cũng chỉ phát triển theo hướng khai thác thế mạnh và hạn chế các bất lợi. Nền kinh tế của tỉnh có sự chuyển dịch mạnh theo hướng khai thác thế mạnh này.

### 2.1.3 Những thuận lợi và khó khăn có ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu

Với nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguồn nhân lực như trên, quá trình phát triển kinh tế của tỉnh có những thuận lợi, khó khăn và thách thức.

- Thuận lợi, với điều kiện giao thông thuận lợi có đủ phương tiện vận chuyển từ đường bộ (có quốc lộ 1A và hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh) đến đường sắt, đường biển và đường hàng không giao lưu với các trung tâm kinh tế lớn của cả nước và nước ngoài, đây là điều kiện thuận lợi nhất để phát triển kinh tế, so với những nơi khác trong cả nước. Địa hình, đất đai đa dạng phong phú với vùng gò đồi, đồng bằng ven biển nên kinh tế có thể phát triển nông nghiệp một cách toàn diện nông - lâm - thủy sản.

Tiềm năng đất đai rất lớn, có nhiều loại đất thích hợp với nhiều loại cây trồng, vật nuôi và có vị trí thuận lợi cho việc phát triển kinh tế hàng hóa, hòa nhập vào kinh tế quốc tế. Đặc biệt, Khánh Hòa có bờ biển trải dài với nhiều eo, vịnh, đầm phá. Đây là tiềm năng phát triển nuôi trồng, đánh bắt với qui mô lớn.

Nguồn nhân lực dồi dào, trình độ văn hóa và khoa học kỹ thuật tương đối cao, nhân dân có truyền thống cần cù lao động, tiết kiệm, tin tưởng vào đường lối chính sách của Nhà nước.

- Khó khăn, Khánh Hòa nằm ở trung độ giữa Bắc Nam, là nơi chuyển tiếp giữa khí hậu hai miền và cao nguyên, vì vậy thường gặp thiên tai như nắng hạn, lũ lụt... ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông - lâm - thủy sản.

Đất đai tuy phong phú, đa dạng nhưng độ phì nhiêu thấp, địa hình dốc và chia cắt mạnh. Đồng thời quá trình thoái hóa đất và hiện tượng hoang mạc hóa xảy ra mạnh.

Các dòng chảy ngắn, độ dốc lớn nên lũ thường xuyên lên nhanh gây thiệt hại lớn về người và của cải. Khánh Hòa có lượng mưa thiên lệch vì phân bố mưa không đều chủ yếu vào mùa mưa gây ra lũ lụt.

Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dịch vụ tuy đã được hình thành nhưng chưa đồng bộ, trang thiết bị, máy móc... vừa thiếu vừa lạc hậu. Công nghệ chế biến của các cơ sở chế biến nông sản hầu hết thuộc thế hệ cũ, công suất nhỏ... nên hiện tại tỷ lệ nông sản được chế biến thấp, chất lượng sản phẩm chưa cao.

Thiếu cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, cán bộ có trình độ chuyên môn cao. Lực lượng lao động trực tiếp ở các ngành nông lâm hầu hết là lao động phổ thông chưa qua đào tạo. Qua khảo sát thực tế, trình độ người nông dân đa số chỉ hết cấp I. Đây được xem là yếu tố hạn chế lớn nhất nếu không khắc phục được sẽ làm chậm quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng và cơ cấu kinh tế Khánh Hòa nói chung.

Những thuận lợi và khó khăn trên đây chính là những động lực; đồng thời cũng là những trở ngại trong quá trình phát triển kinh tế của tỉnh Khánh Hòa.

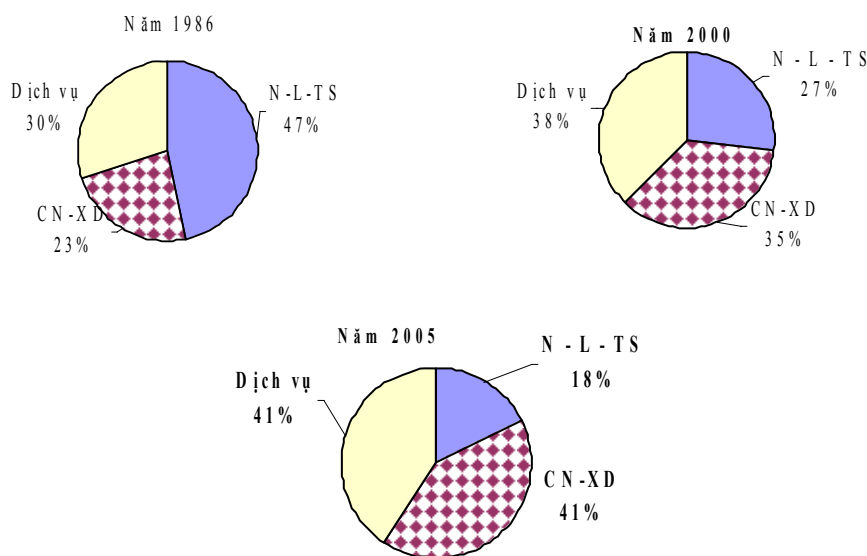
## **2.2 Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 1986-2005**

Để đi vào phân tích thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa. Chúng ta cùng điểm lại một cách tổng quát quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế Khánh Hòa thời gian qua.

### 2.2.1 Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Khánh Hòa 1986–2005 (xem bảng 1.2 phụ lục 2)

Cơ cấu kinh tế của tỉnh đang chuyển dịch theo hướng tiên bộ là tăng qui mô của tất cả các ngành, tăng dần tỷ trọng của các ngành công nghiệp xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong cơ cấu GDP. Năm 1986 tỷ trọng nông - lâm - thủy sản chiếm khoảng 47%, công nghiệp – xây dựng chiếm gần 23% và dịch vụ chiếm 30%. Năm 2000, tỷ trọng này là 26,87%; 35,31% và 37,82% đến năm 2005 là 17,61%; 41,44% và 40,95%. Như vậy, qua phân tích sơ bộ cho thấy cơ cấu kinh tế Khánh Hòa đã bước đầu phát huy thế mạnh của mình và là một trong những tỉnh có quá trình chuyển dịch cơ cấu tương đối nhanh và tiên bộ.

Hình 1.2: Cơ cấu GDP các ngành kinh tế Tỉnh Khánh Hòa năm 1986, 2000 và 2005 (%)



Nguồn: Niên giám thống kê Khánh Hòa.

Những kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Khánh Hòa trong những năm qua được thể hiện ở các khía cạnh cơ cấu khác nhau, trong đó rõ nét và đặc trưng nhất là từ góc độ cơ cấu ngành. Theo số liệu thống kê của Tỉnh, từ năm 1986 đến năm 2005, cơ cấu kinh tế theo 3 nhóm ngành lớn: nông nghiệp (bao gồm: nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp), công nghiệp (bao gồm: công nghiệp và xây dựng) và dịch

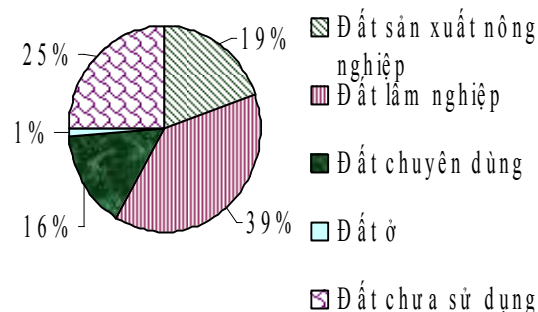


vụ đã có sự chuyển dịch tích cực, tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm dần, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng hàng năm. Số liệu ở hình 1.2 phần nào thể hiện xu thế biến đổi tích cực của cơ cấu ngành kinh tế ở Khánh Hòa. Do đó, đất nông nghiệp sẽ chuyển dần sang một vai trò khác, đó là cung cấp các địa điểm nghỉ ngơi giải trí cuối tuần, tạo lập các khoảng xanh cần thiết, góp phần phát triển bền vững về mặt môi trường cho một tỉnh có tiềm năng thu hút khách như Khánh Hòa. Để làm được vai trò này, cơ cấu sản xuất nông nghiệp cần được chuyển đổi và bố trí theo các mô hình thích hợp, sao cho vừa đáp ứng nhiều sản phẩm phong phú, đa dạng, cao cấp của thị dân, vừa tạo ra cảnh quan có sinh thái phù hợp với nhu cầu sống khỏe mạnh của người dân địa phương và phát triển du lịch. Đồng thời quan tâm đến vấn đề tiêu thụ sản phẩm, bảo quản, chế biến,... Có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp.

## 2.2.2 Thực trạng về cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa giai đoạn 1986-2005

### 2.2.2.1 Hiện trạng sử dụng đất đai (xem bảng 2.2, phụ lục 2)

Hình 2.2: Cơ cấu sử dụng đất năm 2005



*Nguồn: Sở Nông nghiệp và PTNT, Quy hoạch sử dụng đất ở Khánh Hòa*

Mặc dù địa hình phức tạp, diện tích đất bằng thấp hạn chế, nhưng trong thời gian qua với sự đầu tư kết hợp giữa chính quyền địa phương và người dân đã mở rộng khai hoang nên diện tích đất nông nghiệp không ngừng mở rộng. Năm 2005 diện tích đất sản xuất nông nghiệp đã đạt trên 101.100 ha, chiếm khoảng 19% diện tích đất tự nhiên. Sự gia tăng diện tích đất nông nghiệp đã góp phần nâng cao mức sống của người dân, đồng thời khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai.

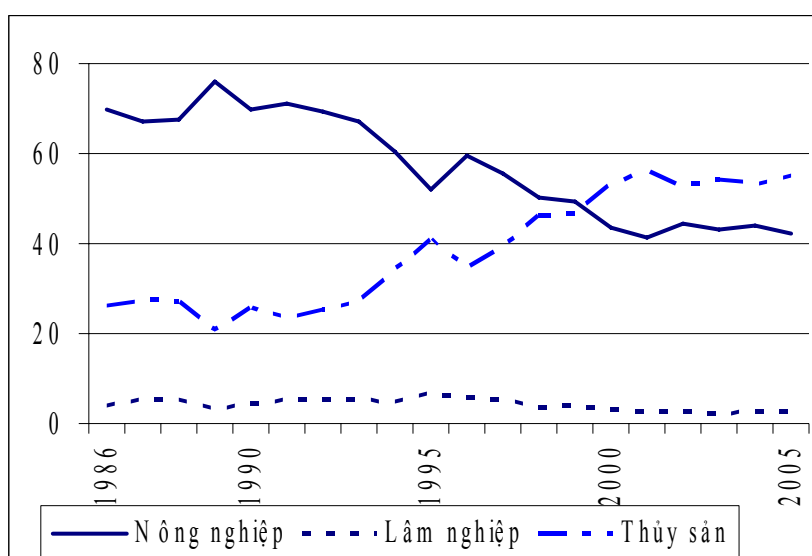
Tuy nhiên, Khánh Hòa là tỉnh có diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người thấp, năm 2005 là 217 người/m<sup>2</sup>. Trong khi đó đất sản xuất lâm nghiệp chiếm

phần lớn diện tích đất tự nhiên của tỉnh, năm 2005 là 201.780 ha, chiếm khoảng 39% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích đất chưa sử dụng vẫn còn chiếm một tỷ trọng lớn. Đến năm 2005, diện tích đất chưa sử dụng là 129.988 ha, chiếm khoảng 25% trong tổng diện tích đất tự nhiên. Nhìn chung, việc khai hoang mở rộng diện tích đất nông nghiệp trong những năm gần đây gặp nhiều khó khăn do phần lớn diện tích đất thuận lợi và có qui mô lớn đã khai thác hết, chỉ còn những vùng xa, dọc các sông suối, khó khai thác, diện tích manh mún, khó khăn trong việc sản xuất tập trung với qui mô lớn.

2.2.2.2 Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa giai đoạn 1986-2005.

**(1) Chuyển dịch cơ cấu nông – lâm – thủy sản (xem bảng 3.2, phụ lục 2)**

Hình 3.2: Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông - lâm - thủy sản Khánh Hòa giai đoạn 1986 – 2005. (Đvt:%)



Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê Tỉnh Khánh Hòa

Trong các ngành nông - lâm - thủy sản có cơ cấu như sau:

- Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 1986 toàn tỉnh 544.000 triệu đồng, chiếm 69,77% trong cơ cấu giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản, đến năm 2000 là 810.662 triệu đồng, chiếm 43,7% đến năm 2005 là 896.790 triệu đồng, chiếm 42,37% giá trị sản xuất ngành nông - lâm - thủy sản.

- Lâm nghiệp năm 1986 là 32.200 triệu đồng, chiếm 4,13%. Đến năm 2000 là 55.366 triệu đồng, chiếm 2,98% và đến năm 2005 là 55.538 triệu đồng, chiếm 2,62% giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản.

- Ngành thủy sản, năm 1986 toàn tỉnh có giá trị sản xuất là 203.510 triệu đồng, chỉ chiếm 26,10% trong cơ cấu giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản. Đến năm 2000 là 989.219 triệu đồng, chiếm 53,32% và đến năm 2005 thì giá trị sản xuất thủy sản tăng lên là 1.164.196 triệu đồng, chiếm 55,01% giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản.

Nhìn chung, quá trình chuyển dịch cơ cấu giai đoạn 1986 – 2005 của ngành nông nghiệp và ngành thủy sản theo chiều hướng tốt. Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp giảm dần, tỷ trọng thủy sản tăng rõ rệt (xem hình 3.2). Tuy nhiên, cơ cấu ngành lâm nghiệp từ năm 1986 đến năm 2005 nhìn chung không có sự chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế tự nhiên của mình. Từ đó đi sâu phân tích chuyển dịch cơ cấu ngành nông - lâm - thủy sản trên địa bàn Khánh Hòa.

- Về nông nghiệp, tỷ trọng nông nghiệp liên tục giảm từ năm 1986 đến nay, cụ thể năm 1986 tỷ trọng ngành nông nghiệp là 69,77% đến năm 2005 là 42,37%. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tốc độ này có xu hướng chậm lại, cụ thể năm 2000, tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu nông - lâm - thủy sản là 43,7% đến năm 2005 là 42,37%. Giá trị sản xuất nông nghiệp trong những năm gần đây tăng chủ yếu là do diện tích đất nông nghiệp được mở rộng, cụ thể giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2005 tăng 86.128 triệu đồng, tương đương tăng 10,6% so với năm 2000.

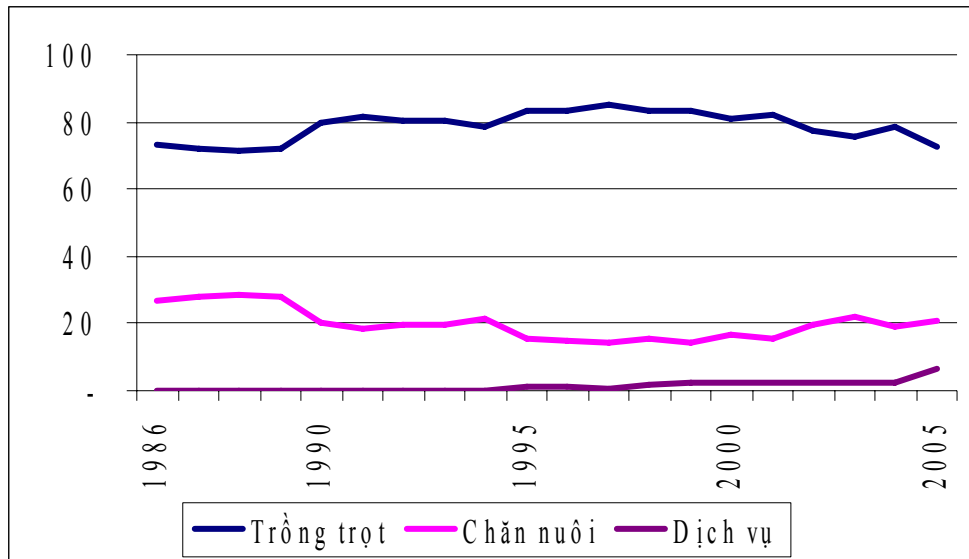
- Ngành lâm nghiệp Khánh Hòa chiếm diện tích rất lớn trong tổng diện tích nông đất nông nghiệp. Nhưng nó chưa được phát huy thế mạnh đó, tỷ trọng lâm nghiệp chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu ngành nông nghiệp. Tỷ trọng lâm nghiệp Khánh Hòa trong 5 năm gần đây có xu hướng giảm. Do một số vùng đất núi, đất đồi bà con đồng bào dân tộc chuyển sang trồng cây lâu năm và cây ăn quả.

- Ngành thủy sản chiếm một vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế nói chung, tỷ trọng ngành thủy sản liên tục tăng đáng kể xuyên suốt cả thời kỳ 1986 – 2005 trong cơ cấu nông – lâm - thủy sản. Đây là xu hướng chuyển dịch tốt cần được phát huy. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, sự chuyển dịch này không ổn định, song về mặt giá trị sản xuất, năm 2005 giá trị sản xuất thủy sản tăng 174.977 triệu đồng,

tương đương tăng 17,7%. Như vậy Khánh Hòa đã phát huy thế mạnh của mình về điều kiện tự nhiên của vùng ven biển và các nguồn lực khác.

(a) Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp (xem bảng 4.2, phụ lục 2)

Hình 4.2: Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất nội bộ ngành nông nghiệp Khánh Hòa giai đoạn 1986 – 2005 (Đvt:%)



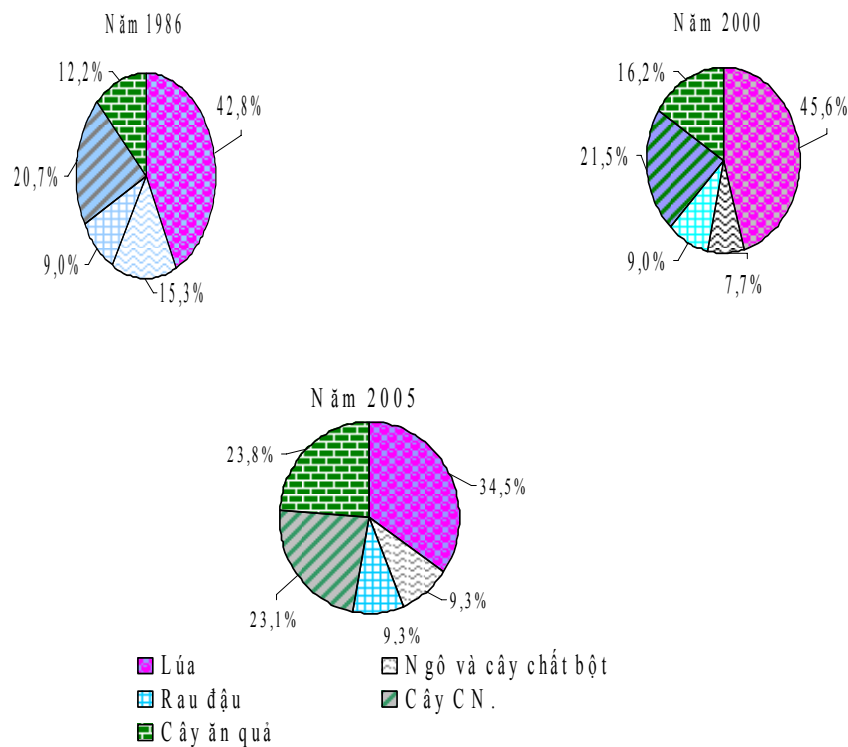
Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê Tỉnh Khánh Hòa

Trong nông nghiệp cơ cấu giá trị ngành trồng trọt các năm thường không ổn định và mang tính tự phát, phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên thời tiết hạn hán kéo dài và mùa mưa hay xảy ra lũ lụt, gây ngập úng dài ngày. Tuy nhiên ngành trồng trọt vẫn là ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu ngành nông nghiệp, năm 1986 tỷ trọng ngành trồng trọt là 73,07% đến năm 2000 là 80,98% đến năm 2005 là 72,62%. Do tỷ trọng ngành trồng trọt cao nên chăn nuôi chiếm tỷ trọng thấp, năm 1986 tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm 26,93 trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp đến năm 2000 là 16,5% và đến năm 2005 tỷ trọng này là 20,93%. Ngành chăn nuôi Khánh Hòa trong nội bộ ngành nông nghiệp còn chuyển dịch chậm, do ít có lợi thế về nông nghiệp, đất bạc màu nhiều, hạn hán, nắng nóng nhiều nơi nên việc trồng các loại cây rau phát triển chăn nuôi gặp nhiều khó khăn. Dịch vụ nông nghiệp là hình thái mới trong nông nghiệp với tỷ trọng 4,51% năm 2005 tuy còn khiêm tốn, nhưng đã có sự tăng dần về giá trị sản lượng. Đáng chú ý hơn là những năm trước đây các hoạt động dịch vụ nông nghiệp chưa hình thành rõ nét, nhưng những năm gần đây đã có sự phát triển phù hợp với quy luật chuyển dịch cơ cấu

kinh tế nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Vì vậy, nó tạo ra những điều kiện mới cho sự phát triển của các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và tạo ra sự phân công lao động mới hợp lý hơn. Đây là một cơ sở quan trọng tạo điều kiện tiền đề cho sự chuyển dịch cơ cấu trong nông thôn với sự xuất hiện và phát triển các ngành dịch vụ nông nghiệp, nông thôn.

- Trồng trọt (xem bảng 6.2, phụ lục 2)

Hình 5.2: Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất nội bộ ngành trồng trọt Khánh Hòa giai đoạn 1986 – 2005



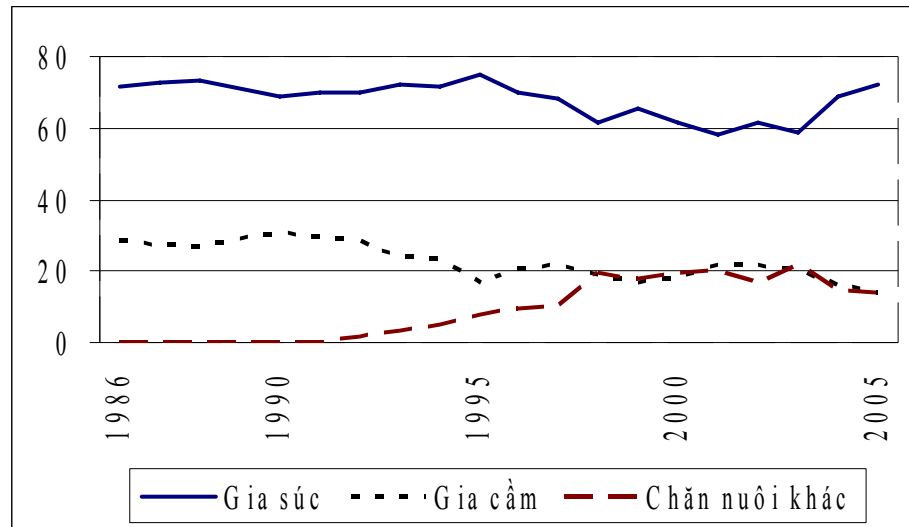
Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê Tỉnh Khánh Hòa

Trồng trọt là ngành có tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Sự chuyển dịch cơ cấu của trồng trọt có ý nghĩa quyết định tới sự chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp. Giai đoạn trước năm 1990 sản xuất trồng trọt Khánh Hòa chủ yếu là sản xuất lương thực. Từ sau 1990 trở lại đây chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong ngành trồng trọt theo hướng sản xuất hàng hóa và khai thác tiềm năng sẵn có cho sản xuất, nhất là đất đai thực sự đi vào phát huy những lợi thế của từng loại, từng vùng.

- Chăn nuôi (xem bảng 7.2, phụ lục 2)

Cho đến nay chăn nuôi vẫn còn là ngành phụ. Nguyên nhân chính là do phương thức chăn nuôi còn mang tính tự cung tự cấp, quy mô nhỏ, phân tán theo từng hộ gia đình, với kỹ thuật lạc hậu, tận dụng sản phẩm phụ của trồng trọt là chính, lấy công làm lãi.

Hình 6.2: Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất nội bộ ngành chăn nuôi Khánh Hòa giai đoạn 1986 – 2005 (Đvt: %)



Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê Tỉnh Khánh Hòa

Về gia súc, trước đây mục đích chăn nuôi gia súc chủ yếu là sức kéo, tập trung ở vùng trung du và miền núi của tỉnh. Nhu cầu sức kéo giảm do sức kéo cơ giới dần dần thay thế sức kéo bằng gia súc nên nhu cầu nuôi gia súc giảm dần. Năm 1986, chăn nuôi gia súc chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu ngành chăn nuôi (71,45%). Đến năm 2000, tỷ trọng này chỉ là 61,8%. Điều này cho thấy đã có sự chuyển dịch trong cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng tiến bộ là đã có sự cơ giới hóa trong nông nghiệp. Đến năm 2005, tỷ trọng chăn nuôi gia súc lại tăng lên đáng kể, chiếm 72,33%. Một mặt, do ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm bùng phát làm cho tỷ trọng chăn nuôi gia cầm giảm. Mặt khác, do trong thực tế nông dân đầu tư chăn nuôi lợn, xuất hiện nhiều mô hình chăn nuôi lợn theo mô hình kinh tế trang trại, chăn nuôi bò cũng tăng nhanh nhất là bò lai, nhiều gia đình quan tâm đến công tác lai tạo giống bò, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi để rút ngắn thời gian nuôi, tăng trọng lượng thịt, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Quá trình này còn xảy ra một cách tự phát của người nông dân.

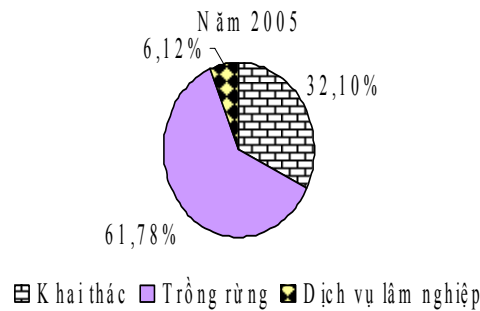
Về gia cầm, năm 1986 tỷ trọng chăn nuôi gia cầm chiếm 28,35% trong cơ cấu ngành chăn nuôi đến năm 2005 là 13,77%. Nhìn chung, chăn nuôi gia cầm tại Khánh Hòa chưa được quan tâm mở rộng, phần lớn là do người dân chỉ quan tâm đến chăn nuôi gia súc để làm sức kéo. Đây là một hạn chế trong ngành chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, đặc biệt trong những năm gần đây, do ảnh hưởng dịch cúm gia cầm và hạn hán kéo dài nên xảy ra tình trạng thiếu thức ăn, quy mô đàn gia cầm giảm. Tuy vậy, chất lượng đàn gia cầm ngày càng được cải thiện nhiều. Nhiều giống ngoại nhập theo các hướng siêu thịt, siêu trứng, kiêm dụng trứng – thịt được đưa vào chăn nuôi. Phương thức chăn nuôi và các biện pháp kỹ thuật cũng được nghiên cứu cải tiến như mở rộng hình thức nuôi bán công nghiệp, chăn thả vườn...

Như vậy trong thời gian qua việc chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp đã có những chuyển biến tích cực, đã bắt đầu phát triển ngành nông nghiệp hợp lý, phát huy những lợi thế của mình trong quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, những vùng nào trước đây trồng các loại cây kém hiệu quả đã dần dần chuyển đổi sang trồng các loại cây có hiệu quả hơn, hình thành những vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh, tập trung, song quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi còn hạn chế, phần lớn do tự phát, chưa được quy hoạch cụ thể, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của người dân là chính, dễ gặp rủi ro trong khâu sản xuất và thị trường tiêu thụ, địa phương chưa có nhà máy chế biến sản phẩm gia súc, gia cầm nên chưa có sự liên kết đầu tư thỏa đáng và đầu ra ổn định cho ngành chăn nuôi.

(b) Chuyển dịch cơ cấu ngành lâm nghiệp (xem bảng 8.2, phụ lục 2)

Hình 7.2: Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất nội bộ ngành lâm nghiệp Khánh Hòa giai đoạn 1986 – 2005





*Nguồn: Tính toán từ niên giám thống kê Khánh Hòa*

Ngành lâm nghiệp đóng vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế Khánh Hòa. Cơ cấu nội bộ ngành lâm nghiệp giai đoạn 1986 – 2005 chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng khai thác lâm sản, tăng tỷ trọng trồng rừng và chăm sóc rừng. Năm 1986, tỷ trọng khai thác lâm sản chiếm 75,17%, đến năm 2000 là 31,86% và năm 2005 là 32,10%. Tỷ trọng trồng và chăm sóc rừng tương ứng là 24,83%, 62,38% và 61,78%.

Việc trồng rừng trước năm 2000 của Khánh Hòa chủ yếu là phủ xanh đất trống đồi trọc, gia tăng độ che phủ; đến nay hầu như chuyển sang trồng rừng kinh tế đi đôi với trồng rừng phòng hộ. Cây trồng chủ yếu là keo, bạch đàn, cây dó trầm và một số cây bản địa khác như cây sao, dầu... Nhìn chung trong những năm qua công tác trồng rừng đã mang lại hiệu quả kinh tế nhất định, tạo việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập cho người dân.

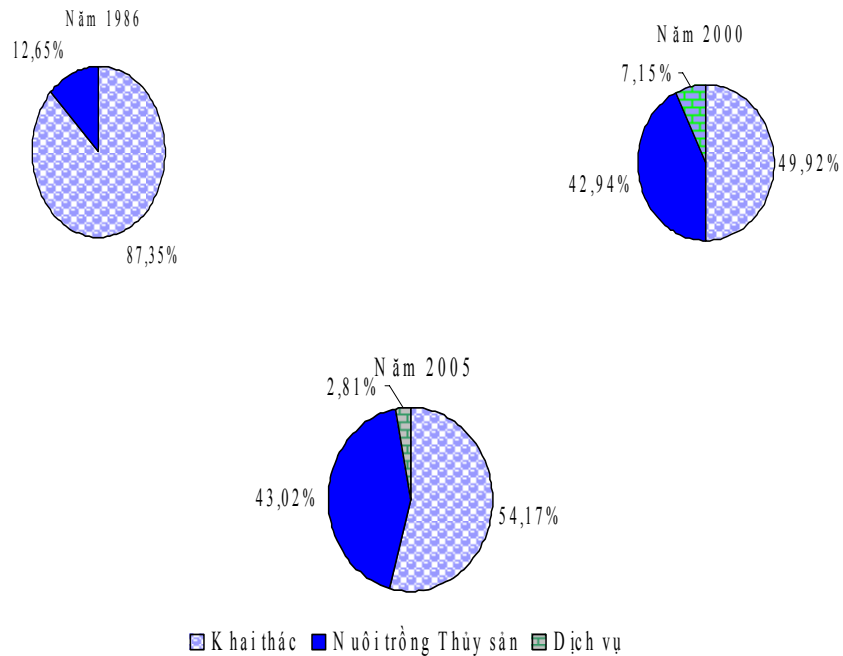
Công tác quản lý bảo vệ rừng cũng được đẩy mạnh, thực hiện công tác xã hội hóa việc trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng đã nâng cao diện tích rừng có chủ quản lý thực sự. Tăng cường công tác tuyên truyền quần chúng tham gia bảo vệ rừng, do đó hạn chế phần nào phá rừng đốt rừng làm rẫy, khai thác rừng bừa bãi. Công tác giao đất khoán rừng cũng được đẩy mạnh, người dân thực sự chủ động quản lý và kinh doanh rừng trên diện tích rừng được giao.

Các dự án trồng rừng như Pam, dự án 327, đã được thực hiện tốt trên địa bàn. Ngoài ra còn có các dự án phi chính phủ, dự án 135, dự án 133 đã được thực hiện trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho lâm nghiệp phát triển. Tỉnh cũng đã chú trọng huy động các nguồn lực từ nhiều nguồn khác nhau để phát triển vốn trồng rừng. Chính vì vậy độ che phủ của rừng, tiến độ phủ xanh đất trống đồi núi trọc diễn ra hiệu quả.



## (c) Chuyển dịch cơ cấu ngành thủy sản (xem bảng 10.2, phụ lục 2)

Hình 8.2: Chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất nội bộ ngành thủy sản Khánh Hòa giai đoạn 1986 – 2005



*Nguồn: Tính toán từ niên giám thống kê Khánh Hòa*

Thủy sản là ngành có thế mạnh của Khánh Hòa và đóng góp lớn cho hoạt động xuất khẩu của địa phương. Nó trở thành những ngành mũi nhọn của tỉnh. Do đó, ngành thủy sản chiếm khoảng 57% trong cơ cấu nông - lâm - thủy sản.

Từ bảng 9.2 cho thấy, năm 1986 giá trị ngành thủy sản là 204.170 triệu đồng, đến năm 2000 là 1.460.545 triệu đồng và năm 2005 là 2.054.036 triệu đồng. Tỷ trọng khai thác thủy sản có xu hướng giảm trong giai đoạn 1986 – 2000. Năm 1986 tỷ trọng khai thác thủy sản là 87,35% đến năm 2000 là 49,92%. Điều này cho thấy, ngành thủy sản có sự chuyển hướng tích cực từ khai thác sang nuôi trồng thủy sản. Nhưng trong 5 năm gần đây, có sự gia tăng giá trị sản xuất là do tỉnh thực hiện chương trình đánh bắt xa bờ của Chính phủ, nên giá trị sản xuất khai thác thủy sản năm 2005 là 1.112.669 triệu đồng, tăng 383.633 triệu đồng so với năm 2000 tương đương tăng 52,6%, làm cho tỷ trọng khai thác thủy sản trong cơ cấu ngành thủy sản năm 2005 tăng lên 54,17% so với năm 2000. Về nuôi trồng thủy sản, phát triển nuôi trồng thủy sản không những tạo nên sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp mà còn thúc đẩy quá trình sử dụng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo hướng có

hiệu quả. Vì vậy nông dân nhiều địa phương trong tỉnh đã chuyển diện tích trồng lúa, muối kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản với hiệu quả kinh tế cao hơn. Tuy nhiên do chuyển đổi không theo quy hoạch mà thường tự phát, nên những năm đầu chuyển đổi nhất là nuôi tôm cho giá trị kinh tế cao, nhưng những năm sau này, do tự phát, kỹ thuật hạn chế, gây ô nhiễm môi trường; do đó, tôm thường gây ra bệnh tật, chết hàng loạt ở một số nơi trong tỉnh nên nuôi trồng thủy sản giảm. Năm 2000 cơ cấu giá trị sản xuất nuôi trồng thủy sản trong ngành thủy sản là 42,94% đến năm 2005 là 43,02%, chỉ tăng 0,08%. Như vậy, về tỷ trọng nuôi trồng thủy sản tăng không nhiều nhưng giá trị sản lượng vẫn tăng, góp phần quan trọng trong việc xuất khẩu hàng hóa, đem lại khối lượng ngoại tệ lớn cho Khánh Hòa. Năm 2000 giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản là 84.304 ngànUSD, đến năm 2005 là 227.200 ngànUSD, tăng 169,5% so với năm 2000.

Ngành thủy sản tiếp tục có bước chuyển mạnh từ khai thác tự nhiên sang nâng cao tỷ trọng nuôi trồng; từ đánh bắt ven bờ với tàu công suất nhỏ với các sản phẩm có chất lượng và giá trị thấp sang đánh bắt xa bờ với trang thiết bị lớn hơn, sản phẩm đánh bắt có chất lượng và giá trị cao hơn. Năm 2000 công suất tàu thuyền là 94.500 CV, đến năm 2005 là 124.938 CV.

#### (d) Ngành dịch vụ nông nghiệp

Trong những năm gần đây do yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp và cuộc sống của người dân, nên phát triển mạnh một số loại hình dịch vụ để đáp ứng yêu cầu đó.

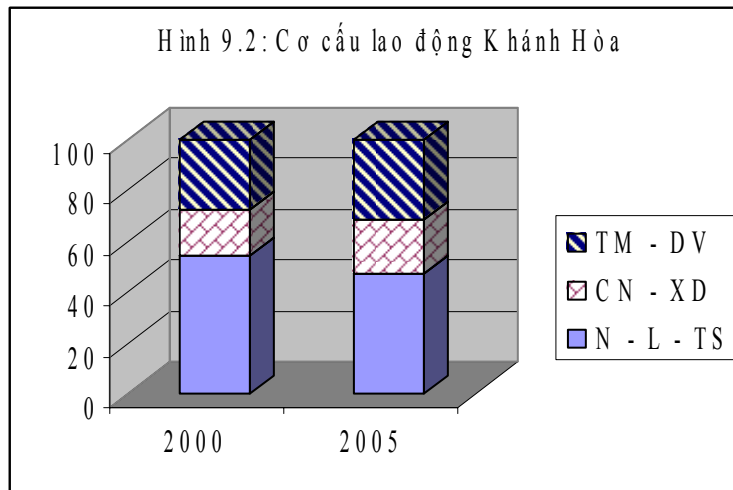
- Dịch vụ thủy nông: Hệ thống dịch vụ thủy nông gồm các công ty quản lý và khai thác thủy nông các cấp từ tỉnh đến huyện và đến từng công trình. Các công ty có nhiệm vụ cung cấp nước tưới, thu phí thủy lợi theo hợp đồng với các đơn vị và người sản xuất. Mức thu phí thủy lợi đối với vùng tưới tự chảy là 500kg thóc/ha, đối với các khu vực bằng trạm bơm là 700kg thóc/ha. Tuy vậy diện tích được tưới tiêu chủ yếu được tập trung ở vùng đồng bằng và cũng chỉ chủ yếu cho lúa và rau. Các vùng đồi núi và ven biển còn canh tác chủ yếu dựa vào nước trời. Điều đáng chú ý đại bộ phận hệ thống thủy nông lớn trong vùng đều là hồ, đập, sử dụng nước sông để tưới hoặc tạo nguồn cho các hệ thống trạm bơm. Trong những năm gần đây do nạn phá rừng, nước các sông vào mùa khô thường cạn kiệt, thiếu nước cung cấp cho các công trình thủy lợi. Sắp tới tỉnh có kế hoạch xây dựng các công trình hồ đập lớn

kết hợp với thủy điện ngăn các sông để giữ nước tạo nguồn nước sinh hoạt cho người dân.v.v...

- Dịch vụ vật tư: dịch vụ cung cấp vật tư nông nghiệp phát triển tương đối, bao gồm các công ty vật tư và mạng lưới các cửa hàng đại lý, các điểm bán lẻ ở từng thôn xóm. Nhờ hệ thống cung cấp vật tư phát triển, các loại vật tư như giống, phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc thú y nhanh chóng đến với người tiêu dùng góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển. Tuy nhiên do mạng lưới phân phối phát triển mạnh, rộng nên công ty quản lý thiếu chặt chẽ các loại hàng giả, hàng kém chất lượng vẫn lưu thông và đưa vào sản xuất đã tác động xấu đến sản xuất. Ngoài ra trên địa bàn tỉnh còn có trạm bảo vệ thực vật, thú y, trạm giống, các trung tâm khuyến nông, khuyến ngư làm công tác dịch vụ, các loại hình dịch vụ trên càng phát triển, đã góp phần quan trọng thúc đẩy sản xuất trong vùng phát triển.

Như vậy tuy không có lợi thế nhiều về tự nhiên, còn nhiều hạn chế trong quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp nhưng Khánh Hòa đã bắt đầu phát triển ngành nông nghiệp hợp lý, phát huy những lợi thế của mình trong quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp,

### 2.2.2.3 Chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp

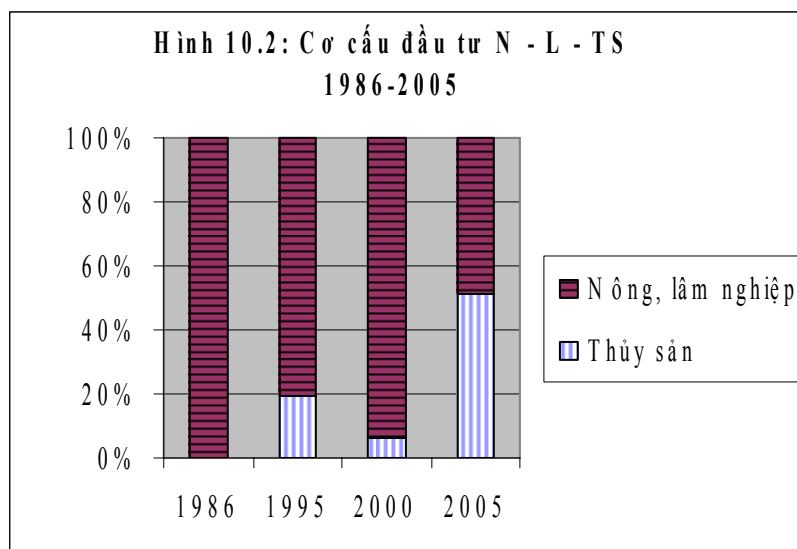


*Nguồn: Tính toán từ số liệu cơ bản của Khánh Hòa giai đoạn 2000 - 2005*

Trong 5 năm gần đây, lao động Khánh Hòa đã có sự chuyển dịch từ nông nghiệp sang các ngành phi nông nghiệp. Năm 2000, lao động nông nghiệp chiếm 54,25% số lượng lao động toàn tỉnh, đến năm 2005 giảm còn 47,48%. Lao động

ngành công nghiệp – xây dựng và thương mại dịch vụ tăng từ 17,91% lên 21,28% và từ 27,84% lên 31,24% trong thời kỳ tương ứng, (Xem bảng 11.2, phụ lục 2).

#### 2.2.2.4 Chuyển dịch cơ cấu đầu tư trong khu vực nông nghiệp giai đoạn 1986 - 2005



*Nguồn Tỉnh từ niên giám thống kê Khánh Hòa*

Năm 1986, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản vào nông - lâm nghiệp chiếm 100% tổng nguồn vốn đầu tư XDCB vào nông nghiệp. Đến năm 2000, tỷ trọng này là 93,76% và 48,95% vào năm 2005. Tỷ trọng vốn đầu tư ngành thủy sản là 0%; 6,24% và 51,05% vào thời kỳ tương ứng. Điều này cho thấy, sự chuyển dịch cơ cấu vốn đầu tư trong nội bộ cơ cấu đầu tư nông - lâm - thủy sản theo chiều hướng tăng dần tỷ trọng đầu tư cho thủy sản và giảm vốn đầu tư vào nông lâm nghiệp.

### 2.3 Đánh giá tác động của các nhân tố đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh

#### 2.3.1 Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng lý thuyết kinh tế nông nghiệp, lý thuyết kinh tế lượng và những kinh nghiệm về thành công của một số nước kết hợp điều tra khảo sát để đánh giá tác động về mặt kinh tế của các nhân tố đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp ở Khánh Hòa. Trên cơ sở đó, luận văn thử đề xuất một số giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa cho thời gian tới, để nông

nghiệp phát huy vai trò của nó, nhằm đáp ứng mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh đến năm 2010 theo hướng dịch vụ, du lịch - công nghiệp - nông nghiệp.

Trong luận văn này, phương pháp phân tích hồi quy được sử dụng để phân tích. Những số liệu trong phân tích được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau. Trong đó, nguồn chủ yếu từ Cục thống kê tỉnh trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay. Chi tiết về những chỉ tiêu được chọn như sau:

Trong giới hạn của đề tài, mô hình hồi quy tuyến tính có dạng

$$y = a_0 + a_1K + a_2L + a_3D$$

$$Y = a_0 + a_1K + a_2L + a_3D$$

### 2.3.2 Kết quả phân tích hồi quy

Trên cơ sở dữ liệu được thu thập và xử lý, số mẫu quan sát  $n = 20$ , chúng tôi ước lượng các tham số của hàm hồi quy bằng phương pháp bình phương nhỏ nhất với sự hỗ trợ của phần mềm Eview 3.0.

**(1) Kết quả ước lượng hồi quy** có thể trình bày tóm tắt như sau : (xem phụ lục 1):

$$Y = - 628143.0787 + 2.897004806 * K + 7.531280145 * L + 0.2287322108 * D$$

$$(SE) \quad (377089) \quad (0.501079) \quad (1.243381) \quad (0.716679) \quad R^2 = 0.891$$

$$(t) \quad (-1.665768) \quad (5.781528) \quad (6.057100) \quad (0.319156) \quad F = 43.62104$$

$$(p) \quad (0.1152) \quad (0.0000) \quad (0.0000) \quad (0.7537) \quad (0.00000)$$

Dòng (SE): số trong ngoặc đơn là sai số chuẩn tương ứng của hệ số hồi quy;

Dòng (t): số trong ngoặc đơn là giá trị thống kê t tương ứng của hệ số hồi quy;

Dòng (p): số trong ngoặc đơn là xác suất phân phối theo qui luật Student tương ứng của hệ số hồi quy (Eview 3.0 thường được mặc định với  $\alpha = 0.05$ );

$R^2$  là hệ số xác định của mô hình hồi quy; và F là giá trị  $F_{\text{calculated}}$  với xác suất phân phối tương ứng của  $R^2$  theo qui luật Fisher.

### **(2) Ý nghĩa các tham số**

Hệ số  $a_1 = 2,897$  cho biết, với điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản khu vực nông nghiệp tăng/giảm 1 đơn vị thì giá trị sản xuất nông nghiệp tăng/giảm 2,89 đơn vị.

Hệ số  $a_2 = 7,53$  cho biết, với điều kiện các yếu tố khác không đổi, khi lao động trong nông nghiệp tăng/giảm 1 lao động thì giá trị sản xuất nông nghiệp tăng/giảm 7,53 đơn vị.

Hệ số xác định  $R^2 = 0,891$  phản ánh mô hình hồi quy có mối tương quan khá chặt chẽ với hai biến K và L. Mức giải thích sự tác động của các nhân tố đến 89% đến sự gia tăng giá trị sản xuất nông nghiệp.

**(3) Kiểm định các tham số và giả thiết của mô hình** theo phần B phụ lục 1 cho thấy:

- Kiểm định Wald các tham số không đồng thời bằng 0, với mức ý nghĩa thống kê 5% trong các biến giải thích K, L, D thì D (diện tích đất nông nghiệp) không có ý nghĩa  $P(D) = 0,75$  tức  $\alpha = 75\% > 5\%$ . Hay biến D không ảnh hưởng tới sự phụ thuộc Y. Vì vậy ta không nên đưa biến D vào mô hình.
- Mô hình ổn định và phù hợp; hệ số tương quan  $R^2 = 0,891$  cho biết các biến độc lập đã giải thích đến 89% sự thay đổi của giá trị sản xuất nông nghiệp.
- Mô hình tuân theo luật phân phối chuẩn.

### 2.3.3 Một số phát hiện chính từ kết quả nghiên cứu

Từ mô hình hồi quy và kết quả phân tích hồi quy trên, có thể xác định sơ bộ rằng, trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa giai đoạn 1986 – 2005, bằng chứng thực tế giá trị sản xuất nông nghiệp có tương quan đồng biến chặt chẽ ( $R^2 = 0,891$ , mức ý nghĩa 5%) với nguồn vốn đầu tư XDCCB vào nông nghiệp và lao động nông nghiệp. Từ mô hình trên cũng cho thấy diện tích đất nông nghiệp không có ý nghĩa thống kê.

Qua mô hình hồi quy cho thấy, hiện nay giá trị sản xuất nông nghiệp Khánh Hòa vẫn còn chịu tác động mạnh của nguồn lao động trong nông nghiệp. Điều này chứng tỏ, lực lượng lao động nông nghiệp vẫn còn chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu lao động của tỉnh.

Về nguồn vốn đầu tư, vốn đầu tư cho nông nghiệp có tác động tích cực đến giá trị sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, sự tác động của vốn đầu tư thấp hơn so với tác động của lao động nông nghiệp. Điều này cho thấy, nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp còn thấp, nếu mức đóng góp của giá trị sản xuất nông nghiệp vào GDP là 43% vào năm 2005 thì mức đóng góp của nguồn vốn đầu tư XDCB phục vụ nông nghiệp chỉ chiếm 9,5% trong tổng nguồn vốn. Đây là một mức chênh lệch lớn giữa đầu tư vào nông nghiệp với mức độ đóng góp của khu vực nông nghiệp vào nền kinh tế. Do đó, cần có giải pháp phục vụ cho sản xuất nông nghiệp nhằm thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế Khánh Hòa đạt hiệu quả hơn.

## **2.4 Đánh giá chung**

### 2.4.1 Những kết quả của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trong thời gian qua của Khánh Hòa

Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của Khánh Hòa đã đạt được những kết quả sau:

- Về quy mô và tốc độ của chuyển dịch: Nhìn chung cơ cấu nông nghiệp đã có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, nhất là trong nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi) và thủy sản. Bước đầu khai thác hợp lý tiềm năng và lợi thế của từng ngành, từng vùng.

- Về tác động của sự chuyển dịch: Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp đã làm cho đóng góp của ngành nông nghiệp trong kinh tế của tỉnh tăng nhanh trong 20 năm qua, góp phần quan trọng trong ổn định tình hình kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn. Cụ thể:

- + Sự chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp đã làm tăng nhanh diện tích các loại cây hàng hóa có giá trị kinh tế cao. Đã dần dần phá bỏ thể độc canh của cây lương thực mà sản xuất vẫn ổn định, an toàn lương thực được đảm bảo.

- + Đất đai, nhất là bãi bồi ven sông ven biển được khai thác hợp lý đã góp phần hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn như vùng nuôi tôm Sú ven biển, vùng trồng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm. Đặc biệt, sản phẩm thủy sản bước đầu tạo và chiếm lĩnh thị trường trong và ngoài nước.

+ Thành tựu nổi bật khác của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là góp phần quyết định cho công tác xóa đói giảm nghèo đạt kết quả cao. Tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động ở nông thôn.

#### 2.4.2 Hạn chế và những vấn đề đặt ra cần giải quyết

Mặc dù đã đạt được những thành tựu tích cực như đã nêu trên, song quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa vẫn còn những yếu kém. Từ nghiên cứu thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh có thể rút ra những vấn đề cơ bản sau:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tuy đã được xác định trong các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và đã được rà soát bổ sung cho đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020, đã được xây dựng thành các đề án phát triển, nhưng trong những điều kiện của những năm trước đây sự chuyển dịch và phát triển kinh tế dựa trên cơ sở tập trung khai thác các ngành mũi nhọn, các vùng có tiềm năng là đúng hướng. Song trong điều kiện mới có một số nhân tố ảnh hưởng đến quy hoạch đã có sự biến động. Vì vậy, cần phải có sự bổ sung, điều chỉnh thường xuyên và kịp thời, nhất là vấn đề về thị trường.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa trong những năm qua chuyển dịch còn chậm. Cơ cấu ngành trồng trọt vẫn chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng giá trị sản xuất, trong khi đó tỷ trọng ngành chăn nuôi tương đối thấp và tỷ trọng ngành dịch vụ không đáng kể. Điều này cho thấy rằng nông nghiệp của tỉnh vẫn là ngành sản xuất sản phẩm thô là chính, chăn nuôi và dịch vụ chưa phát triển làm cho phần đông người lao động bị kiềm hãm trong các hoạt động trồng trọt mang nặng tính thời vụ là một sự lãng phí lớn.

- Sản xuất hàng hóa trong nông nghiệp còn nhiều bất cập. Hiện nay, các vùng cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm đang trong quá trình hình thành, ít về số lượng, nhỏ về quy mô và chưa ổn định; chủ yếu phát triển dựa trên cơ sở các vùng truyền thống, chủ thể là các hộ nông dân vẫn chiếm đa số, thiếu sự tác động tích cực của khoa học và công nghệ, luôn gặp khó khăn về thị trường. Tính chất nhỏ lẻ cũng thể hiện rõ ở quy mô của các chủ thể sản xuất. Diện tích đất nông nghiệp của mỗi hộ nông dân phân tán thành những thửa nhỏ và manh mún. Tình trạng này đã ràng buộc chặt hơn nông dân với ruộng đất, với trồng trọt, dẫn đến lao động nông thôn dư thừa, việc làm thiếu và hàng loạt vấn đề khác.



Điều đáng quan tâm là công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông sản chưa phát triển, quy mô nhỏ bé, công nghệ lạc hậu. Vì vậy, tác động của công nghiệp đến nông nghiệp còn yếu và chưa đồng bộ. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến cho sức cạnh tranh của hàng hóa nông sản thấp trên thị trường.

- Trình độ khoa học và công nghệ trong nông nghiệp thấp. Tuy đã đạt được một số thành tựu ứng dụng khoa học và công nghệ vào nông nghiệp, nhưng nhìn chung, trình độ khoa học và công nghệ trong nông nghiệp của tỉnh còn thấp. Mức độ cơ giới hóa và thủy lợi hóa chưa cao. Công nghệ trong lĩnh vực chế biến nông sản cũng lạc hậu. Hệ quả là năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của đa số các loại cây trồng, vật nuôi còn thấp, sản phẩm làm ra khó tiêu thụ.

- Về lao động nông nghiệp, phần lớn là có trình độ thấp và lệ thuộc nặng vào mùa vụ nên năng suất lao động trong nông nghiệp thấp. Do đó, mặc dù đã có những cải thiện, nhưng đời sống của người nông dân còn gặp nhiều khó khăn. Điều này cũng làm giảm sức mua lớn của nền kinh tế vì phần đông dân cư sống ở nông thôn.

Có thể khẳng định những hạn chế trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế cây trồng vật nuôi như trên đã phần nào làm cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp diễn ra chậm, không khai thác hết lợi thế và cơ hội của tỉnh, các khó khăn và thách thức còn nhiều; quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn nhiều bất cập, chưa tận dụng được cơ hội và thuận lợi, chưa né tránh được các thách thức và khó khăn.

## Kết luận chương 2

Khánh Hòa là tỉnh có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế mang tính đặc thù, tạo nên những thuận lợi và khó khăn cho quá trình phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung, kinh tế nông nghiệp nói riêng.

Những năm qua, kinh tế Khánh Hòa nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng có mức tăng trưởng cao, nhất là giai đoạn 2001-2005.

- Về nông nghiệp: Trong 5 năm qua giá trị sản xuất tăng bình quân hàng năm là 5%, đã tự túc được phần lớn lương thực, cơ cấu cây trồng vật nuôi từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực. Giá trị sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả tăng nhanh.

- Về thủy sản: Ngành thủy sản đã trở thành ngành sản xuất và xuất khẩu chính của Khánh Hòa. Giá trị sản lượng tăng liên tục qua các năm và là ngành đem lại nguồn thu ngoại tệ lớn cho tỉnh.

- Về lâm nghiệp: Trồng rừng và chăm sóc rừng ngày càng được quan tâm thích đáng. Trước đây, việc trồng rừng chỉ nhằm mục đích che phủ thì trong thời gian gần đây, công tác trồng rừng còn chú trọng đến giá trị kinh tế. Giá trị sản xuất nông nghiệp giảm từ 4,13% xuống còn 2,62% cho thấy ngành lâm nghiệp đã chuyển hướng từ khai thác sang nuôi trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng.

- Về dịch vụ nông nghiệp: Các ngành dịch vụ nông nghiệp về cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp.

Những biến đổi trên làm cho đời sống người dân nông thôn từng bước được cải thiện và cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng khai thác tiềm năng lợi thế của tỉnh. Cụ thể:

+ Về cơ cấu các ngành kinh tế: Tỷ trọng GDP của nông nghiệp giảm từ 46,78% xuống còn 26,87% năm 2000 và 17,61% năm 2005. Công nghiệp và dịch vụ tương ứng 41,44% và 40,95% năm 2005.

Trong nông nghiệp có sự chuyển dịch từ cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế thấp sang giá trị kinh tế cao. Tuy nhiên, chăn nuôi còn chưa phát triển và cân đối với trồng trọt, kể cả những vùng có tiềm năng như vùng núi, vùng đồng bằng.

Trong lâm nghiệp đã có sự chuyển dịch từ khai thác là chủ yếu sang các hoạt động lâm sinh, trồng và bảo vệ rừng.

Ngành thủy sản đã có sự chuyển dịch từ khai thác là chủ yếu sang nuôi trồng các loại có giá trị kinh tế cao. Vì vậy, đã làm cho giá trị sản xuất ngành thủy sản tăng nhanh và chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế nông lâm thủy sản.

Thành tựu nổi bật của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là góp phần quyết định công tác xóa đói giảm nghèo, làm thay đổi bộ mặt xã hội ở các vùng sâu, vùng xa nhất là vùng đồng bào dân tộc ở 2 huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh.

Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn những bất cập và đặt ra những vấn đề cần phải giải quyết.

### CHƯƠNG 3

## NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP KHÁNH HÒA

### 3.1 Quan điểm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa thời gian tới

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa phải nhằm khai thác tối đa những ưu thế và thuận lợi về tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Việc quán triệt quan điểm trên là hết sức quan trọng. Những năm qua, việc sản xuất nông nghiệp của tỉnh đã khai thác được tiềm năng về vị trí địa lý, về đất đai, về tài nguyên rừng, tài nguyên biển và nguồn lao động... nên đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, việc tiến hành khai thác chủ yếu còn mang tính tự phát và phân tán hiệu quả chưa cao, chưa có sự gắn kết giữa các vùng các ngành kinh tế để khai thác tổng hợp.

Để khai thác tối đa những ưu thế và thuận lợi về tài nguyên thiên nhiên một cách khoa học cần phải tập trung đầu tư vào các loại sản phẩm có thể phát huy được lợi thế tối ưu nhất của tỉnh như lợi thế về kinh tế biển đó là thủy sản, du lịch, các loại cây ngắn ngày và cây công nghiệp dài ngày để khai thác triệt để các loại đất đai trong vùng. Phải đặt cơ cấu nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế hợp lý, trong mối quan hệ tương quan với các ngành khác của tỉnh. Có như vậy các thế mạnh của tỉnh mới được khai thác hợp lý, hiệu quả sản xuất mới có điều kiện nâng cao.

Quán triệt quan điểm trên trong quá trình phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế cần phải đánh giá kỹ hơn các tiềm năng và lợi thế của từng khu vực theo các điều kiện mới của tỉnh. Trên cơ sở đó cần thực hiện phân vùng qui hoạch sản xuất theo hướng khai thác tiềm năng, lợi thế so sánh của tỉnh. Đặc biệt trong nông nghiệp, phải kết hợp giữa khai thác tiềm năng với bảo vệ và tái tạo các tiềm năng và bảo vệ các nguồn lực tự nhiên, ví dụ như trong thủy sản cần phải gắn sản xuất với xuất khẩu theo hướng khai thác các tiềm năng; lợi thế so sánh như: lựa chọn bố trí cây trồng, kết hợp giữa trồng trọt với chăn nuôi, nông nghiệp với lâm nghiệp và thủy sản, kết hợp nông – lâm – thủy sản với chế biến một cách hợp lý và hiệu quả.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường.

Nói đến thị trường là nói đến cung - cầu - giá cả các loại hàng hóa, dịch vụ. Bất cứ một nền sản xuất nào cũng tập trung giải quyết ba vấn đề chủ yếu: sản xuất cái gì? Sản xuất cho ai? Và sản xuất như thế nào? Chính vì vậy, trong sản xuất kinh doanh không phải sản xuất cái ta có mà sản xuất cái mà thị trường cần.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường là cải biến một cách sâu sắc nền sản xuất tự cung tự cấp, sản xuất độc canh, thuần nông, lạc hậu có quy mô nhỏ lên sản xuất hàng hóa gắn liền với thị trường.

Từ khi thực hiện đổi mới kinh tế, nhiều chủ trương chính sách mới ra đời đã góp phần giải phóng sức sản xuất. Từ năm 1990 trở lại đây trong nông nghiệp đã giành được một số kết quả nổi bật. Đó là đưa nước ta từ một nước nhập khẩu lương thực sang một nước đủ lương thực ăn, dự trữ và xuất khẩu. Trong quá trình đó, sản xuất nông nghiệp ở nước ta đã phát triển theo hướng đa dạng hơn. Tuy nhiên, muốn sản xuất của mình được xã hội thừa nhận với tư cách là sản phẩm hàng hóa, người sản xuất phải tìm hiểu thị trường, hiểu biết nhu cầu cả về số lượng, chất lượng, mẫu mã, hình thức và phải chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo tiếp thị... để sản phẩm của mình tiếp cận được với thị trường.

Để quán triệt quan điểm trên trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, Khánh Hòa cần thực hiện tốt công tác phân vùng, quy hoạch, bố trí sản xuất. Từng bước hình thành các vùng sản xuất cây con tập trung, chuyên canh, chuyên môn hóa. Đồng thời xuất phát từ nhu cầu của thị trường thế giới, trong nước, địa phương đảm bảo yêu cầu chuyển dịch nguồn lực từ khu vực kém hiệu quả sang khu vực hiệu quả cao hơn. Có như vậy, các loại sản phẩm sản xuất của nông - lâm - ngư nghiệp mới có sức cạnh tranh, có thị trường tiêu thụ và ổn định. Các sản phẩm đó vừa đảm bảo số lượng, chất lượng, đáp ứng được yêu cầu an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt đối với mặt hàng thủy sản xuất khẩu, theo nhu cầu của thị trường; đồng thời phải đảm bảo hiệu quả cao để nâng mức thu nhập cho người lao động.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp cần gắn liền với thực hiện chiến lược hội nhập, hướng mạnh về xuất khẩu trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa để phát triển nhằm thỏa mãn nhu cầu của thị trường nội địa trên cơ sở tiềm năng điều kiện và nguồn lực trong nước. Đồng thời căn cứ vào nhu cầu thị trường quốc tế, yêu cầu hội nhập và tính hiệu quả của phân công lao động

quốc tế mà xác định đúng và tập trung vào các ngành trọng điểm, mũi nhọn hướng tới xuất khẩu; phát triển những ngành này không chỉ tạo ra thể và lực cho nền kinh tế mà còn là yếu tố cơ bản cho sự phát triển bền vững. Thực chất của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hội nhập quốc tế là tạo mọi điều kiện thuận lợi để cho sản phẩm có tỷ trọng xuất khẩu cao từ đó làm tăng giá trị và hiệu quả xuất khẩu.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hội nhập nhằm tạo ra khả năng nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa xuất khẩu, chuyển từ xuất khẩu hàng hóa dưới dạng sơ chế sang xuất khẩu dạng tinh chế, có như vậy mới nâng cao giá trị hàng hóa (nông sản phẩm), chiến thắng trong cạnh tranh. Muốn vậy cần đưa vào sản phẩm và quản lý các thành tựu khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Cần chú ý muốn áp dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật - công nghệ hiện đại thì phải phân tích và lựa chọn công nghệ, thiết bị kỹ thuật phù hợp với nhu cầu và khả năng của nền kinh tế.

Quán triệt quan điểm trên, trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Khánh Hòa cần gắn với thực hiện chiến lược hội nhập hướng mạnh xuất khẩu. Chú ý lai tạo và đưa vào áp dụng các giống cây trồng và vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt, thời gian sinh trưởng ngắn, hiệu quả cao. Ngoài giống lúa cần coi trọng áp dụng các loại giống cho cây màu, cây công nghiệp, cây đặc sản rừng vì Khánh Hòa có diện tích lâm nghiệp khá lớn. Về chăn nuôi cần chú ý lai tạo bò theo “hướng thịt” để nâng cao trọng lượng của đàn bò; tuy đàn bò của tỉnh đã ngày càng tăng nhưng trọng lượng còn nhỏ nên lượng thịt cung cấp còn ít. Song song với đàn bò, đàn lợn của Khánh Hòa cũng có số lượng đáng kể. Trong trồng trọt cũng như chăn nuôi cần áp dụng các quy trình công nghệ hiện đại, có kết hợp với quy trình công nghệ truyền thống để đảm bảo năng suất cây trồng, vật nuôi cao, bảo đảm chất lượng sản phẩm, giá thành hạ. Đồng thời từng bước trang bị công cụ cơ giới hóa, đặc biệt chú ý các khâu lao động nặng nhọc, đẩy mạnh trang bị công cụ ở các khâu thu hoạch, chế biến bảo quản nông sản giảm thất thoát nông sản phẩm, tăng hiệu quả kinh tế. Đặc biệt đẩy nhanh đầu tư chiều sâu đối với cơ sở chế biến hiện có và xây dựng mới cơ sở chế biến nông sản - thủy sản còn thiếu với công nghệ kỹ thuật hiện đại để nâng cao chất lượng sản phẩm chế biến đảm bảo cho nhu cầu tiêu dùng trong nước, cho xuất khẩu và có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phải đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội, góp phần cải thiện và nâng cao môi trường sinh thái.

+ Về mặt hiệu quả kinh tế, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa có chất lượng tốt, giá thành hạ, năng suất lao động cao tạo ra tích lũy để tái sản xuất mở rộng không ngừng. Muốn vậy, khi chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phải lựa chọn những cây trồng, vật nuôi có giá trị xuất khẩu cao, đáp ứng được nhu cầu thị trường trong nước và thị trường ngoài nước, đem lại lợi nhuận cao. Ở đây đòi hỏi phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp mang tính tự cấp, tự túc sang cơ cấu kinh tế sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Trên cơ sở sản xuất hàng hóa và xuất khẩu, cơ cấu kinh tế nông nghiệp phải được phát triển một cách tổng hợp, đa dạng bao gồm cả trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản để sử dụng một cách đầy đủ và hợp lý mọi nguồn tài nguyên đất đai và tư liệu sản xuất, làm cho vòng quay của vốn tăng nhanh, tạo nên thu nhập và đưa lại nhiều sản phẩm hàng hóa có giá trị xuất khẩu.

Để có hàng hóa xuất khẩu có giá trị kinh tế cao thì cần đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến, các nhà máy này phải gắn với vùng nguyên liệu với công nghệ, thiết bị hiện đại, tránh tình trạng xây dựng nhà máy có công suất quá lớn, nhưng nguyên liệu không đáp ứng nên hiệu quả kém. Thực tiễn ở Khánh Hòa đã diễn ra tình hình đó, cần được rút kinh nghiệm.

+ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa không những chỉ chú ý hiệu quả kinh tế, mà còn đảm bảo cả hiệu quả xã hội. Hiệu quả kinh tế - xã hội đòi hỏi chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải tạo ra được việc làm cho người lao động ở nông thôn, góp phần xóa đói, giảm nghèo, giải quyết được nạn thất nghiệp, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động.

+ Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp góp phần cải tiến và nâng cao môi trường sinh thái. Đây là một trong những vấn đề cực kỳ quan trọng đối với Khánh Hòa là nơi thường xảy ra bão, lũ, lụt, hạn hán thường xuyên làm cho đất bị xói mòn, sạt lở, khí hậu ngày càng khắc nghiệt. Đó là do tệ nạn phá rừng nghiêm trọng, chất thải công nghiệp. Muốn bảo vệ và cải thiện, nâng cao môi trường sinh thái cần phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa các ngành trên phạm vi địa phương và cả nước. Mặt khác, phải có một chế độ canh tác hợp lý ở các vùng đồi, núi từ khâu làm đất đến việc bố trí cây trồng thích hợp.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phải theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ

Muốn thực hiện quan điểm này, trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tăng cường khai thác tiềm năng về đất đai, sử dụng đất trồng đòi trọc đưa vào sản xuất, tăng vụ, tăng đầu tư thâm canh, chuyển sang sản xuất các cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Khánh Hòa có lợi thế về kinh tế biển, do đó một số vùng trồng lúa cho năng suất thấp, kém hiệu quả kinh tế có thể chuyển nuôi trồng thủy sản như cá, tôm; một số vùng đòi trọc trồng cây ăn quả kém hiệu quả có thể chuyển sang trồng rừng nguyên liệu như bạch đàn, keo vừa có giá trị kinh tế, vừa phủ xanh đất trồng, chống xói mòn. Đồng thời phát triển ngành chăn nuôi, đặc biệt chăn nuôi gia súc để có thể thực hiện chuyển dịch cơ cấu ngành trong nội bộ ngành nông nghiệp, giảm dần tỷ trọng trồng trọt, tăng dần tỷ trọng chăn nuôi, đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính.

### **3.2 Phương hướng chủ yếu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa**

Mục tiêu tổng thể phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2006 – 2020, cũng đã xác định vị trí của nông nghiệp sẽ tiếp tục giảm: tốc độ tăng bình quân hàng năm của khu vực nông, lâm, thủy sản tăng bình quân khoảng 4% thời kỳ 2006 – 2010, thời kỳ 2011 – 2015 khoảng 3,0% và thời kỳ 2016 – 2020 khoảng 3%; tỷ trọng GDP giảm dần từ 18% hiện nay xuống còn 14%, 9% và 6% thời kỳ tương ứng.

Cũng theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Khánh Hòa thời kỳ 2006 - 2020, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp sẽ đạt khoảng 83% – 85% dân số, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 68,5% – 70% vào năm 2020. Mục tiêu đến năm 2010, về chuyển dịch cơ cấu kinh tế Khánh Hòa là nâng tỷ trọng dịch vụ lên 43,5% GDP, công nghiệp lên 43,5% GDP, giảm tỷ trọng nông nghiệp xuống 13% GDP. Trong nội bộ ngành nông nghiệp, tỷ trọng nông nghiệp giảm còn 30,8%, trong đó, trồng trọt chiếm 25,6% và chăn nuôi là 5,2%; thủy sản chiếm 66,3% và lâm nghiệp là 2,9%. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ, du lịch – công nghiệp – nông nghiệp. Để đạt được mục tiêu phát triển, Khánh Hòa cần phải thực hiện đồng bộ nhiều vấn đề có tính chiến lược về kinh tế - kỹ thuật - tổ chức và quản lý, trong đó chuyển dịch cơ cấu kinh tế cho phù hợp là một đòi hỏi bức xúc trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

### 3.2.1 Tiếp tục phát triển mạnh nông nghiệp trên cơ sở khai thác lợi thế

Về tài nguyên sinh học đa dạng và những lợi thế khác nhằm đảm bảo vững chắc an ninh lương thực - thực phẩm, cung cấp nguyên liệu với khối lượng lớn và chất lượng cao cho công nghiệp chế biến, cung cấp hàng hóa tiêu dùng cho xã hội. Tăng nhanh sản lượng lương thực trên cơ sở thực hiện đồng bộ các biện pháp chuyên canh, thâm canh, tăng vụ; chuyển diện tích 3 vụ lúa sang 2 vụ lúa ăn chắc ở những vùng có điều kiện, để chuyển đổi cơ cấu sản xuất phát huy tối đa thế mạnh và lợi thế so sánh của các sản phẩm cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày. Đảm bảo cơ cấu sản xuất hợp lý và cân đối với tốc độ tăng trưởng nông nghiệp giai đoạn 2006 – 2010 đạt 4%.

Trong nông nghiệp giảm tỷ trọng về trồng trọt, tăng dần tỷ trọng chăn nuôi, đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính, né tránh những khó khăn về thiên tai, bão lụt, hạn hán thường xuyên xảy ra, đặc biệt chú ý tăng nhanh đàn bò lai hướng thịt và lợn lai hướng nạc.

Sản xuất lâm nghiệp nâng cao độ che phủ của rừng để giảm tác động bất lợi của thiên tai, cải thiện môi trường sống. Trồng rừng kinh tế để đảm bảo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến xuất khẩu.

Nuôi trồng thủy sản là ngành kinh tế góp phần chuyển đổi mạnh cơ cấu sản xuất nông nghiệp của Khánh Hòa, cần quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các khu nuôi với quy mô hợp lý để đầu tư về thủy lợi phục vụ cho nuôi trồng và quản lý môi trường không để nuôi trồng tự phát. Đến năm 2010, sản lượng khai thác đạt 80 – 100 nghìn tấn, sản lượng nuôi trồng đạt 32 – 35 nghìn tấn; kim ngạch xuất khẩu toàn ngành trên 300 triệu USD.

### 3.2.2 Xây dựng, phát triển, nâng cấp hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn

Mạng lưới điện, thủy lợi, đường giao thông, thông tin liên lạc... tạo nền tảng phát triển kinh tế hàng hóa, cải thiện đời sống dân cư của tỉnh.

-Thủy lợi: vừa đầu tư chiều sâu, cải tạo nâng cấp công trình hiện có để tăng sức chứa và tiếp tục đầu tư xây dựng mới một số công trình thủy lợi có sức chứa lớn kết hợp thủy lợi, thủy điện phục vụ cho sản xuất và nước sinh hoạt cho nhân dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Triển khai thực hiện chương trình kiên cố



hóa kênh mương để đến năm 2010 đưa diện tích nước được tưới chủ động trong diện tích gieo trồng.

- Giao thông nông thôn, tập trung phát triển giao thông nông thôn. Làm mới tuyến đường giao thông nông thôn liên huyện đặc biệt các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, các huyện Khánh Sơn, Khánh Vĩnh.

- Tiếp tục đầu tư mạng lưới điện nông thôn, phấn đấu đến năm 2010 có 100% số xã và số hộ dùng điện. Phủ sóng phát thanh, truyền hình lên các vùng núi, vùng sâu, vùng xa, hẻo lánh. Phát triển hệ thống bưu chính viễn thông, các dịch vụ bưu điện,... bảo đảm giao thông liên lạc và cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, chính xác, kịp thời đến người dân.

### **3.3 Những giải pháp chủ yếu để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa thời gian tới**

3.3.1 Cần rà soát quy hoạch tổng thể điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch sử dụng đất

- Quy hoạch phát triển ngành trồng trọt, chăn nuôi cần chú trọng các loại sản phẩm có lợi thế so sánh, khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh tế cao. Do đó, cần giảm nhanh diện tích gieo trồng lúa ở những vùng ngập úng, ảnh hưởng thiên tai và không chủ động nước tưới, chuyển dần diện tích đất này sang trồng các loại hoa màu khác có hiệu quả kinh tế cao hơn, chú trọng các loại cây truyền thống như sắn. Mở rộng diện tích gieo trồng ngô, nhất là diện tích ngô lai nhằm tăng nhanh năng suất, sản lượng lương thực và cung cấp thức ăn cho gia súc.

+ Tập trung phát triển cây công nghiệp ngắn ngày. Đối với cây mía là cây hàng hóa chiến lược và có thế mạnh để phát triển của tỉnh, vì vậy cần mở rộng diện tích ở những nơi có đủ điều kiện nông hóa thổ nhưỡng phù hợp với cây mía nhằm đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của các nhà máy đường hiện nay. Tập trung xây dựng những vùng nguyên liệu có đủ điều kiện thâm canh, nâng cao năng suất, hạ giá thành, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm; đồng thời giảm diện tích mía ở xa nhà máy đường, năng suất mía thấp, chất lượng kém.

+ Cây công nghiệp dài ngày, cần chuyển đổi nhanh diện tích đất gò, đồi, đất cát sang phát triển điều, để đưa điều lên vị trí cây trồng chủ lực phục vụ cho xuất khẩu.

+ Cây ăn quả, vùng gò đồi của Khánh Hòa có khả năng phát triển các loại cây ăn quả theo hướng né tránh bất lợi thiên nhiên, chuyển những cây trồng ngắn ngày không hiệu quả sang cây ăn trái.

Phát triển chăn nuôi, đây là ngành có lợi thế của tỉnh. Do đó, cần tập trung phát triển đàn bò và lợn, chú ý phát triển bò lai hướng thịt, lợn lai hướng nạc để phục vụ cho xuất khẩu và tiêu dùng trong nước với chất lượng cao. Hướng dẫn cho dân tổ chức nuôi tập trung ở các trang trại và cần hướng dẫn cho nông dân tuyển chọn nguồn thức ăn, chuồng trại, thú y. Ngoài ra cần quan tâm đến chăn nuôi gia cầm, nhất là gà, vịt. Quan tâm đến việc chọn giống tốt, hình thức chăn nuôi phù hợp (gia đình, trang trại), thức ăn và công tác thú y.

- Quy hoạch phát triển lâm nghiệp nhằm xác định rõ các loại rừng và đất trồng đồi trọc còn khả năng trồng rừng để có kế hoạch phát triển trong những năm sắp tới, nhất là phải nâng cao độ che phủ rừng để giảm tác động bất lợi của thiên tai, cải thiện môi trường sống. Các vùng đất hiện đang khai thác sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả, khô hạn, thiếu nước tưới thường xuyên, xa vùng nguyên liệu, chi phí vận chuyển cao cần gấp rút chuyển sang trồng rừng kinh tế để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Nuôi trồng thủy sản đang được phát triển, hiệu quả kinh tế tương đối cao, là nguồn thu ngoại tệ lớn, nên cần phải được quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các khu nuôi với quy mô lớn phù hợp để đầu tư thủy lợi và quản lý về môi trường, không để tình trạng nuôi trồng tự phát, vừa làm giảm hiệu quả của ngành, vừa ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Ưu tiên phát triển những vùng nuôi có hiệu quả còn những vùng nuôi tôm sú kém hiệu quả cần chuyển sang nuôi cá xuất khẩu. Vì vậy cần tập trung nghiên cứu, nhập công nghệ sản xuất giống, thức ăn đi đôi với củng cố và phát triển dịch vụ hậu cần cho nghề nuôi.

- Quy hoạch phát triển công nghiệp chế biến Nông - Lâm - Thủy sản và ngành nghề nông thôn.

+ Đối với công nghiệp chế biến, phải chú trọng vừa nâng cấp mở rộng một số cơ sở hiện đại, với công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng thị trường đối với các sản phẩm từ nông - lâm - thủy sản. Các cơ sở chế biến sản phẩm gắn liền với vùng nguyên liệu, công nghệ phù hợp với nhu cầu thị trường và tập quán của người dân.

+ Ngành nghề nông thôn: khai thác mọi nguồn lực để phát triển ngành nghề nông thôn, nhằm tạo nhiều sản phẩm hàng hóa, đáp ứng nhu cầu của thị trường, giải quyết việc làm cho người lao động. Trước hết là phát triển mạnh các ngành nghề có nhiều tiềm năng lợi thế nhằm thu hút nhanh và nhiều lao động, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của nhân dân. Các nhóm nghề nông thôn có lợi thế phát triển:

- Chế biến nông sản ( chế biến bảo quản lương thực, hạt điều, ...). Đầu tư xây dựng hệ thống công nghiệp chế biến nông sản ở nông thôn với nhiều mức chế biến từ nông đến sâu, nhằm tận dụng nguyên liệu nông – lâm - thủy sản, phụ phẩm, phế phẩm, thu hút lao động nông nghiệp nhằm nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm đồng thời giải quyết được bộ phận lao động nhàn rỗi ở nông thôn.

- Chế biến gỗ lâm sản và các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, xây dựng nông thôn, sản xuất hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ (mây, tre, nứa, sò, ...). Đồng thời khôi phục các làng nghề truyền thống và phát triển nhanh các ngành nghề mới theo xu hướng phát huy thế mạnh của tỉnh, tạo sản phẩm có nội dung văn hóa cao, gắn với hoạt động kinh doanh du lịch sinh thái, du lịch văn hóa... ở các khu du lịch, làng nghề truyền thống.

### 3.3.2 Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật - công nghệ vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật – công nghệ tiên tiến trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là yêu cầu nâng cao giá trị sản lượng và ưu thế cạnh tranh trên thị trường cần tập trung giải quyết một số vấn đề.

- Tuyển chọn giống cây trồng vật nuôi tốt từ nguồn Gen sẵn có của nước ta, nghiên cứu cải tạo để có những giống tốt. Đồng thời nhập những giống cây trồng, vật nuôi tốt của khu vực và của các nước tiên tiến để tạo ra bộ giống phù hợp với điều kiện khí hậu thời tiết, thổ nhưỡng của địa phương.

- Tập trung nghiên cứu sử dụng ưu thế lai của giống để nông nghiệp được áp dụng phần lớn các giống đã có ưu thế lai. Hướng chủ yếu tập trung vào các giống lúa, ngô, rau, quả, lợn, gà, cá nuôi. Đây là hướng đột phá để nâng cao năng suất và chất lượng nông sản phù hợp với yêu cầu thị trường ngày càng cao trong nước và trên thế giới.

- Đẩy mạnh sản xuất và sử dụng phân bón vi sinh từ các nguồn phế thải hữu cơ và sản xuất, sử dụng các loại thuốc thú y, thuốc trừ sâu, trừ cỏ có nguồn gốc thực vật hoặc bằng các công nghệ hóa sinh hiện đại không gây độc hại cho người và gia súc.

- Phát triển mạnh công nghệ chế biến nông - thủy sản trên cơ sở ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại phù hợp để đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Đặc biệt coi trọng việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học vào việc bảo quản nông sản phù hợp với yêu cầu thời tiết khắc nghiệt của tỉnh, giảm bớt những tổn thất sau thu hoạch, bảo quản sản phẩm lâu dài mà không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Để đáp ứng có hiệu quả việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ vào phát triển nông nghiệp cần giải quyết một số vấn đề sau:

+ Nghiên cứu tổ chức lại hệ thống các cơ sở nghiên cứu, các trung tâm nghiên cứu, triển khai khoa học – công nghệ, đầu tư cao cho trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, tuyển chọn, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ.

+ Coi trọng công tác phổ biến khoa học – công nghệ cho những người trực tiếp sản xuất (nông dân); đồng thời với việc đào tạo, bồi dưỡng lớp người lao động mới có khả năng tiếp thu và làm chủ khoa học – công nghệ mới.

+ Đối với các cơ sở chế biến cần nghiên cứu từng bước đổi mới công nghệ ở các cơ sở cũ, có chiến lược đầu tư đi tắt đón đầu đối với các cơ sở sẽ xây dựng mới. Cần phải tiến tới các sản phẩm chế biến phần lớn hướng ra xuất khẩu.

### 3.3.3 Giải pháp về thị trường

Giải quyết những vấn đề liên quan đến thị trường được coi là một trong những giải pháp vừa cơ bản, vừa cấp bách nhằm thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng, cơ cấu kinh tế Khánh Hòa nói chung trong giai đoạn mới. Đó là một trong những giải pháp hàng đầu của phát triển kinh tế và là tiêu điểm hướng tới đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Vì vậy thị trường có vai trò động lực và tạo điều kiện cho sự vận động của nền kinh tế hàng hóa được thông suốt.

- Thị trường nội địa: có hai nguồn tiêu thụ chính là khu vực dân cư và các ngành công nghiệp chế biến. Cần tăng sức mua cho cả hai nguồn này, trong thời

gian qua nhiều loại sản phẩm nông nghiệp gặp nhiều khó khăn trong tiêu thụ, đã gây nên không ít thiệt hại cho người sản xuất. Đó không phải là biểu hiện của dư thừa hàng hóa mà do sức mua của người dân còn thấp; đồng thời do chất lượng và chủng loại của hàng hóa còn đơn sơ chưa đáp ứng được thị hiếu tiêu dùng của người dân. Trong khi đó, các ngành công nghiệp chế biến là những hộ tiêu thụ nông sản lớn và tập trung lại đang ở trình độ kỹ thuật lạc hậu, quy mô nhỏ, khả năng thu hút nông sản hàng hóa của nông dân còn hạn chế. Hơn nữa các doanh nghiệp công nghiệp chế biến gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ hàng hóa, nên sản xuất thất thường, thu mua hạn chế, như hạt điều có lúc giá 17.000 đồng/kg nhưng có lúc chỉ có 7.000 đồng/kg. Như vậy, công nghiệp chế biến phải được phát triển, gắn với các địa bàn sản xuất nông nghiệp của địa phương, sự gắn bó này đưa lại lợi ích thiết thực cho cả hai bên. Điều này hiện nay diễn ra không mấy hợp lý tại một số nơi trong tỉnh: nơi đã xây dựng được nhà máy chế biến thì chưa sẵn sàng có nguyên liệu nông sản tại chỗ, hoặc có hàng hóa nông sản quá ít không đáp ứng công suất của nhà máy phải vận chuyển từ các nơi rất xa tới. Mặt khác, công nghệ chế biến có những yêu cầu riêng đối với nguyên liệu đưa vào chế biến (chủng loại, quy cách, chất lượng) đòi hỏi nông sản phải có những thay đổi đối với sản phẩm sản xuất ra phù hợp với công nghiệp chế biến. Đó là sự đòi hỏi cả hai chiều, đối với công nghiệp chế biến lẫn sản xuất nông - thủy sản trong thời kỳ mới xét theo góc độ thị trường.

- Thị trường xuất khẩu: mở rộng và nâng cấp thị trường nội địa; đồng thời cũng là nền tảng, điểm tựa và là nơi tạo nguồn cho việc mở rộng nâng cấp thị trường xuất khẩu. Trước mắt cũng như lâu dài, cùng với việc mở rộng hợp tác liên doanh với nước ngoài, ưu đãi các dự án nông - lâm - thủy sản và công nghiệp chế biến xuất khẩu, tăng cường công tác tiếp thị, quảng bá, cần đánh giá lại đúng thực chất các lợi thế phát triển của vùng để có định hướng thị trường và sản xuất phù hợp với nhu cầu xuất khẩu. Từ những đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế cho thấy Khánh Hòa có lợi thế các sản phẩm xuất khẩu: thủy sản, điều, thịt gia súc, các loại sản phẩm gỗ.

Để góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa theo những định hướng đã xác định cần lưu ý giải quyết các vấn đề về thị trường:

+ Hiện nay nông dân phải trao đổi hàng hóa trong điều kiện còn nhiều bất lợi: giá nông sản thấp, bấp bênh, giá hàng hóa phi nông nghiệp tăng cao ( giá xăng dầu, giá điện, giá một số tư liệu sản xuất khác...). Nhà nước cần có sự can thiệp bằng

những công cụ chính sách giữa hai chiều giao lưu hàng hóa. Đây là loại chính sách hỗ trợ và khuyến khích sản xuất mà nhiều nước áp dụng từ lâu.

+ Tổ chức hợp lý hệ thống thương mại cung ứng hàng hóa cho nông dân và tiêu thụ nông sản hàng hóa của nông dân bằng nhiều hình thức tổ chức với phương thức mua bán đa dạng.

+ Cùng với cung ứng vật tư hàng hóa cho nông dân, cần quan tâm hướng dẫn việc sử dụng chúng một cách hiệu quả; khoa học và an toàn; đặc biệt đối với các máy móc, công cụ mới, các hóa chất độc hại.

+ Trợ giúp những kiến thức và kỹ năng hoạt động thị trường. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển quan hệ liên kết giữa các hộ nông dân, các hộ sản xuất phi nông nghiệp với nhau, giữa họ với các doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ khác.

+ Coi trọng việc nghiên cứu và dự báo thị trường hàng hóa nông - thủy sản và công nghiệp, nhất là dự báo dài hạn, trung hạn theo chu kỳ sản xuất kinh doanh của các cây, con, sản phẩm. Việc này cần cả cho người sản xuất để có chiến lược và sách lược kinh doanh thích ứng, cả các cấp, cơ quan quản lý để có các chính sách kinh tế vĩ mô phù hợp.

#### 3.3.4 Giải pháp về vốn

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, vốn đầu tư cho nông nghiệp chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với tổng vốn (9,3%). Trong khi đó, nhu cầu vốn để phục vụ cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là rất lớn. Để đáp ứng nhu cầu vốn và sử dụng vốn hợp lý cho quá trình phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp cần tập trung vào các giải pháp cơ bản chủ yếu sau:

- Huy động tối đa, triệt để nguồn vốn trong nhân dân, nhưng lượng vốn huy động từ khu vực nông nghiệp sẽ không nhiều, bởi vì khả năng tích lũy từ khu vực này rất thấp. Lượng vốn từ nguồn này tuy không đủ sức đầu tư xây dựng cho những công trình lớn, song đây là nguồn vốn dễ huy động và ít phức tạp về mặt thủ tục. Thông qua hợp tác xã tín dụng, có sự hỗ trợ của ngân hàng với lãi suất quy định của Nhà nước để đầu tư phục vụ sản xuất là cách tốt nhất để huy động nguồn vốn trong dân

- Huy động nguồn vốn thông qua các hình thức liên doanh, liên kết giữa người sản xuất với các công ty. Đây là hình thức đầu tư một mặt để các doanh nghiệp có nguồn nguyên liệu ổn định, mặt khác giúp cho nông nghiệp có vốn, có thị trường tiêu thụ sản phẩm. Vì vậy, hình thức huy động nguồn vốn này cho nông nghiệp cần được phát huy.

- Huy động triệt để nguồn vốn từ các chương trình của Nhà nước để phục vụ cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn như các chương trình quốc gia và chương trình phát triển của địa phương.

### 3.3.5 Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn

Cơ sở hạ tầng nông thôn như đường giao thông, hệ thống đường dây cung cấp điện, hệ thống thủy lợi, cung cấp nước sạch và hệ thống thông tin truyền thông đại chúng... là những hạng mục cơ sở hạ tầng hết sức quan trọng và cần thiết trong quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp.

- Về thủy lợi: trước mắt cần củng cố nâng cấp các công trình hiện có ở các vùng sản xuất lương thực và các vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, thay thế thiết bị cũ đã lạc hậu, công suất thấp, hệ thống hóa kênh mương, áp dụng công nghệ tưới ngầm, tưới phun... Có quy hoạch dài hạn, hợp lý và bắt tay tích cực vào việc xây dựng hệ thống thủy lợi hoàn chỉnh, đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, kết hợp với lâm nghiệp và mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản. Hướng hiện đại hóa hệ thống thủy lợi nhằm tăng khả năng sử dụng đa mục tiêu: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, cung cấp nước sạch, cải thiện môi trường sinh thái; có như vậy Khánh Hòa mới có thể tận dụng một cách hiệu quả nguồn tài nguyên đất của mình, vì hiện nay cả tỉnh vẫn còn một số vùng đất trồng chưa sử dụng do nước không tới.

#### - Về giao thông nông thôn

Cũng cần có sự nhìn nhận mới về yêu cầu chất lượng đường xá giao thông nông thôn, nâng cấp nền đường, mở rộng mặt đường, bê tông hóa và nhựa hóa mặt đường; đặc biệt quan tâm tới sự bền vững của nền đường, trụ cầu nhất là vùng cao, vùng xa, vùng mới khai hoang ở đồng bằng, ven biển.

- Trong điều kiện nguồn vốn cho xây dựng các cơ sở hạ tầng có nhiều hạn chế cần nghiên cứu đầu tư có trọng điểm và dứt điểm để sớm đưa các công trình vào

hoạt động. Điều đó một mặt tạo hiệu quả cao trong đầu tư, mặt khác đáp ứng kịp thời các yêu cầu phát triển nông nghiệp cũng như các ngành khác ở khu vực nông thôn, nhất là các vùng ven biển và miền núi.

3.3.6 Đổi mới hoàn thiện các chính sách công cụ kinh tế nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp

- Chính sách đất đai: trong những năm vừa qua những vấn đề về đất đai đã có những tác động tích cực đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của tỉnh. Việc giao đất ổn định và lâu dài đã tạo sự yên tâm, khuyến khích nông dân đầu tư thâm canh sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi từ hiệu quả kinh tế thấp sang hiệu quả kinh tế cao làm cho giá trị sản xuất nông nghiệp tăng đáng kể và có sự chuyển dịch ngày càng hợp lý và hiệu quả hơn. Tuy nhiên vẫn còn có nhiều vấn đề bất cập cần được khắc phục. Để có sự tác động tích cực đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp cần tập trung các vấn đề sau:

+ Nhà nước cần sớm thể chế hóa quyền: chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp và chuyển đổi. Làm rõ trách nhiệm của người sử dụng đất là phải thường xuyên không ngừng cải tạo, nâng cao độ phì nhiêu cho đất đai.

+ Có chính sách bằng thuế, đầu tư... để khuyến khích người dân đầu tư khai thác các vùng đất trống, đất hoang hóa.

+ Tiếp tục hoàn thiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp ở những nơi còn lại, tập trung việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các diện tích nuôi trồng thủy sản, đất lâm nghiệp là những loại đất còn chưa triển khai.

- Chính sách về đầu tư: chính sách về đầu tư là một trong những nội dung quan trọng của chính sách tài chính cần được hoàn thiện trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nói chung, cơ cấu kinh tế nông nghiệp nói riêng. Mục tiêu của việc tiếp tục đổi mới chính sách và cơ chế tài chính phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế là tạo lập môi trường tài chính ổn định, vững chắc, có khả năng tạo cơ sở cho nền kinh tế chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh. Trong điều kiện vốn đầu tư còn hạn hẹp như hiện nay, cần chú trọng các nguồn vốn để tăng khối lượng vốn để phục vụ mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế; các nguồn vốn cần chú trọng:



+ Nguồn vốn tập trung từ Ngân sách Nhà nước phục vụ nông nghiệp. Hai vấn đề cốt lõi cần được chú trọng trong sử dụng đối với nguồn vốn này: đầu tư có trọng điểm, trọng tâm trong từng thời kỳ, bảo đảm hiệu quả; tăng cường quản lý các giai đoạn của quá trình đầu tư, từ lập dự án đến thẩm định và triển khai dự án.

+ Thúc đẩy sự ra đời và phát triển của thị trường vốn dài hạn, đó là bước quan trọng để hình thành đồng bộ thị trường tài chính.

Quan điểm chung trong huy động vốn phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế là tranh thủ mọi nguồn vốn có thể khai thác, đa dạng hóa hình thức huy động, coi trọng khai thác các nguồn vốn “nội lực” và dùng nội lực để lôi kéo thu hút “ngoại lực” vào phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Chính vì vậy, để thúc đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa cần chú trọng đầu tư:

+ Trước mắt cũng như lâu dài, sự đầu tư cần được thực hiện có trọng điểm, nhằm vào những đối tượng tạo nền tảng cơ bản cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên cơ sở khai thác tài nguyên sinh học đa dạng và thúc đẩy kinh tế hàng hóa, tăng tỷ trọng nông sản hàng hóa

+ Cần ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, trong đó việc xây dựng, cải tạo và nâng cấp hệ thống thủy lợi ở những vùng trọng điểm lúa, vùng cây công nghiệp tập trung mạng lưới điện hạ thế và hệ thống giao thông nông thôn.

+ Cần ưu tiên đầu tư nâng cấp các cơ sở bảo quản, chế biến và xuất khẩu nông sản. Các sản phẩm chiến lược của tỉnh như: thủy sản, trồng điều, mía, chăn nuôi bò thịt.

+ Chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo hướng tăng tỷ trọng đầu tư cho công trình trọng điểm, nhất là những công trình có khả năng phát huy nhanh hiệu quả, ưu tiên đầu tư cho miền núi, vùng sâu, vùng xa.

+ Tăng đầu tư cho nghiên cứu khoa học - kỹ thuật phục vụ sản xuất và chế biến nông - thủy sản.

+ Đầu tư phát triển trên cơ sở các dự án đã được thẩm định, phê duyệt theo hệ thống đồng bộ từ nghiên cứu đến tổ chức sản xuất và tiêu thụ.

- Chính sách về tín dụng: ngoài chính sách đầu tư thông qua ngân sách nhà nước, cần có một số chính sách tín dụng, phục vụ cho sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Chính sách tín dụng đó là: vốn vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Đây là nguồn vốn đầu tư chủ đạo cho hộ nông dân trong quá trình sản xuất. Tổ chức tín dụng chính hiện nay gồm hệ thống ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn của tỉnh có chi nhánh đến tất cả các huyện, quỹ tín dụng nhân dân, ngân hàng phục vụ người nghèo hoạt động dựa trên nguồn vốn tài trợ nước ngoài thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo với lãi suất ưu đãi.

Để tạo điều kiện đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Chính sách cần thực hiện:

+ Chuyển đổi phương thức đầu tư tín dụng nông nghiệp từ cho vay riêng lẻ sang hướng đầu tư tập trung cho các chương trình, dự án chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đặc biệt chú ý đến dự án có sản phẩm xuất khẩu. Mở rộng cho vay đến các trong trại, vùng chuyên canh, doanh nghiệp nông nghiệp.

+ Mở rộng chi nhánh ngân hàng nông nghiệp đến tận các xã, ngay cả vùng sâu, vùng xa. Ở các chi nhánh đều cần có đủ cán bộ có trình độ để tìm hiểu nhu cầu vốn của các đối tượng vay vốn và tận tình giúp đỡ họ xây dựng các phương thức sản xuất khả thi khi vay vốn.

+ Khai thác tối đa hoạt động của các tổ chức hội đoàn, cải tiến quỹ tín dụng nhân dân. So ngân hàng nông nghiệp, các tổ chức này có lợi thế trong hoạt động tiền gửi tiết kiệm, thu thập thông tin về khách hàng, thu nợ, hướng dẫn nông dân làm quen cách giao dịch ngân hàng, áp dụng tín dụng, tiến bộ khoa học kỹ thuật... Vì các tổ chức này có hệ thống tổ chức rộng khắp trong nông thôn, bao trùm hầu hết các làng xã.

+ Tăng cường tín dụng trung, dài hạn, ứng dụng các công nghệ mới, phát triển công nghiệp nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông sản.

3.3.7 Đẩy mạnh giáo dục và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là điều kiện quan trọng phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phụ thuộc vào đội ngũ cán bộ hoạt động trong nông nghiệp, phụ thuộc vào trình độ dân trí, trình độ hiểu biết khoa học kỹ thuật của người lao động. Do đó, công tác giáo dục và đào tạo có vai

trò quyết định đến thành công hay thất bại của các chương trình phát triển nông nghiệp, đặc biệt trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế đòi hỏi phân công lại lao động xã hội, có sự di chuyển lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, đòi hỏi người lao động có trình độ chuyên môn nhất định, phải có những nhận thức nhất định. Điều đó chỉ thực hiện được thông qua giáo dục và đào tạo.

Giáo dục đào tạo cán bộ phải gắn liền với sự phát triển của khoa học công nghệ, gắn liền với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm phát triển con người một cách toàn diện. Con người vốn là nhân tố quan trọng, tích cực nhất của lực lượng sản xuất. Nhìn chung, nguồn nhân lực ở nông thôn của tỉnh ở trình độ tương đối cao, chủ yếu tập trung ở đồng bằng; ở vùng núi, sâu, xa và dân tộc ít người và nguồn lao động trong nông nghiệp còn ở trình độ thấp. Trước yêu cầu phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, việc nâng cao trình độ người lao động là giải pháp cơ bản, cấp bách và lâu dài.

Trên địa bàn tỉnh có các trường trung học, dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên và trường đại học thuộc các ngành nông nghiệp, thủy sản, kinh tế... đây là lực lượng nòng cốt trong việc đào tạo nguồn nhân lực cho nông nghiệp tại địa phương trong thời kỳ đổi mới.

### Kết luận chương 3

Những thành tựu trong phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa trong những năm qua là rất đáng khích lệ. Tuy nhiên, trong những năm tới, những cơ hội và thách thức mới đòi hỏi Khánh Hòa phải có sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp với những thay đổi phù hợp.

Để quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với yêu cầu và các điều kiện kinh tế xã hội khách quan cần phải quán triệt những quan điểm về lợi thế tiềm năng và lợi thế so sánh; về sự phát huy vai trò của khoa học công nghệ trong nông phát triển nông nghiệp; về sự kết hợp hài hòa lợi ích... Đồng thời phải dựa trên cơ sở những căn cứ khách quan để định hướng về phương hướng và mục tiêu của chuyển dịch. Phải tuân thủ những xu hướng vận động của nền kinh tế, cũng như phải xem xét thấu đáo những điều kiện cụ thể của tỉnh để có sự xác định phù hợp. Từ những vấn đề cơ bản trên, cơ cấu kinh tế của Khánh Hòa trong những năm tới cần chuyển dịch theo xu hướng:

- Tăng dần tỷ trọng của các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; giảm dần tỷ trọng các ngành nông, lâm, thủy sản trong cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, giá trị sản xuất về tuyệt đối của các ngành vẫn tăng với tốc độ cao.

- Trong nông, lâm, thủy sản sẽ chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp và lâm nghiệp, tăng dần tỷ trọng thủy sản là ngành có tiềm năng để phát triển mạnh và quy mô lớn.

- Bên cạnh đó, cần phát triển công nghiệp chế biến và các ngành nghề nông thôn, khôi phục các ngành nghề thủ công truyền thống nhằm giải quyết nhiều việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn.

Để thực hiện sự chuyển dịch theo hướng trên cần thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó các giải pháp về đất đai, thị trường, vốn, khoa học công nghệ và nguồn nhân lực là các giải pháp cơ bản cần quan tâm thực hiện.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Cơ cấu kinh tế là một phạm trù mang tính khách quan. Nó luôn vận động và phát triển gắn với sự phát triển của lực lượng sản xuất và sự phân công lao động xã hội. Qua kết quả nghiên cứu, để giải quyết vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế đề tài đã giải quyết chủ yếu các vấn đề sau:

1) Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về cơ cấu kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, những quan điểm và các cách tiếp cận khác nhau về chuyển dịch cơ cấu kinh tế; một số mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, những yêu cầu khách quan phải chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, những nhân tố tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Trong nhiều năm qua, sự phát triển kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp đã được thực hiện ở nhiều nước có nền kinh tế phát triển như Nhật Bản và nhiều nước trong khu vực như Trung Quốc, Đài Loan.v.v... Đây là những bài học quý giá về thành công và thất bại cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Việt Nam nói chung, ở Khánh Hòa nói riêng.

2) Quan điểm phân tích thực trạng về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa; đồng thời chúng tôi cũng thử ước lượng một số nhân tố tác động đến quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Trong những năm vừa qua cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp cả nước và các tỉnh trong vùng, Khánh Hòa đã có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp đạt những thành tựu quan trọng, có sự chuyển dịch tỷ trọng trong cơ cấu nông - lâm - thủy sản theo hướng khai thác các tiềm năng, trong đó phải kể đến sự phát triển có tính đột phá của hoạt động nuôi trồng thủy sản ở các vùng có điều kiện như vùng ven biển, góp phần tích cực cải thiện đời sống người nông dân. Quá trình chuyển dịch cũng bộc lộ những bất cập như sự chậm chạp trong phát triển của ngành chăn nuôi, sự chậm chuyển đổi giữa nuôi, trồng và khai thác của hai ngành lâm nghiệp và thủy sản, sự phát triển chậm chạp của vùng núi. Đến nay, trong xu thế hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, quá trình chuyển dịch như vậy vẫn đang đứng trước những thử thách lớn...

a) Nhiều nguồn tiềm năng to lớn trong nông nghiệp chưa được khai thác có hiệu quả, đặc biệt đất đai và lao động. b) Khu vực nông nghiệp vẫn còn lạc hậu:

biểu hiện ở cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch chậm, sức cạnh tranh của nông sản còn thấp. c) Cơ sở vật chất kỹ thuật của nông nghiệp còn thấp kém hạn chế cho sản xuất nông nghiệp. d) Mối quan hệ giữa nông nghiệp - công nghiệp - khoa học và công nghệ - thị trường chưa rõ nét. Quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới đã và đang tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức cho nông sản Việt Nam tham gia vào thị trường thế giới. Do đó, để tạo tiền đề quan trọng cho quá trình công nghiệp hóa vững chắc thì cần phải đầu tư cho nông nghiệp phát triển toàn diện và đạt hiệu quả cao.

1) Với ý nghĩa đó, cùng với những bài học rút ra từ kinh nghiệm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của các nước:

*Một là*, ổn định quyền sử dụng đất lâu dài. Khi bắt đầu xây dựng đất nước, các nước đều tiến hành cải cách ruộng đất. Tuy khác nhau về chế độ chính trị nhưng các nước và lãnh thổ trên đều có mục đích chung là giải phóng lực lượng lao động ra khỏi sự thống trị của địa chủ, mang lại quyền sở hữu ruộng đất cho nông dân, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Việc xác lập quyền sở hữu ruộng đất lâu dài đối với hộ nông dân mà Việt Nam đang áp dụng cũng là kinh nghiệm học được từ nước ngoài, đặc biệt là Trung Quốc.

*Hai là*, mỗi nước và lãnh thổ đều có đặc sắc riêng, tạo được việc làm tại chỗ cho dân cư nông thôn, làm cho họ “ly nông mà không ly hương”. Những kinh nghiệm đáng lưu ý như Trung Quốc đã cơ giới hóa nông nghiệp bằng cách đưa tiến bộ kỹ thuật và thiết bị hiện đại phù hợp với đặc thù của từng vùng và quy mô nông hộ nhỏ. Mặt khác còn chú ý khôi phục và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống để tạo việc làm ở nông thôn và có xuất khẩu.

*Ba là*, đối với nước ta, khi vận dụng kinh nghiệm nước ngoài về phát triển kinh tế nông nghiệp, cần chú ý đến những sản phẩm nông sản có lợi thế xuất khẩu để tạo bước đột phá, thúc đẩy cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh.

*Bốn là*, tất cả các nước trong quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp vai trò của Nhà nước cực kỳ quan trọng, thông qua các chính sách vĩ mô và các chương trình quốc gia để điều tiết cơ cấu kinh tế theo những mục tiêu đã xác định.

Để thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp diễn ra nhanh và hiệu quả hơn cần thực hiện đồng bộ các giải pháp: 1) Cần rà soát quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội, điều chỉnh, bổ sung, quy hoạch sử dụng đất cho cây con chủ yếu; 2)

Thị trường; 3) Vốn đầu tư; 4) Tăng cường củng cố và xây dựng cơ sở hạ tầng; 5) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ; 6) Phát triển nguồn nhân lực; 7) Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện một số chính sách phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Đề tài được thực hiện trong khoảng thời gian quy định. Mặc dù, chúng tôi đã hết sức cố gắng nhưng đề tài không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định. Trước hết, về nguồn số liệu cần thiết cho xây dựng mô hình đã không thu thập được đầy đủ: lao động nông nghiệp sử dụng trong mô hình chỉ nói lên được quy mô lao động và nguồn vốn chúng tôi sử dụng chỉ bao gồm nguồn vốn XDCB và do nguồn số liệu thực tế khảo sát không đáng tin cậy nên việc ước lượng mô hình chưa tối ưu theo yêu cầu kinh tế lượng. Đề tài kính mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của quý Thầy Cô.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt

1. Nguyễn Hoàng Bảo (2005), *Kinh tế lượng ứng dụng*, Chuyên đề dành cho lớp Kinh tế phát triển, Cao học khóa 13, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Hoàng Thị Chinh (2005), *Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở tỉnh Cà Mau theo hướng phát triển bền vững*, Đề tài trọng điểm cấp bộ.
3. Phạm Đỗ Chí, Đặng Kim Sơn (2003), *Làm gì cho nông thôn Việt Nam*, NXB Tp. HCM, Trung tâm Kinh tế Châu á- Thái Bình Dương (VAPEC), Thời báo kinh tế Sài Gòn.
4. Cục Thống kê Khánh Hòa, Niên giám Thống kê Khánh Hòa từ 1989 – 2005.
5. Nguyễn Thành Độ, Lê Du Phong (1999), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. Đinh Phi Hổ (2003), *Kinh tế nông nghiệp: Lý thuyết và Thực tiễn*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Hiền (1995), *Vai trò và tác động của thị trường đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn Việt Nam*, Ủy Ban Khoa học Nhà nước, Đại học Kinh tế quốc dân.
8. Nguyễn Tấn Khuyên (2005), *Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp – nông thôn theo hướng phát triển bền vững*, Chuyên đề dành cho lớp Kinh tế phát triển, Cao học khóa 13, Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Nguyễn Thế Nhã (1995), “Thực trạng và phương hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn nước ta”, *Tạp chí Hoạt động khoa học*, (số 9/1995).
10. Vũ Thị Ngọc Phùng (2006), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, Hà Nội.
11. Nguyễn Đình Quế, *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ 21*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.



12. Trương Thị Minh Sâm (2001), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng nông thôn ngoại thành TP. Hồ Chí Minh*, Trung tâm Kinh tế học và phát triển, Nhà xuất bản Khoa học - Xã hội.
13. Đặng Kim Sơn (2001), *Công nghiệp hóa từ nông nghiệp, lý luận, thực tiễn và triển vọng áp dụng ở Việt Nam*, Nhà xuất bản nông nghiệp, Hà Nội.
14. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Khánh Hòa (2002), *Dự án quy hoạch phát triển ngành nông - lâm - thủy lợi Khánh Hòa giai đoạn 2001-2010*.
15. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Khánh Hòa (2006), *Báo cáo tổng kết công tác nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2005*.
16. Sở Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Khánh Hòa (2005), *Báo cáo những định hướng về chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi tỉnh Khánh Hòa*.
17. Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Khánh Hòa (2005), *Định hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2005-2010 và tầm nhìn 2020*.
18. Lê Đình Thắng, (1998), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
19. Bùi Tất Thắng (1994), *Sự chuyển dịch cơ cấu ngành trong quá trình CNH, HĐH của các nền kinh tế mới công nghiệp hóa ở Đông Á và Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học – Xã hội, Hà Nội.
20. Bùi Tất Thắng, (1997), *Các nhân tố ảnh hưởng đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành kinh tế trong thời kỳ CNH, HĐH ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Bùi Tất Thắng (2006), *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học – Xã hội, Hà Nội.
22. Tạp chí Phát triển kinh tế, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 9, 10, 11 năm 2000.
23. Tỉnh ủy Khánh Hòa (2006), *Một số số liệu cơ bản về tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2000 – 2005*.
24. Tổng cục thống kê, *Số liệu thống kê Kinh tế - Xã Hội Việt Nam*, Nhà xuất bản Thống Kê.
25. Tổng cục thống kê, *Số liệu thống kê nông - lâm - thủy sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Thống kê.

26. UBND Tỉnh Khánh Hòa (2005), *Báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 – 2010 tỉnh Khánh Hòa*, Khánh Hòa.
27. UBND Tỉnh Khánh Hòa (2005), *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2006 – 2020*.
28. UBND Tỉnh Khánh Hòa (2006), *Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Khánh Hòa*.
29. Tỉnh ủy Khánh Hòa (2006), *Một số số liệu cơ bản về tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2000 – 2005*.
30. Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp (2005), *Báo cáo điều tra, bổ sung quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông - lâm nghiệp vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2006-2010 và tầm nhìn đến năm 2020*.
31. Viện Phát triển quốc tế Harvard (1999), *Việt Nam cải cách kinh tế theo hướng rộng bay*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Viện Kinh tế học (1986), *Xây dựng cơ cấu kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta*, Nhà xuất bản Khoa học – Xã hội, Hà Nội.
33. Tỉnh ủy Khánh Hòa (2006), *Một số số liệu cơ bản về tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2000 – 2005*.

#### **Tiếng Anh**

34. Rosegrant, W.Mark and Hazell B.R. Peter (2000), *Transforming the Rural Asian Economy: the Unfinished Revolution*, Asian Development Bank. [Chaper 1: Agricultural Growth and the Economic Transformation], at [www.adb.org](http://www.adb.org).
35. Bo Q. Lin (1994), *Rural reforms, structural change and agricultural growth in the people's republic of China*, The economics and Development Resource Center, Asian Development Bank, at [www.adb.org](http://www.adb.org).

## Phụ lục 1

**KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG HỒI QUY VÀ KIỂM ĐỊNH MÔ HÌNH  
COBB- DOUGLAS\_KHÁNH HÒA 1986 – 2005**

**A. KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG HỒI QUI MÔ HÌNH**

Estimation Command:

=====

LS Y C K L D

Estimation Equation:

=====

$Y = C(1) + C(2)*K + C(3)*L + C(4)*D$

Substituted Coefficients:

=====

$Y = -628143.0787 + 2.897004806*K + 7.531280145*L + 0.2287322108*D$

Dependent Variable: Y  
Method: Least Squares  
Date: 04/23/03 Time: 16:45  
Sample: 1986 2005  
Included observations: 20

Variable	Coefficien t	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	-628143.1	377089.3	-1.665768	0.1152
K	2.897005	0.501079	5.781528	0.0000
L	7.531280	1.243381	6.057100	0.0000
D	0.228732	0.716679	0.319156	0.7537
R-squared	0.891055	Mean dependent var		1371776.
Adjusted R-squared	0.870628	S.D. dependent var		520188.3
S.E. of regression	187103.1	Akaike info criterion		27.29356
Sum squared resid	5.60E+11	Schwarz criterion		27.49271
Log likelihood	-268.9356	F-statistic		43.62104
Durbin-Watson stat	1.625336	Prob(F-statistic)		0.000000

## B. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CÁC HỆ SỐ VÀ MÔ HÌNH

Wald Test:

Equation: Untitled

Null C(2)=0

Hypothesis:

F-statistic	0.101860	Probability	0.753737
Chi-square	0.101860	Probability	0.749608

White Heteroskedasticity Test:

F-statistic	0.492255	Probability	0.803092
Obs*R-squared	3.702664	Probability	0.716840

Test Equation:

Dependent Variable: RESID^2

Method: Least Squares

Date: 04/27/03 Time: 07:46

Sample: 1986 2005

Included observations: 20

Variable	Coefficien t	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	-5.47E+11	1.03E+12	-0.529202	0.6056
K	555750.3	872955.8	0.636631	0.5354
K^2	-1.529671	2.231688	-0.685432	0.5051
L	3900083.	5708871.	0.683162	0.5065
L^2	-8.425958	11.89116	-0.708590	0.4911
D	831489.8	3443344.	0.241477	0.8130
D^2	-1.374728	5.634871	-0.243968	0.8111
R-squared	0.185133	Mean dependent var	2.80E+10	
Adjusted R-squared	-0.190959	S.D. dependent var	4.67E+10	
S.E. of regression	5.10E+10	Akaike info criterion	52.41770	
Sum squared resid	3.38E+22	Schwarz criterion	52.76620	
Log likelihood	-517.1770	F-statistic	0.492255	
Durbin-Watson stat	2.958411	Prob(F-statistic)	0.803092	

## Redundant Variables: D

F-statistic	0.101860	Probability	0.753737
Log likelihood ratio	0.126922	Probability	0.721645

## Test Equation:

Dependent Variable: Y

Method: Least Squares

Date: 04/27/03 Time: 08:23

Sample: 1986 2005

Included observations: 20

Variable	Coefficien t	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	-544608.7	264192.4	-2.061409	0.0549
K	2.917192	0.483762	6.030218	0.0000
L	7.444521	1.180816	6.304559	0.0000
R-squared	0.890361	Mean dependent var	1371776.	
Adjusted R-squared	0.877463	S.D. dependent var	520188.3	
S.E. of regression	182093.6	Akaike info criterion	27.19991	
Sum squared resid	5.64E+11	Schwarz criterion	27.34927	
Log likelihood	-268.9991	F-statistic	69.02747	
Durbin-Watson stat	1.639941	Prob(F-statistic)	0.000000	

## Phụ lục 2

Bảng 1.2: Chuyển dịch cơ cấu GDP của Khánh Hòa giai đoạn 1986 – 2005 (theo giá hiện hành) Đvt: %

Ngành kinh tế	1986	2000	2005
Nông nghiệp, LN, TS	46,78	26,87	17,61
Công nghiệp-Xây dựng	23,27	35,31	41,44
Dịch vụ	29,95	37,82	40,95
Tổng GDP	100	100	100

Nguồn: Niên giám thống kê Khánh Hòa

Bảng 2.2: Cơ cấu sử dụng đất Khánh Hòa năm 2005.

Mục đích sử dụng	2005	
	Diện tích	Cơ cấu
	ha	%
<b>Tổng diện tích tự nhiên (ha)</b>	<u>519.748</u>	<u>100</u>
1. Đất nông nghiệp	302.880	58,27
1.1 Đất sản xuất nông nghiệp	101.100	19,45
1.2 Đất lâm nghiệp	201.780	38,82
2. Đất chuyên dùng	81.060	15,60
3. Đất ở	5.820	1,12
4. Đất chưa sử dụng	129.988	25,01

Nguồn: Sở Nông nghiệp và PTNT, Quy hoạch sử dụng đất ở Khánh Hòa.

Bảng 3.2: Tình hình chuyển dịch cơ cấu ngành nông – lâm – ngư nghiệp của Khánh Hòa giai đoạn 2000 – 2005 (theo giá so sánh 1994)

Năm	Tổng giá trị		Nông nghiệp		Lâm nghiệp		Thủy sản	
	(tr. đ)	%	(tr. đ)	%	(tr. đ)	%	(tr. đ)	%
1986	779.710	100	544.000	69,77	32.200	4,13	203.510	26,10
2000	1.855.245	100	810.662	43,70	55.366	2,98	989.219	53,32
2005	2.116.524	100	896.790	42,37	55.538	2,62	1.164.196	55,01

Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê Tỉnh Khánh Hòa

Bảng 4.2 Sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp Khánh Hòa giai đoạn 2000 – 2005 (theo giá so sánh 1994)

Năm	Tổng số		Trồng trọt		Chăn nuôi		Dịch vụ	
	(tr. đ)	%	(tr. đ)	%	(tr. đ)	%	(tr. đ)	%
1986	544.000	100	397512	73,07	146488	26,93	0	0
2000	810.662	100	656.470	80,98	133.795	16,50	20.397	2,52
2005	896.790	100	651.225	72,62	187.698	20,93	57.867	6,45

Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê Tỉnh Khánh Hòa

Bảng 5.2: Cơ cấu giá trị sản xuất nội bộ ngành trồng trọt Khánh Hòa giai đoạn 1986 – 2005 (theo giá so sánh năm 1994) ĐVT:(trđ)

Năm	Tổng số		Lúa	Ngô và cây chất bột	Rau, đậu	Cây CN	Cây ăn quả
1986	397.512	100	197.719	70.516	41.728	95.549	56.210
2000	656.470	100	299.393	50.548	59.284	140.822	106.423
2005	651.225	100	224.515	60.581	60.216	150.660	155.253

Nguồn Niên giám thống kê tỉnh Khánh Hòa

Bảng 6.2: Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành trồng trọt Khánh Hòa giai đoạn 2000 – 2005 (Đvt:%)

Năm	Lúa	Ngô và cây chất bột	Rau đậu	Cây CN.	Cây ăn quả
1986	42,8	15,3	9,0	20,7	12,2
2000	45,61	7,7	9,03	21,45	16,21
2005	34,48	9,3	9,25	23,13	23,84

Nguồn: Tính toán từ niên giám thống kê Khánh Hòa

Bảng 7.2: Cơ cấu giá trị sản xuất ngành chăn nuôi qua các năm (theo giá so sánh 1994) (Đvt: %)

Năm	Gia súc	Gia cầm	Chăn nuôi khác
1986	71,45	28,35	0,2
2000	61,8	18,74	19,46
2005	72,33	13,77	13,9

Nguồn: Tính toán từ Niên giám thống kê Tỉnh Khánh Hòa

Bảng 8.2 Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành lâm nghiệp Khánh Hòa giai đoạn 2000 – 2005 (theo giá so sánh 1994)

Chi tiêu	1986	2000	2005
Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp (trđ, giá cố định 1994)			
Tổng số	32.200	55.366	55.538
Khai thác	24.205	17.637	17.828
Trồng rừng	7.995	34.535	34.312
Dịch vụ lâm nghiệp	-	3.194	3.398
Cơ cấu nội bộ ngành lâm nghiệp (% , giá cố định 1994)			
Khai thác	75,17	31,86	32,10
Trồng rừng	24,83	62,38	61,78
Dịch vụ lâm nghiệp	-	5,77	6,12

Nguồn: Tính toán từ niên giám thống kê Khánh Hòa

Bảng 9.2 Giá trị sản xuất ngành thủy sản Khánh Hòa giai đoạn 1986 – 2005 (theo giá hiện hành) (Đvt: trđ)

Chỉ tiêu	1986	2000	2005
Giá trị sản xuất	204.107	1.460.545	2.054.036
Khai thác	178.342	729.036	1.112.669
Nuôi trồng Thủy sản	25.828	627.109	883.660
Dịch vụ	-	104.400	57.707

Nguồn: Niên giám thống kê Khánh Hòa

Bảng 10.2 Chuyển dịch cơ cấu ngành thủy sản Khánh Hòa giai đoạn 1986 – 2005 (theo giá hiện hành) Đvt:%

Chỉ tiêu	1986	2000	2005
Khai thác	87,35	49,92	54,17
Nuôi trồng Thủy sản	12,65	42,94	43,02
Dịch vụ	-	7,15	2,81

Nguồn: Tính toán từ niên giám thống kê Khánh Hòa

Bảng 11.2 Chuyển dịch cơ cấu lao động Khánh Hòa giai đoạn 2000 - 2005

Chỉ tiêu	2000		2005	
	SL (người)	Cơ cấu (%)	SL (người)	Cơ cấu (%)
Tổng số	527.320	100	531.759	100
Lao động N - L - TS	286.095	54,25	252.453	47,48
Lao động CN - XD	94.436	17,91	113.180	21,28
Lao động TM - DV	146.789	27,84	166.126	31,24

Nguồn: Tính toán từ số liệu cơ bản của Tỉnh Khánh Hòa



Bảng 12.2 Cơ cấu đầu tư trong khu vực nông nghiệp giai đoạn 1986 - 2005

Chỉ tiêu	1986	1995	2000	2005
Vốn Đầu tư XDCB N-L-TS (tr.đ)	2500	16522	55215	352600
Trong đó:				
Thủy sản (tr.đ)		3210	3443	180000
Nông, lâm nghiệp (tr.đ)	2500	13312	51772	172600
<b>Cơ cấu (%)</b>				
Thủy sản	-	19,43	6,24	51,05
Nông, lâm nghiệp	100	80,57	93,76	48,95

Nguồn: Niên giám thống kê Khánh Hòa các năm

Bảng 13.2 Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp Khánh Hòa giai đoạn 1986 - 2005 (theo giá so sánh 1994) (Đvt: %)

	<b>Trồng trọt</b>	<b>Chăn nuôi</b>	<b>Lâm nghiệp</b>	<b>Thủy sản</b>	<b>Dịch vụ khác</b>
1986	51,0	18,8	4,1	26,1	-
1987	48,2	19,0	5,2	27,7	-
1988	48,3	19,2	5,2	27,3	-
1989	54,8	21,1	3,0	21,0	-
1990	55,9	14,0	4,4	25,8	-
1991	57,9	13,2	5,5	23,4	-
1992	55,6	13,8	5,1	25,5	-
1993	53,9	13,3	5,6	27,3	-
1994	47,6	13,0	5,0	34,4	-
1995	43,6	8,0	6,7	41,2	0,6
1996	49,8	9,0	5,4	33,0	2,7
1997	47,2	7,9	5,0	37,7	2,2
1998	41,9	7,7	3,2	43,2	4,0
1999	41,4	7,0	3,4	43,6	4,6
2000	35,4	7,2	2,8	50,3	4,3
2001	34,0	6,3	2,7	52,8	4,3
2002	34,5	8,8	2,5	50,5	3,6
2003	32,8	9,5	2,3	52,1	3,3
2004	34,6	8,4	2,4	51,4	3,2
2005	30,8	8,9	2,5	53,2	4,6

Nguồn: Tính toán từ niên giám thống kê Khánh Hòa

### Phụ lục 3

#### Mô hình về nông nghiệp sinh thái tại xã Diên Xuân – Diên Khánh

Đây là một mô hình kinh tế nông nghiệp sinh thái tự phát của anh Cù Văn Thành. Ban đầu, anh chỉ sở hữu một diện tích đất khoảng 3 ha dùng để trồng mỳ, dần dần anh mở rộng diện tích đất bằng nhiều hình thức như khai hoang, mua lại, sau gần 10 năm (năm 1999), diện tích đất sử dụng của anh lên đến 40ha. Với diện tích này, thời gian đầu, mỗi năm gia đình anh thu nhập khoảng 200 triệu đồng từ cây mỳ, cây mía. Đến năm 2000, thời điểm cây mía xuống giá, anh Thành chuyển sang trồng cây ăn quả như xoài, cam, bưởi, quýt, mít tố nữ... được trồng thẳng hàng theo ô thửa, bên dưới trồng cỏ, đến năm 2004, anh cải tạo cảnh quan trên phần đất của mình để làm du lịch sinh thái và anh bắt đầu xây dựng các khu vui chơi, bể bơi, hồ cá, nhà hàng ăn uống,... Anh sử dụng khu đất đồi có độ dốc lớn bên cạnh vườn cây ăn quả là vườn cây lâu năm như cây sao, cây dầu, keo... Hiện nay, mô hình này đang trong quá trình hình thành mức đầu tư rất cao so với khoảng thu nhập mang lại. Song đây là mô hình rất có triển vọng và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế – xã hội Khánh Hòa\_ một tỉnh có nhiều tiềm năng về du lịch.

### Phụ lục 4

#### 1 Danh sách hộ điều tra điển hình

1	Nguyễn thị An
2	HuỳnhKim Anh
3	Nguyễn An
4	Võ Thị An
5	Hoàng Xuân Ánh
6	Nguyễn Ngọc Ánh
7	Trương Ánh
8	Hồ Ba
9	Lê Văn Ba
10	Nguyễn Văn Bản
11	Nguyễn Ngọc Bằng
12	Nguyễn Ngọc Bằng
13	Phạm Bé
14	Phùng Bé
15	Phạm Biên
16	Đoàn Thị Biệt
17	Cao Hữu Bình

18	Ngô Bình
19	Ngô Bình
20	Trương Văn Bồi
21	Nguyễn Thị Bốn
22	Võ Búp
23	Cao trọng Cảnh
24	Phan Minh Cảnh
25	Trần Thị Càn
26	Nguyễn Văn Cận
27	Trương Chánh
28	Nguyễn Văn Chánh
29	Trần Chạy
30	Nguyễn Chấn
31	Nguyễn Văn Chí
32	Nguyễn Chi
33	Nguyễn Thị Chợ
34	Phạm Văn Chung

35	Phạm Thị Chúng
36	Trương Chúng
37	Nguyễn Thị Chuyên
38	Nguyễn Công
39	Nguyễn kể Công
40	Nguyễn Văn Cử
41	Nguyễn Văn Cử
42	Đoàn Duy Cường
43	Nguyễn Huy Cường
44	Nguyễn Tấn Cường
45	Phạm Cường
46	TRẦN VIỆT CƯỜNG
47	Trương Văn Dân
48	Võ Dân
49	Ngô Dị
50	Nguyễn Tấn Dũng
51	Nguyễn Thanh Dũng
52	Nguyễn Minh Dương
53	Trần Băng Dương
54	Trương Văn Dưỡng
55	Nguyễn Đa
56	Nguyễn Đãi
57	Võ Quốc Đạt
58	Nguyễn Văn Điền
59	Trần Tiên Đình
60	Nguyễn Văn Đó
61	Phan Văn Đức
62	Ngô Văn Hải
63	Nguyễn Thanh Hải
64	Phan Hạnh
65	Đỗ Thị Hiền
66	Bùi Tôn Hiến
67	Nguyễn Thị Hiến
68	Bùi Tôn Hiệp
69	Nguyễn Khắc Hiếu
70	Hoàng Hòa
70	Hoàng Hòa
71	Trương Minh Hòa
72	Nguyễn Văn Hóa
73	Lê Minh Hoàng

74	Ngô Văn Hoàng
75	Nguyễn Hồ
76	Đặng Văn Hồng
77	Nguyễn Thị Huệ
78	Đoàn Thị Huệ
79	Nguyễn Thị Huệ
80	Đặng Hùng
81	Ngô Tấn Hùng
82	Trần Phi Hùng
83	Nguyễn Thị Khai
84	Lâm Văn Khánh
85	Hoàng Khen
86	Trần Khánh
87	Trương Kịch
88	Nguyễn Thị Kiêm
89	Nguyễn Văn Kiện
90	Trần Thị Lành
91	Phạm Thị Lạc
92	Nguyễn Văn Lắm
93	Nguyễn Văn Lân
94	Nguyễn Chi Linh
95	Nguyễn Thị Liễu
96	Nguyễn Tấn Long
97	Phan Thành Lợi
98	Nguyễn Mạnh
99	TRẦN VĂN MẠNH
100	Trương Thị Nhân
101	Trần Nhiều
102	Mai Ngọc Phụng
103	Nguyễn Văn Phụng
104	Nguyễn Đức Phước
105	Nguyễn Phi Phương
106	Phạm Qua
107	Nguyễn Sung
108	Phan Văn Thành
109	Đặng Văn Thắng
110	Phạm Thu
111	Nguyễn Văn Thuận
112	Trương Minh Thuận
113	Võ Thị Thuận

114	Ngô Văn Trình
115	Trần Văn Trung
116	Phạm Văn Chương
117	Nguyễn Tự
118	Nguyễn Tét
119	Mai Liêm
120	Tạ Long Hòa
121	Nguyễn Rành
122	Nguyễn Đức Trí
123	Trần Tiết Thương
124	Võ Thanh Sơn
125	Trần Bình
126	Võ Bảy
127	Trần Thúng
128	Nguyễn Tít
129	Nguyễn xuân Quý
130	Phạm Minh Long
131	Võ Ngọc Hòa

132	Nguyễn Công Chánh
133	Nguyễn Ngọc Thạch
134	Phạm Tăng
135	Cù Văn Thành
136	Trần Thế Lâm
137	Trần Thanh Hải
138	Phùng Thanh Bông
139	Nguyễn Phi Điều
140	Lê Cự
141	Từ Hòa Nhứt
142	Nguyễn Ánh
143	Nguyễn Đùa
144	Nguyễn Thành Ứng
145	Hồ Ngọc
146	Nguyễn Văn Gửng
147	Nguyễn Văn Sỹ
148	Lê Văn Trọng

## 2

**PHIẾU KHẢO SÁT NÔNG HỘ****Phần I: THÔNG TIN CHUNG VỀ NÔNG HỘ**

Xã : .....

Huyện: .....

Tên chủ hộ: ..... Thời gian định cư:

Tuổi: ; Trình độ văn hóa: ; Dân tộc: ; Năm bắt đầu sản xuất NN:

Tham gia các hội, nhóm ND, tổ hợp tác: Có  ; Không 

- Hệ thống canh tác: (Ghi rõ các cây trồng vật nuôi chính của hộ): .....

.....

.....

**Phần II: THÔNG TIN VỀ SẢN XUẤT**

II.1. Hệ thống cây trồng (HTCT): ( chỉ ghi các cây trồng mang lại thu nhập cho gia đình)

• Mô tả lịch thời vụ HTCT:

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Cây dài ngày												
Cây ngắn ngày												

• Mô tả điều kiện sản xuất

✓ Nguồn nước sản xuất nông nghiệp:.....

✓ Tình trạng ngập úng trong mùa mưa:.....

✓ Tình trạng giao thông nơi sản xuất :.....

✓ Tỷ lệ diện tích đất canh tác:.....

• Mô tả yếu tố chất lượng sinh thái

✓ Tổng diện tích được trồng trọt quanh năm (chỉ ghi các loại cây có mang lại thu nhập cho gia đình): .....

✓ Gia đình có sử dụng phân hữu cơ để trồng trọt không? (% tổng chi phí phân bón/năm – nếu có; nguồn gốc: mua, từ vật nuôi trong gia đình, từ rác thải gia đình, ...):

II.2. Hệ thống vật nuôi (HTVN)

• Mô tả lịch chăn nuôi các loại vật nuôi: (thời gian sinh trưởng và chu kỳ kinh doanh):

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Vật nuôi												
Thủy sản												

**Ghi chú:** ghi tên các loại vật nuôi và thủy sản có mang lại thu nhập cho gia đình

### II.3. Thu nhập

#### • Từ trồng trọt:

Loại SP	Tổng lượng SP (kg)	Lượng bán (kg)	Lượng tiêu thụ gia đình (kg)	Đơn giá (kg)	Thành tiền (tr.đ)

**Ghi chú:** Lượng tiêu thụ gia đình gồm: ăn, làm giống, nuôi gia súc – gia cầm, cho-biểu bà con, trả công lao động, ...(ghi % cho mỗi loại)

#### • Từ chăn nuôi:

Loại SP	Số con/năm	Tổng sản lượng (kg)	Lượng tiêu thụ gia đình (kg)	Đơn giá bán (kg)	Thành tiền (tr.đ)

**Ghi chú:** Ghi rõ tên các loại vật nuôi

#### • Thu nhập khác:

Lao động thứ	Loại công việc	Thu nhập (tr.đ/tháng)	Số tháng làm việc/năm	Tình trạng công việc
1				
2				
3				
4				
5				

**Ghi chú:** Lao động thứ: liệt kê tất cả lao động trong gia đình có nguồn thu nhập khác. Loại công việc: lương CNV, làm thuê, đổi công, buôn bán, dịch vụ, ...; Tình trạng công việc:(ổn định: 1; không ổn định: 0)

**Phần III: THÔNG TIN VỀ ĐẤT ĐAI – MÁY MÓC NÔNG NGHIỆP HIỆN CÓ**

III.1. Diện tích đất: Tổng DT hiện có: ..... ha;

Trong đó: của gia đình ..... ha; thuê: ..... ha;

## • Đất của gia đình:

Mảnh số	DT (ha)	Nhóm đất	Hệ thống canh tác	Số vụ/năm	Hạng thuế	Nguồn gốc
1						
2						
3						

Ghi chú: Hạng thuế (hạng; kg/ha/năm, nguồn gốc (tạo lập, mua, thừa kế, thuê tạm thời, thuê dài hạn)

## • Đất thuê: (ngắn, dài hạn)

Mảnh số	DT (ha)	Nhóm đất	Hệ thống canh tác	Số vụ/năm	Hạng thuế	Chi phí thuê (đồng/năm)
1						
2						
3						

Ghi chú: chi phí thuê: không kể thuế nông nghiệp

## III.2. Máy móc nông nghiệp

## • Máy sở hữu của gia đình

Loại máy	Công suất (HP)	Giá mua (Tr.đ)	Sửa chữa-bảo trì (Tr.đ/năm)	Thời gian SD (năm)	Mua năm nào?

## • Máy thuê:

Loại máy	Làm công việc?	Thời gian thuê (giờ)	Giá thuê (đ/giờ)

Ghi chú: Mô tả rõ công việc máy sử dụng (cày, bừa, phun thuốc, tưới tiêu, suốt- phóng lúa, ...).**Phần IV: THÔNG TIN VỀ NGUỒN VỐN – TÍN DỤNG**

## • Vay tín dụng

Nguồn vốn	Số lượng (tr.đ)	Thời gian (tháng)	Lãi suất (%/tháng)	Mục đích vay?	Vay từ .... đến .....	Tháng thiếu vốn

Ghi chú: Nguồn vốn (NHNN, Quỹ XĐGN, NH TMCP, ...); Mục đích vay? (sử dụng cho TT, CN bao nhiêu %); Vay từ ... đến: vay từ tháng nào đến tháng nào?

- Vốn gia đình đầu tư cho sản xuất (*mua sắm máy móc và công cụ sản xuất phục vụ nông nghiệp*):

Loại máy mua	Số tiền (tr.đ)	TG mua(năm nào?)	% Vốn tự có	% Vốn vay

### Phần V: THÔNG TIN VỀ LAO ĐỘNG

- Tổng số nhân khẩu trong hộ:       ; Nam:       ; Nữ:
- Nguồn lao động tham gia làm nông nghiệp: (*chỉ ghi những người từ 15 tuổi trở lên tham gia lao động*)

Tên lao động	Tuổi	Giới tính (nam:1; nữ: 0)	Trình độ VH hoặc nghề	Thời gian làm NN (%/tổng quỹ TG)	Số năm SXNN

- Tình trạng thuê – mướn lao động trong sản xuất, thủy sản và trồng lúa

Loại công việc	Số lao động thuê (nc)	Giá LĐ (đ/nc)	Nguồn LĐ

Ghi chú: Nguồn LĐ (hàng xóm, đổi công, LĐ địa phương khác, ...); nc: ngày công

### Phần VI: THÔNG TIN VỀ THỊ TRƯỜNG – TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Loại SP	Tiêu thụ tại?	Bán cho ai?	PTTT? ?	TĐTT?	Giá bán (đ/đvsp)	Ai định giá?
<b>Trồng trọt</b>						
<b>Chăn nuôi</b>						
<b>Thủy sản</b>						

Ghi chú: Tiêu thụ tại?: nơi bán (chợ, tại nhà); Bán cho ai?: bán cho thu gom cấp (địa phương, thành phố), hàng xáo, đại lý vật tư NN, nhà máy xay, doanh nghiệp, ...; PTTT?: phương thức thanh toán (trả ngay, trả chậm tiền mặt, trao đổi sản phẩm, ký hợp đồng đầu vụ, bao nhiêu sản phẩm); TĐTT?: tháng tiêu thụ hoặc bán sản phẩm; Ai định giá?: người đưa ra giá mua bán (nông dân :1; người mua: 0; cả hai: 2)



• Liệt kê những trở ngại nhất của nông hộ:

Thiếu vốn ; Thiếu lao động ; Đất ít

Giá nông sản thấp ; Khó tiếp cận kiến thức KHKT

Thiếu thông tin nông nghiệp – khuyến nông ; Thiếu thông tin thị trường

Giá lao động tăng ; Chính sách NN chưa phù hợp

Nhiều rủi ro cho SXNN và gia đình (đau ốm, trộm cắp, thiên tai, ...)

Khác  (liệt kê tên các vấn đề)

.....

.....

.....

• Đề nghị và nguyện vọng của hộ nông dân:

✓ Về kỹ thuật nông nghiệp:

- Được hướng dẫn kỹ thuật nông nghiệp từ cán bộ khuyến nông Xã

- Được hướng dẫn kỹ thuật nông nghiệp chuyên nghiệp

- ...

✓ Vốn vay:

- Qui mô tiền vay:

- Lãi suất:

- Kỳ hạn:

✓ Tiêu thụ sản phẩm:

- Thông qua hợp đồng :

- Khác (ghi rõ):

Ngày điều tra: /09/2006

## 3

**Mô tả các chỉ tiêu điều tra**

Chỉ tiêu	Số hộ trên tổng số 300 hộ được điều tra (hộ)	Tỷ lệ
Nguồn nước: - Tự chảy - Từ đập thủy lợi	243 57	81% 19%
Số hộ có máy cày/xe công nông phục vụ nông nghiệp	15	5%
Số hộ có trang trại: - Chăn nuôi - Trồng trọt - Thủy sản	1 4 2	0,3% 1,3% 0,7%
Nguồn vốn: - Tự có - Vay người thân - Vay ngân hàng	236 22 42	79% 7% 14%
Tham gia câu lạc bộ khuyến nông	19	6,3%

- 100% hộ được khảo sát cho rằng giá cả đầu ra bấp bênh, không ổn định, giá phân bón, thuốc trừ sâu quá cao.
- Hộ có năng lực tài chính thì lượng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón càng tăng.
- Yêu cầu lớn nhất của người nông dân là được chính quyền quan tâm việc giải quyết đầu ra cho họ.
- 100% hộ được điều tra là thiếu thông tin thị trường, khó tiếp cận khoa học kỹ thuật.
- 100% hộ điều tra cho rằng mức sống có cải thiện.